**NGỮ VĂN 6 : HỌC KÌ II**

**BÀI 6: CHỦ ĐỀ CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG**

1. **IẾT)**

**A. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, nhận biết được chủ đề văn bản.

- Nhận biết được văn bản thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai văn bản theo trật tự thời gian.

- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong chuỗi liệt kê phức tạp).

- Bước đầu biết viết văn bản thông tin thuật lại một sự kiện.

- Kể được một truyền thuyết.

- Biết nói, nghe bạn kể được một truyền thuyết.

**2.Năng lực :**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản trong bài học.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện và phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

**II. Phẩm chất**

-Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc,có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.

- Luôn có ý thức rèn luyện bản thân để có lối sống tích cực, thấy được mối quan hệ giữa cá nhân với tập thể cộng đồng.

**B. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Chuẩn bị phiếu học tập và dự kiến các nhóm học tập.

+Các phương tiện : Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+Học liệu:Video clips , tranh ảnh, bài thơ, câu nói nổi tiếng liên quan đến chủ đề.

**2. Học sinh.**

- Đọc văn bản theo hướng dẫn **Chuẩn bị đọc** trong sách giáo khoa.

- Chuẩn bị bài theo câu hỏi trong SGK, sưu tầm, đọc, tìm hiểu một số truyện truyền thuyết. Tìm hiểu về một số lễ hội văn hóa ở địa phương...

**C. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút sự chú ý của HS vào việc thực hiện nhiệm việc học tập. Khắc sâu tri thức chung cho bài học nhằm giới thiệu chủ đề “*Chuyện kể về những người anh hùng*” và thể loại của văn bản chính là truyền thuyết.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

Trò chơi *Ai nhanh hơn?*

+ Chia lớp thành 2 đội (tương đương 2 dãy)

+ Học sinh mỗi đội sẽ lần lượt viết tên những truyện truyền thuyết mà mình đã được nghe, được đọc lên bảng.

Trong thời gian 3 phút, dãy nào viết được nhiều đáp án đúng lên bảng nhất sẽ thắng cuộc.

*Vấn đáp*: Trong những truyện truyền thuyết trên em ấn tượng với câu chuyện nào? Nêu cảm nhận về một nhân vật trong truyện truyền thuyết mà em yêu thích.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

**- HS** suy nghĩ thực hiện nhiệm vụ

- GV quan sát, hỗ trợ khi khó khăn

- Dự kiến sản phẩm:

+ Các câu chuyện: Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thủy Tinh; con Rồng cháu Tiên…

+ Ấn tượng: HS phát biểu theo ý cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- HS nhận xét, bổ sung, đánh giá

- GV nhận xét, dẫn dắt vào bài học mới:Mở đầu chương V Đất Nước (trích trường ca Mặt đường khát vọng), nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm có viết:

*Khi ta lớn lên Đất Nước đã có rồi  
Đất Nước có trong những cái “ngày xửa ngày xưa...” mẹ thường hay kể  
Đất Nước bắt đầu với miếng trầu bây giờ bà ăn  
Đất Nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc  
Tóc mẹ thì bới sau đầu  
Cha mẹ thương nhau bằng gừng cay muối mặn  
Cái kèo, cái cột thành tên  
Hạt gạo phải một nắng hai sương xay, giã, giần, sàng  
Đất Nước có từ ngày đó...*

Các em biết không, cội nguồn đất nước bắt đầu từ những gì gần gũi, bình dị với mỗi người, bắt nguồn từ những câu chuyện truyền thuyết, truyện dân gian từ xa xưa mà ta vẫn được nghe mẹ, nghe bà kể mỗi tối. Để qua những câu chuyện đó, ta thấy yêu đất nước và thấy có niềm tin vào cuộc sống hơn.

Đến với bài học hôm nay, các em sẽ có cơ hội tìm hiểu về những truyền thuyết, đó là những chuyện kể về những người anh hùng, để thêm yêu mến, trân trọng những sáng tác dân gian vô giá!

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 73+74: ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN 1: THÁNH GIÓNG**

**1. Giao nhiệm vụ trước giờ học:**

? Hãy cho biết lễ hội trên là tưởng nhớ vị anh hùng nào của dân tộc?

? Em biết gì về người anh hùng ấy, hãy giới thiệu ngắn gọn cho các bạn biết?

**2. Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS làm việc tại nhà

- Dự kiến sản phẩm: Lễ hội trên là tưởng nhớ vị anh hùng nào của dân tộc: Thánh Gióng. Thánh Gióng là vị anh hùng có công giết giặc Ân, bảo vệ bờ cõi đất nước. Thánh Gióng có nhiều phẩm chất cao quý... (HS bày tỏ)

**3. Báo cáo sản phẩm:** HS bày tỏ ý kiến

**4. Kết luận nhận định:**

- GV nhận xét, hướng vào bài: Các em ạ, yêu nước, quyết tâm bảo vệ non sông, đất nước là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Truyền thống ấy không chỉ minh chứng bằng những trang lịch sử vẻ vang của dân tộc, mà còn trở thành đề tài của nhiều tác phẩm văn học. Trong kho tàng truyện dân gian, ***Thánh Gióng*** là một truyền thuyết nổi tiếng nhất, tiêu biểu nhất cho vẻ đẹp của lòng yêu nước và khí phách dân tộc. Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về truyền thuyết ***Thánh Gióng*** để hiểu hơn về người anh hùng Thánh Gióng và một thời kì lịch sử của dân tộc...

**1. HOẠT ĐỘNGHÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**I. Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu**: Nắm được những kiến thức cơ bản về truyền thuyết.

**b. Nội dung hoạt động:** Vận dụng kĩ năng đọc thu thập thông tin, trình bày một phút để tìm hiểu về truyền thuyết : khái niệm, chi tiết thần kì, đề tài, chủ đề… )

- HS trả lời, hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời cá nhân trình bày được một số nét cơ bản về truyền thuyết.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THƯC** |
| 1. **Giao nhiệm vụ học tập**   - GV yêu cầu HS đọc phần tri thức ngữ văn trong sgk sau đó trả lời câu hỏi:  ? Nêu định nghĩa về truyền thuyết là gì?  ? Về thể loại truyện truyền thuyết: xác định các yếu tố cơ bản của truyền thuyết đó như cốt truyện, nhân vật, lời kể, yếu tố kì ảo?  **2. Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe , nghiên cứu SGK, hoạt động cá nhân  - GV quan sát hoạt động của HS  - Dự kiến sản phẩm:  + *Truyện truyền thuyết* là loại truyện dân gian, kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.  + Các yếu tố cơ bản của truyền thuyết:  \* Nhân vật chính của truyền thuyết là những người anh hùng.  \* Lời kể của truyền thuyết cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca, có sử dụng một số thủ pháp nghệ thuật nhằm gây ấn tượng về tinh xác thực của câu chuyện.  \* Truyền thuyết thường kể lại cuộc đời và chiến công của nhân vật lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc các phong tục, sản vật địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian.  \* Yếu tố kỉ ảo (lạ và không có thật) xuất hiện đậm nét ờ tất cả các phần nhằm tôn vinh, lí tưởng hoá nhân vật và chiến công của họ.  **3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày 1 phút  **4. Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức, ghi lên bảng | **A. Tìm hiểu tri thức ngữ văn**  **1. Khái niệm**  - *Truyện truyền thuyết* là loại truyện dân gian, kể về các sự kiện và nhân vật ít nhiều có liên quan đến lịch sử, thông qua sự tưởng tượng, hư cấu.  **2. Một số yếu tố của truyện truyền thuyết:** - Cốt truyện: Kể về cuộc đời và những chiến công của các nhân vật lịch sử, hoặc giải thích các phong tục, tập quán, sản vật của địa phương theo quan điểm của tác giả dân gian. Kể theo trình tự thời gian. Không gian cụ thể, xác định.  - Nhân vật chính: là những người anh hùng đại diện cho nhân dân (anh hùng chống giặc ngoại xâm, danh nhân văn hóa..)  - Lời kể: cô đọng, mang sắc thái trang trọng, ngợi ca.  - Yếu tố kì ảo (lạ và không có thật): xuất hiện đậm nét, nhằm tôn vinh, lí tưởng hóa nhân vật và chiến công của họ. |

**II. Tìm hiểu chung về văn bản Thánh Gióng**

**a. Mục tiêu**: HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được những chi tiết, sự việc chính; nắm được khái niệm, đặc điểm (các yếu tố) của thể loại truyền thuyết; ngôi kể, bố cục của văn bản…

**b. Nội dunghoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **1.Giao nhiệm vụ học tập**  *-* GV hướng dẫn cách đọc:  + Đoạn Gióng ra đời: giọng ngạc nhiên, hồi hộp: đoạn Gióng ra đời.  + Đoạn Gióng trả lời sứ giả: giọng dõng dạc, trang nghiêm.  + Đoạn cả làng nuôi Gióng: giọng háo hức, phấn khởi.  + Đoạn Gióng đánh giặc: khẩn trương, mạnh mẽ.  + Đoạn cuối: giọng chậm, nhẹ, xa vời, mang màu sắc huyền thoại.  GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó: *sứ giả, áo giáp, tây, truyền, khôi ngô, phúc đức, thụ thai, phi…*  ? Hãy nêu đặc điểm nổi bật của truyền thuyết *Thánh Gióng* (nhân vật, sự việc, ngôi kể,...)  ? Nêu những sự kiện chính của truyện.  ? Hãy kể tóm tắt truyện từ 5-7 câu?  ? Nêu bố cục của văn bản. Có thể chia theo cách khác?  **2.Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài theo hướng dẫn của giáo viên  - HS hoạt động cá nhân, sau đó làm việc theo cặp đôi thống nhất câu trả lời.  - GV quan sát hoạt động của HS, hỗ trợ khi cần  - Dự kiến sản phẩm:  + Thánh Gióng thuộc truyện truyền thuyết, nhân vật chính là Thánh Gióng, kể theo ngôi thứ ba  + Sự việc chính:  (1) Sự ra đời kì lạ  (2)Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc  (3) Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt  (4) Gióng vươn vải trở thành tráng sĩ  (5) Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc  (6) Gióng bay về trời  + Tóm tắt: Thời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng nọ dù ăn ở hiền lành nhưng vẫn chưa có con. Một hôm, bà lão ra đồng nhìn thấy một vết chân thì ướm thử. Về nhà, bà có mang và sinh ra một câu bé. Lên ba tuổi mà cậu vẫn chưa biết nói. Lúc bấy giờ, giặc Ân đến xâm lược, vua cho đi khắp nước tìm người tài. Đến làng Gióng thì kì lạ thay, cậu bé bỗng cất tiếng nói bảo mẹ mời sứ giả vào nhà…  + *Văn bản chia làm 3 phần*  *- Phần 1: Từ đầu đến “…đặt đâu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng)*  *- Phần 2: Tiếp đến“…cứu nước”(Sự lớn lên của Thánh Gióng)*  *- Phần 3: Còn lại (Thánh Gióng đánh giặc và về trời)*  **3. Báo cáo thảo luận**  - đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm thảo luận  **4.Kết luận, nhận định**  - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, ghi lên bảng | **B. Tìm hiểu văn bản Thánh Gióng**  **I. Tìm hiểu chung**  **1. Thể loại: Truyền thuyết**  **-** Thể loại: truyền thuyết  Truyền thuyết Thánh Gióng liên quan đến sự thật lịch sử ở thời đại Hùng Vương.   * Ngôi kể: ngôi thứ ba * PTBĐ: tự sự  1. **Cốt truyện**   - Nhận vật chính: *Thánh Gióng*  **- Sự việc:**  (1) *Sự ra đời kì lạ*  *(2)Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc*  *(3) Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt*  *(4) Gióng vươn vải trở thành tráng sĩ*  *(5) Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc*  *(6) Gióng bay về trời*   1. **Bố cục văn bản**: *Văn bản chia làm 3 phần*   *- Phần 1: Từ đầu đến “…đặt đâu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng)*  *- Phần 2: Tiếp đến“…cứu nước”(Sự lớn lên của Thánh Gióng)*   * *- Phần 3: Còn lại (Thánh Gióng đánh giặc và về trời)* |

**III. Tìm hiểu văn bản.**

**1. Nhân vật Thánh Gióng**

***a. Sự ra đời của Thánh Gióng***

**(Sử dụng phiếu học tập số 1)**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết những chi tiết về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện; sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng.

**b.Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm theo bàn.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **1.Giao nhiệm vụ học tập**  *-* GV yêu cầu đọc thầm phần 1 của văn bản truyện: từ đầu đến “…*nằm đấy*”.  + Hoàn thành phiếu HT 01:  *Tìm những chi tiết kể về sự ra đời của Gióng(bình thường/ khác thường)? Nhận xét về những chi tiết ấy? Suy nghĩ gì về nguồn gốc của Gióng?*  **2.Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài theo hướng dẫn của giáo viên  - HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi  - GV quan sát hoạt động của HS, hỗ trợ khi cần  \* Dự kiến sản phẩm:  - *Sự bình thường*: Con hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và phúc đức*.*  *- Sự khác thường:*  + bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai.  + mười hai tháng sau sinh một cậu bé ....  + lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.  ->*Sự ra đời của Thánh Gióng kì lạ, khác thường. Nhưng Gióng xuất thân bình dị, gần gũi- người anh hùng của nhân dân*.  **3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày cá nhân  **4.Kết luận, nhận định**  - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Cha mẹ Gióng là những người tốt bụng, hiện lành , được đền đáp xứng đáng 🡪 thể hiện quan niệm của dân gian ở hiền gặp lành.  + Có thể nói, ngay từ những chi tiết đầu tiên của câu chuyện đã đưa ta vào thế giới của những điều kì lạ. Ta chưa bao giờ gặp một bà mẹ ướm vào vết chân lạ mà có thai. Ta cũng chẳng thấy ai mang thai trong 12 tháng 🡪 sự ra đời của một con người phi thường.  Và những chi tiết hoang đường ấy càng cuốn hút ta vào câu chuyện mà ở đó trung tâm chính là cậu bé làng Gióng. Qua đây, cô muốn nhấn mạnh với các con rằng: sự ra đời kì lạ, khác thường của Gióng chính là mô-tip xây dựng nhân vật người anh hùng đặc trưng trong các truyện dân gian. Các con có thể tìm đọc thêm các truyện trong dân gian Việt Nam để thấy rõ điều này nhé. | **II. Tìm hiểu văn bản Thánh Gióng**  **1. Nhân vật Thánh Gióng**  ***a. Sự ra đời của Thánh Gióng***  - Vợ chồng ông lão phúc đức, hiếm muộn  - Bà mẹ ướm vào vết chân lạ -> thụ thai  - Mang thai 12 tháng mới sinh  - Gióng lên ba: không biết nói, cười, không biết đi.  🡪*Sự ra đời kì lạ, báo hiệu một con người phi thường* |

***b. Sự lớn lên của Thánh Gióng***

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được những hình ảnh, chi tiết nói sự trưởng thànhcủa Gióng, và cảm nhận được ý nghĩa của từng chi tiết. Cảm nhận vẻ đẹp của hình tượng Gióng.

**b.Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của chi tiết.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS qua phiếu học tập số 2

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **1.Giao nhiệm vụ học tập**  - Chia lớp ra làm 3 nhóm, yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3…  - Phát phiếu học tập số 2& giao nhiệm vụ:  (1) Tìm và liệt kê những chi tiết kì lạ về sự lớn lên của Gióng?  (2) Chi tiết đó có ý nghĩa gì?  **2.Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi sau đó thống nhất ý kiến trong nhóm  - GV quan sát hoạt động của HS, hỗ trợ khi cần  \* Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết** | **Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết** | | Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc | -> Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn... | | + Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ. | | + Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng. | | Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt | -> Vũ khí hiện đại. | | Bà con góp gạo nuôi Gióng | *->*Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân. | |  |   **3. Báo cáo thảo luận**  - Đại diện nhóm đứng lên trình bày sản phẩm  **4.Kết luận, nhận định**  - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: *Theo quan niệm của dân gian, đã là bậc anh hùng thì phi thường, kì lạ trong mọi biểu hiện, kể cả lúc mới được sinh ra. Điều đó thể hiện sự kì vọng vào những việc làm có ý nghĩa của người đó.* | ***b. Sự lớn lên của Thánh Gióng***  - Hoàn cảnh: Giặc Ân xâm lược.  - Gióng cất tiếng nói muốn đi đánh giặc cứu nước.  🡪 Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.  - Sau khi gặp sứ giả, Gióng lớn nhanh như thổi 🡪 sự trưởng thành để đáp ứng nhiệm vụ cao cả.  - Bà con góp gạo nuôi chú bé.  🡪 thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân. Gióng là người anh hùng của nhân dân, được dân nuôi lớn, mang theo sức mạnh của toàn dân. |

***c. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời***

**a. Mục tiêu:**

- Cảm nhận được ý nghĩa của những hình ảnh, chi tiết kì lạGióng đánh tan giặc và bay về trời.

**b. Nội dung**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi.

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

**c. Sản phẩm**: câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **1.Giao nhiệm vụ học tập**  (1) Tìm và liệt kê các chi tiết kì ảo về Gióng đánh tan giặc và bay về trời? Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ” có ý nghĩa gì? Chi tiết kì ảo đó có ý nghĩa gì?  (2) Chiến công phi thường của Gióng đã làm nên điều gì? Em hãy nêu ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng?  **2.Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân trả lời  - GV quan sát hoạt động của HS, hỗ trợ khi cần  \* Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | | **Chi tiết** | **Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết** | | Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ | -> sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước. | | Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc | -> Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước. | | Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời | -> Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh.  ***-***Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng | |  | |  |   **3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày cá nhân  **4.Kết luận, nhận định**  - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Chiến công của Thánh Gióng đem lại hòa bình cho đất nước, hình tượng Gióng trở thành:  - là biểu tượng rực rỡ, tiêu biểu của người anh hùng đánh giặc cứu nước.  - Tượng trưng cho sức mạnh của cae cộng đồng, của nhân dân. | ***c. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời***  - Tư thế, hành động:  + vươn vai thành tráng sĩ  + phi thẳng đến nơi có giặc  + Đón đầu, giết hết lớp này đến lớp khác  🡪 Sự lớn dậy phi thường, sự oai phong, lẫm liệt, sức mạnh không thể địch nổi của tráng sĩ  - Khi roi sắt gẫy, tráng sĩ nhổi bụi tre quật vào giặc  🡪thể hiện quyết tâm giết giặc đến cùng.   * Giặc tan, Gióng cưỡi ngựa bay về trời.   🡪Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh.  🡪Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng. |

**2. Chi tiết hoang đường kì ảo:**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết những chi tiết kì ảo và ý nghĩa của những chi tiết kì ảo trong truyền thuyết Thánh Gióng.

**b.Nội dung hoạt động**: HS làm việc cá nhân, hoạt động nhóm theo bàn.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời, phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **1. Giao nhiệm vụ học tập**  Liệt kê những chi tiết hoang đường kì ảo trong truyện? Nêu ý nghĩa của những chi tiết đó?  **2.Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoạt động cá nhân trả lời sau đó thống nhất ý kiến theo nhóm bàn  - GV quan sát hoạt động của HS, hỗ trợ khi cần  \* Dự kiến sản phẩm: Các chi tiết hoang đường:  + Sự ra đời của Gióng  + Gióng ăn nhiều, lớn nhanh  + Nhổ tre giết giặc  + Bay về trời  => ca ngợi phẩm chất, ca ngợi lòng yêu nước và gửi gắm về ước mơ người anh hùng cứu nước.  **3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày cá nhân  **4.Kết luận, nhận định**  - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Chiến công của Thánh Gióng đem lại hòa bình cho đất nước, hình tượng Gióng trở thành:  - là biểu tượng rực rỡ, tiêu biểu của người anh hùng đánh giặc cứu nước.  - Tượng trưng cho sức mạnh của cae cộng đồng, của nhân dân. | **2. Chi tiết hoang đường kỳ ảo:**  \* Chi tiết hoang đường kì ảo:  + Sự ra đời của Gióng: bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai. Tiếng nói đầu tiên là đòi đi đánh giặc.  + Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.  + Tráng sĩ nhổ tre quật vào lũ giặc  + Đánh giặc xong, cả người lẫn ngựa bay về trời.  \* Ý nghĩa:  - Tác giả dân gian ca ngợi phẩm chất của Thánh Gióng như có lòng yêu nước, có ý chí, quyết tâm, có sức mạnh, trong sáng, vô tư. Nhấn mạnh sự ra đời thần kì, chiến công phi thường và hóa thân bất tử của người anh hùng .  - Ca ngợi tinh thần yêu nước, đoàn kết của nhân dân và gửi gắm ước mơ về người anh hùng cứu nước. |

***3. Các chi tiết liên quan đến sự thật lịch sử***

**a. Mục tiêu:**

- Tìm được những dấu tích của Gióng để lại, ý nghĩa của những dấu tích ấy.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT bể cá, tổ chức hoạt động cá nhân cho HS.

- HS làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **1. Giao nhiệm vụ học tập**  **KĨ THUẬT BỂ CÁ**  **Bước 1:GV giao nhiệm vụ: (**một nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những HS thảo luận, bổ sung thêm thông tin)  (1)? Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện? Hoàn cảnh ấy cho ta biết được điều gì?  (2) Những dấu tích của truyền thuyết Thánh Gióng để lại đến ngày này là gì?  (3) Lời kể nào trong truyện Thánh Gióng hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?  **2.Thực hiện nhiệm vụ**  - HS ngồi quây thành vòng tròn thảo luận trả lời  - GV quan sát hoạt động của HS, hỗ trợ khi cần (Tháo gỡ khó khăn ở câu hỏi (2) bằng cách gợi ý (Tại sao chúng ta có niềm tin chuyện Thánh Gióng là có thật))  \* Dự kiến sản phẩm:  - Thời gian, địa điểm: thời Hùng Vương thứ 6 tại làng Gióng (có giặc phương Bắc xâm chiếm, lúc đó người Việt chế tạo ra vũ khí sắt, thep và có tinh thần chống giặc)  - Dâu tích: đền thờ, bụi tre, ao hồ, làng Cháy  **3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày, chia sẻ quan điểm, ý kiến cá nhân  **4.Kết luận, nhận định**  - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Các chi tiết liên quan đến sự thật lịch sử**  **\* Câu chuyện được đặt trong hoàn cảnh cụ thể:**  **- Thời gian:** Đời Hùng Vương thứ 6.  **- Địa điểm**: Tại làng Gióng.  **\* Dấu tích**  - Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương   * Bụi tre đằngngà * Ao hồ liêntiếp * Làng Cháy   **\* Ý nghĩa:**  - Nhân dân ta tin rằng Thánh Gióng là người anh hùng có thật, thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng đánh giặc cứu nước.  **-** - Tăng tính xác thực cho câu chuyện,  tạo niềm tin cho người đọc. |

**HOẠT ĐỘNG III: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB Thánh Gióng, cách học truyền thuyết.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân .

- HS làm việc cá nhân, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **1. Giao nhiệm vụ học tập**  ? Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật và sức cuốn hút của truyền thuyết Thánh Gióng? Nội dung, ý nghĩa của văn bản?  ? Từ đó em rút ra đặc trưng cơ bản nào của truyện truyền thuyết? Để đọc hiểu một truyền thuyết, chúng ta cần lưu ý điều gì?  **2.Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ làm việc cá nhân  - GV quan sát hoạt động của HS, hỗ trợ khi cần  \* Dự kiến sản phẩm:  - *Nội dung*: Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta.  - *Ý nghĩa*: Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.  **-** Nghệ thuật **:** Chi tiết tưởng tượng kì ảo**,** sựkết hợp huyền thoại và thực tế  **3. Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày cá nhân  **4.Kết luận, nhận định**  - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Chi tiết tượng tượng kìảo.  - Khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoangđường).  - Lời kể cô đọng, trang trọng.  **2. Nội dung, ý nghĩa:**   * *Nội dung*: Truyện ca ngợi công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộcta.   *\* Ý nghĩa*: Hình tượng *Thánh Gióng* là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường, quyết tâm, tinh thần đoàn của dân tộc. Truyền thuyết thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc. |

**\* Hoạt động luyện tập:**

**1. Giao nhiệm vụ học tập**

Lớp có 2 dãy, mỗi dãy thực hiện 1 bài. Thảo luận theo nhóm, kĩ thuật "**XYZ".Ví dụ kĩ thuật 422 thực hiện. (Kĩ thuật 422 (XYZ)** Mỗi nhóm 4 ng­ười (= hai bàn), mỗing­ười viết 2 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 2 phút về cách giải quyết câu hỏi và tiếp tục chuyển cho ngư­ời bên cạnh)

**Câu 1.** Việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng thể hiện điều gì? Nêu một vài hiểu biết của em về hội Gióng?

**Câu 2**. Tại sao hội thi thể thao trong nhà trường mang tên“***Hội khỏe Phù Đổng”?***

**2.Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS hoạt động nhóm thực hiện yêu cầu

- GV quan sát hoạt động của Hs

- Dự kiến sản phẩm:

1. Việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng thể hiện tấm lòng tri ân người anh hùng bất tử, hướng về cội nguồn.

Hội Gióng là một lễ hội văn hóa cổ truyền mô phỏng rõ một cách sinh động và khoa học diễn biến các trận đấu của [Thánh Gióng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1nh_Gi%C3%B3ng) và nhân dân [Văn Lang](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_Lang) với giặc Ân. Thông qua đó có thể nâng cao "nhận thức cộng đồng về các hình thức chiến tranh bộ lạc thời cổ xưa và liên tưởng tới cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện trong sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc".

2. Lí do đặt tên:

– Hội thi dành cho lứa tuổi thiếu niên, lứa tuổi Thánh Gióng trong thời đại mới.

– Hình ảnh Thánh Gióng là hình ảnh của sức mạnh, của tinh thần chiến thắng rất phù hợp với ý nghĩa của một hội thi thể thao.

- Mục đích của hội thi là rèn luyện thể lực, sức khoẻ để học tập, lao động, góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc sau này.

**3. Báo cáo thảo luận**: Đại diện các nhóm bày tỏ quan điểm của nhóm mình

**4. Kết luận, nhận định**

- HS nhận xét, đánh giá

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**\* Hoạt động vận dụng:**

**1.Giao nhiệm vụ học tập**

Viết đoạn văn (từ 5 - 7 câu) về một hình ảnh hay hành động của *Thánh Gióng* đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em? (có thể cho về nhà)

1. **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện ở nhà, báo cáo vào tiết học sau.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 75: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**1. Giao nhiệm vụ trước giờ học:**

- GV yêu cầu HS: Qua VB Thánh Gióng, em hãy tìm động từ, tính từ để chỉ hành động và phẩm chất của nhân vật Thánh Gióng.

- Dự kiến sản phẩm:

|  |  |
| --- | --- |
| Động từ chỉ hành động của Thánh Gióng | Tính từ chỉ vẻ đẹp của Thánh Gióng |
| Vươn (vươn vai)  Nhổ (nhổ tre)  Quật (quật vào lũ giặc)  Cởi (cởi bỏ áo giáp sắt)  Bay (bay về trời).... | * Mạnh mẽ * Dũng cảm. * Nhanh * Khỏe * Cao lớn.... |

**- GV kết nối**: GV nêu mục tiêu của tiết học và phạm vi kiến thức trong tiết học mà HS được ôn tập, củng cố (nt)

**I. Nhận diện kiến thức Tiếng Việt**

**a**. **Mục tiêu**: Củng cố lại kiến thức về tính từ, động từ, cụm tính từ, cụm động từ; và ôn tập về từ Hán Việt - một phận quan trong tiếng Việt.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cặp đôi để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  (1) Kể tên các loại cụm từ đã học ở kì 1. Lấy ví dụ cụm tính từ, cụm động từ trong VB Thánh Gióng. Tìm ra thành phần trung tâm trong cụm từ vừa tìm được.  (2) Trong lớp, em hiểu được nghĩa tên gọi của bạn nào? Ví dụ.  Từ Hán Việt được dùng hầu hết cách đặt tên của người Việt . Vậy thế nào là từ Hán Việt?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ làm việc cá nhân sau đó thống nhất ý kiến theo nhóm bàn  - Gv quan sát hoạt động của Hs hỗ trợ khi cần  - Dự kiến sản phẩm:  + Ở học kỳ 1 đã học cụm DT, cụm Đt, cụm TT.  VD: cụm ĐT: mở hội to lắm; cụm TT: chăm làm ăn  + VD tên 1 số bạn trong lớp mà em hiểu:  Thiên Ân: ân đức trời cho  Anh Dũng: người khỏe mạnh, chí khí  Bảo Châu: viên ngọc trai quý giá  Minh Triết: trí tuệ xuất sắc, sáng suốt  Lan Hương: nhẹ nhàng, dịu dàng, nữ tính  + Từ Hán Việt là những từ được vay mượn của tiếng Hán, nhưng được đọc theo cách phát âm riêng của tiếng Việt.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm  **\* Kết luận nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **1. Nghĩa của từ:**  **a**. **Mục tiêu**:  - HS ôn tập và trau dồi vốn từ Hán Việt thông qua một ví dụ về từ Hán Việt có yếu tố “giả”.  **b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào phiếu.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 1, trang 9 SGK, thực hiện vào phiếu học tập số 3 trong vòng 3 phút  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS động não suy nghĩ làm việc cá nhân  - GV quan sát hoạt động của HS  - Dự kiến snar phẩm: \* Từ có yếu tố ***giả*** được dùng theo nghĩa ***kẻ, người:*** Kí giả, soạn giả, tác giả, thính giả, độc giả, khán giả, sứ giả, **...**  **\*** Giải nghĩa từ đó  - Tác giả: người tạo ra tác phẩm, sản phẩm văn học  - Độc giả: người đọc, người thưởng thức các tác phẩm văn học.  - Soạn giả: người biên soạn.  - Thính giả: người nghe (người nghe đài)  - Khán giả: người xem.  - Học giả: người chuyên làm công tác nghiên cứu và có tri thức khoa học sâu rộng một lĩnh vực nào đó...  **\* Báo cáo, thảo luận:** HS lên bảng trình bày bài  **\* Kết luận nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá, cho điểm  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **- GV** lưu ý, muốn hiểu nghĩa của từ Hán Việt cần giải nghĩa của từng yếu tố  (thính, độc, khán, học...nghĩa là gì)  \* Yếu tố Hán Việt: yếu tố có nguồn gốc từ tiếng Hán, đọc theo cách học của người Việt, là “chất liệu” để tạo nên từ Hán Việt.  **2. Từ ghép, từ láy**  **a**. **Mục tiêu**:  - HS nhớ lại từ ghép, từ láy; nhận diện và phân loại từ ghép, từ láy.  **b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, kĩ thuật nhanh như chớp, hoàn thành bài tập  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 2/ trang 10, thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 3 phút  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS động não suy nghĩ làm việc cá nhân  - GV quan sát hoạt động của HS  **\* Báo cáo, thảo luận:** HS lên bảng trình bày bài  **\* Kết luận nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá, cho điểm  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **3. Cụm từ (cụm động từ, cụm tính từ)**  **a**. **Mục tiêu**:  - HS nhận diện cụm tính từ, cụm động từ, xác định được cấu tạo của mỗi cụm từ .  - HS hiểu được nghĩa của cụm từ đó và biết đặt câu.  **b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, kĩ thuật trình bày 1 phút, hoàn thành bài tập  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**   * - GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 3/ trang 10, chỉ ra cụm động từ và cụm tính từ trong những cụm từ sau, chọn  một cụm động từ, một cụm tính từ và đặt câu với mỗi cụm từ được chọn.   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS động não suy nghĩ làm việc cá nhân  - GV quan sát hoạt động của HS  **\* Báo cáo, thảo luận:** HS lên bảng trình bày bài  **\* Kết luận nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá, cho điểm  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **4. Biện pháp tu từ**  **a**. **Mục tiêu**:  - HS nhận diện được biện pháp tu từ so sánh, hiểu được tác dụng của so sánh (khác lô-gíc thông thường) thông qua các cụm từ cụ thể.  - HS hiểu được nghĩa của cụm từ đó và biết đặt câu.  **b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, kĩ thuật suy nghĩ tích cực, hoàn thành bài tập .  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  **-** GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 4/ trang 10, nêu biện pháp tu từ được dùng trong những cụm từ sau*.* Vận dụng biện pháp tu từ này để nói về một sự vật hoặc hoạt động được kê trong truyện Thánh Gióng.  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS động não suy nghĩ làm việc cá nhân  - GV quan sát hoạt động của HS  **\* Báo cáo, thảo luận:** HS lên bảng trình bày bài  **\* Kết luận nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá, cho điểm  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **I. Nhận diện kiến thức**  **1. Cụm từ:**  - Cụm từ: nhóm, tập hợp nhiều từ, có từ ngữ trung tâm và từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành. Có các cụm danh từ, cụm tính tình, cụm động từ.  - Cụm động từ  - Cụm tính từ  **2. Nghĩa của từ:**  - Từ Hán Việt: từ có nguồn gốc từ tiếng Hán, nhưng được sử dụng theo cách riêng của người Việt.  Ví dụ: **sơn hà, sơn lâm, sơn thủy...**  **II. Thực hành**  **1. Nghĩa của từ:**  \* Từ có yếu tố ***giả*** được dùng theo nghĩa ***kẻ, người:*** Kí giả, soạn giả, tác giả, thính giả, độc giả, khán giả, sứ giả, **...**  **\*** Giải nghĩa từ đó  - Tác giả: người tạo ra tác phẩm, sản phẩm văn học  - Độc giả: người đọc, người thưởng thức các tác phẩm văn học.  - Soạn giả: người biên soạn.  - Thính giả: người nghe (người nghe đài)  - Khán giả: người xem.  - Học giả: người chuyên làm công tác nghiên cứu và có tri thức khoa học sâu rộng một lĩnh vực nào đó...  **2. Từ ghép, từ láy**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Từ ghép | Từ láy | | Ví dụ cụ thể: | xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp. | vội vàng, hoảng hốt. | | Cơ sở để xác định:  Dựa vào mối quan hệ giữa các tiếng trong từ | các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa. | các tiếng có quan hệ về mặt ngữ âm. |   **3. Cụm từ (cụm động từ, cụm tính từ)**  - Cụm động từ: **xâm phạm** bờ cõi, **cất** tiếng nói, **lớn** nhanh như thổi, **chạy** nhờ.  - Cụm tính từ: **chăm** làm ăn.  *Đặt câu:*  Giặc Ân / đã xâm phạm bờ cõi nước ta.  CN                              VN  Gia đình ông lão/ chăm làm ăn nên có  CN VN  của ăn của để.  **4. Biện pháp tu từ**  - Biện pháp tu từ so sánh. Cấu trúc: A như B. Những đặc điểm muốn làm nổi bật của A được cụ thể hóa qua đặc điểm của B. Hiệu quả của biện pháp so sánh được thể hiện qua nghĩa của B.  + *lớn nhanh như thổi:* lớn lên nhanh, ngay tức thì y như người ta thổi hơi vào quả bóng.  **+** *chết như ngả rạ****:*** chết hàng loạt, xác nằm ngổn ngang, la liệt khắp mặt đất  như người ta cắt rạ phơi ra ruộng  *- Ví dụ:*  + Giặc Ân chết như ngả rạ.  + Tháng Gióng lớn nhanh như thổi.  + Thánh Gióng cưỡi ngựa chạy nhanh như gió. |

**\* HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

**-** Viết đoạn văn (5-7 câu) nêu suy nghĩ của em về nhân vật Thánh Gióng. Trong đoạn văn có sử dụng từ ghép, từ láy, biện pháp nghệ thuật so sánh.

1. **Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện ở nhà, báo cáo vào tiết học sau.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 76+77: ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN:**

**SƠN TINH, THỦY TINH**

**I. Giao nhiệm vụ trước giờ học:**

? Em đã từng chứng kiến những cảnh tượng thiên nhiên như vậy chưa? Cảm xúc của em như thế nào trước cảnh đó? Nêu một số hậu quả của hiện tượng mưa lũ ở địa phương, nếu có. (Kết hợp GD địa phương)

- Dự kiến sản phẩm: HS chia sẻ trải nghiệm: Đã (chưa) từng chứng kiến. Lúc đó em cảm thấy buồn, xót thương… Hậu quả để lại: thiệt hại về người và của…

- GV hướng vào bài mới: Con người luôn phải đối mặt với nhiều khó khăn thử thách các em ạ. Những thử thách, khó khăn đến từ thiên nhiên như hiện tượng lũ lụt, bão gió.. nghiêm trọng vào tháng 7,8 âm lịch hàng năm, đặc biệt đối với nhân dân miền Trung như các em đã biết. Có rất nhiều nguyên nhân lí giải cho hiện tượng ấy. Đến với thế giới truyện truyền thuyết, hiện tượng thiên nhiên ấy được mô tả và lí giải như thế nào, và được bắt nguồn từ đâu? Những yếu tố kì ảo sẽ góp phần làm nên một sự lí giải đặc biệt theo quan niệm dân gian. Tiết học hôm nay, cô/ thầy cùng các em khám phá nhé. Đó là truyện truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.

**II. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:**

**I. Tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu**:

- HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được những chi tiết, sự việc chính; nắm được khái niệm, đặc điểm (các yếu tố) của thể loại truyền thuyết; ngôi kể, bố cục của văn bản…

**b. Nội dunghoạt động**:

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của cá nhân và nhóm theo bàn.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  **(1) GV hướng dẫn cách đọc**: Đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những chi tiết kì lạ. Chú ý lời nói của các nhân vật.  - Tìm hiểu chú thích SGK *Tản Viên, Lạc hầu, sính lễ, nao núng, hồng mao..*  **(2)** Hãy nêu nét tiêu biểu của truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* (nhân vật, sự việc, ngôi kể)?  ? Hãy tóm lược cốt truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh* theo chuỗi quan hệ *nguyên nhân - kết quả* và thể hiện chuỗi quan hệ đó theo mẫu SGK  ? Nêu bố cục của văn bản. Có thể chia theo cách khác?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - (1) HS theo dõi GV đọc mẫu sau đó HS đọc bài.  - (2) HS suy nghĩ làm việc cá nhân  - Gv quan sát, hỗ trợ khi cần  - Dự kiến sản phẩm:  + Thể loại: truyền thuyết. Nhân vật chính: Sơn Tinh, Thuỷ Tinh. Kể theo ngôi thứ ba.  + Tóm lược cốt truyện *Sơn Tinh, Thuỷ Tinh:* Sơn Tinh đến trước được vợ, Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ đùng đùng nổi giận, gây chiến đánh nhau với Sơn Tinh. Sơn Tinh thắng, Thủy Tinh thua và hằng năm Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh.  + Bố cục: 3 phần.   * Từ đầu 🡪 “Một đôi”:Vua Hùng kén rể. * Tiếp 🡪“Rút quân”: Sơn Tinh, Thủy Tinh cầu hôn và cuộc giao tranh giữa hai vị thần. * Còn lại: Việc trả thù của Thủy Tinh.   **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS thuyết trình cá nhân  **\* Kết luận nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Thể loại: Truyền thuyết**  **-** Truyền thuyết*Sơn Tinh, Thủy Tinh* kể về các nhân vật ở thời đại Vua Hùng.   * Ngôi kể: ngôi thứba * PTBĐ: tựsự   **2. Cốt truyện**  - **Nhận vật** chính: Sơn Tinh, Thủy Tinh  **- Sự việc:**  *(1). Vua Hùng tổ chức kén rể.*  *(2)Sơn Tinh, Thuỷ Tinh đến cầu hôn,cả hai đều tài giỏi*  *(3) Vua Hùng ra điều kiện chọn rể: mang sính lễ đến trước thì gả con gái cho..*  *(4) Sơn Tinh đến trước lấy được Mị Nương.*  *(5)Thuỷ Tinh đến sau tức giận dâng nước đánh Sơn Tinh.*  *(6)Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thuỷ Tinh thua.*  *(7)Hàng năm, Thuỷ Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh.*  **3. Bố cục văn bản**: *Văn bản chia làm 3 phần*  + *Phần 1:* Từ đầu đến “*mỗi thứ một đôi*”. Hùng Vương thứ mười tám kén rể cho con gái.  *+ Phần 2:* Tiếp theo đến “*Thần nước đành rút quân*”. Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn và cuộc giao đấu của hai vị thần.  *+ Phần 3:* Còn lại. Sự trả thù hàng năm của Thủy Tinh và sự chiến thắng của Sơn Tinh. |

**II. Tìm hiểu văn bản.**

***1. Cốt truyện và nhân vật***

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết những chi tiết về không gian, thời gian của câu chuyện; mục đích, hình thức của việc vua Hùng kén rể.

**b.Nội dung hoạt động**: HS làm việc theo kĩ thuật bể cá

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời đã hoàn thiện của nhóm.

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  + Đọc thầm phần 1: Từ đầu đến “*mỗi thứ một đôi*”  **KĨ THUẬT BỂ CÁ**  **- GV giao nhiệm vụ: (**một nhóm HS ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những HS thảo luận)  (1) Sự việc nào là sự việc khởi đầu, là nguyên nhân của các sự việc trong truyện? Tóm tắt sự việc đó?  **(2)**  Trong câu chuyện này, những nhân vật nào được gọi là thần? Hãy chỉ ra những đặc điểm khiến cho họ được coi là những vị thần.  (3) Cuộc thi tài kén rể của vua Hùng có gì đặc biệt? Vua Hùng đưa ra yêu cầu gì? Qua đó, em thấy thái độ của Vua Hùng nghiêng về ai? Vì sao em lại có nhận xét như vậy?  (4) Kết quả của cuộc thi thứ hai giữa hai vị thần ra sao?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS ngồi vòng tròn và thảo luận trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ, gợi ý: Hiểu nghĩa của chữ Tinh trong Sơn Tinh, Thủy Tinh  Chỉ ra những chi tiết nói về cuộc thi tài đầu tiên của Sơn Tinh, Thủy Tinh?  Nhận xét về họ: Em thích tài năng của ai hơn? Vì sao?  - Dự kiến sản phẩm:  + Sự việc khởi đầu là vua Hùng kén rể  + Sơn Tinh và Thủy Tinh được coi là thần vì tài năng (vẫy tay về phía đông….gọi gió gió đến)  + Cuộc thi tài kén rể của vua Hùng diễn ra trong 1 ngày và cac lễ vật có lợi cho Sơn Tinh  + Kết quả Sơn Tinh lấy được vợ, thắng Thủy Tinh.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  - Đại diện nhóm trình bày kết quả sản phẩm  **\* Kết luận nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **II. Tìm hiểu văn bản.**  **1. Cốt truyện và nhân vật**  **a. Vua Hùng kén rể**  **+** Vua có một người con gái tên là Mị Nương, xinh đẹp, hiền dịu; muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng.  => Mô típ quen thuộc thường thấy trong truyện dân gian, tạo sức hấp dẫn, niềm tin nơi người đọc.  **b. Cuộc so tài của Sơn Tinh, Thủy Tinh.**  **b1. Sự xuất hiện và tài năng của Sơn Tinh, Thủy Tinh.**  - Sơn Tinh: ở vùng núi Tản Viên có tài lạ *“vẫy tay về phía đông phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây phía tây mọc lên từng dãy núi đồi”.*  - Thủy Tinh: ở miền biển, tài “*gọi gió gió đến, hô mưa mưa về”.*  => Những chi tiết kì ảo cho thấý:  + Cả hai đều ngang tài ngang sức. Họ đều tài năng phi thường, thần kì, đều xứng đáng; Tạo sức hấp dẫn cho truyện.  + Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thuỷ Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt).  ***b2. Cuộc thi tài***  - Thi tài dâng lễ vật sớm: chỉ trong 1 ngày ai dâng lễ vật trước sẽ được chọn  - Lễ vật : “*100 ván cơm nếp , 100 nệp bánh chưng,voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao”.*  ***c. Kết quả***: Sơn Tinh mang lễ đến trước, lấy được Mị Nương làm vợ, Thủy Tinh đến sau nên thua cuộc. |

***2.Ý nghĩa***

**a. Mục tiêu:**

- Hiểu được lí do Sơn Tinh phải giao tranh với Thủy Tinh. Ý nghĩa chiến thắng của Sơn Tinh; chủ đề của câu chuyện. Hiểu được nghệ thuật kể truyện của truyền thuyết kết hợp tưởng tượng hư cấu và sự thật.

**b.Nội dung hoạt động**: HS làm việc nhóm để tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của chi tiết.

**c. Sản phẩm**: Câu trả lời của HS qua phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **\* Giao nhiệm vụ học tập:**  - HS thảo luận nhóm, thời gian: 10 phút  - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ:   |  |  | | --- | --- | | ? Sơn Tinh giao tranh với Thủy Tinh là vì lí do gì? |  | | ? Tìm và liệt kê những chi tiết tái hiện cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh? Ai là người chiến thắng, vì sao người chiến thắng được xem là anh hùng. |  | | Chủ đề của câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh là gì? Ý nghĩa của hình tượng Sơn Tinh, Thủy Tinh; Truyện phản ánh ước mơ gì của nhân dân ta |  |   **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ làm việc cá nhân sau đó thống nhất ý kiến trong nhóm  - Gv quan sát, hỗ trợ khi cần  - Dự kiến sản phẩm:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Thủy Tinh | Sơn Tinh | | Nguyên nhân | Sơn Tinh đến trước, rước Mị Nương về núi. Thuỷ Tinh đến sau, không lấy được vợ, nổi giận đem quân đuổi đánh Sơn Tinh. | | | Diễn biến | +Thủy Tinh hô mưa gọi gió làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh. | + Sơn Tinh không hề run sợ, chống cự một cách quyết liệt: bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành luỹ đất để ngăn lũ... nước dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu... | | Kết quả | Sơn Tinh thắng, TT thua đành phải rút quân. + Hàng năm TT lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua. | | | Nhận xét | * Thể hiện ước mơ, khát vọng nhân dân sẽ chế ngự được thiên nhiên.   - Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm ở miền Bắc nước ta. | |   **\* Báo cáo, thảo luận:**  - HS thuyết trình cá nhân  **\* Kết luận nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | ***2.Ý nghĩa***  **a. Hình tượng người anh hùng Sơn Tinh trong cuộc giao tranh**  - Nguyên nhân: Thủy Tinh không lấy được vợ nên trả thù =>Hai nhân vật giao tranh vì lí do cá nhân.  - Cuộc giao tranh quyết liệt:  + Sức mạnh của Thủy Tinh **tạo ra thảm họa thiên tai, sức mạnh hủy diệt mọi sự sống**: *hô mưa, gọi gió, dông bão, rung chuyển cả đất trời; nước ngập ruộng đồng, nhà cửa, Thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước;*  *+ Chống trả của Sơn Tinh: Bình tĩnh, quả cảm, nghị lực ”không hề nao núng”; bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy, ngăn nước”* Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh không vì mình mà vì nhân dân, bảo vệ sinh mệnh của cộng đồng trước thiên tai.  - Kết quả: Sơn Tinh chiến thắng, Thủy Tinh chịu thua, phải rút quân  **b. Ý nghĩa**  - Hai nhân vật đều là tưởng tượng, hư cấu, mang ý nghĩa biểu trưng:  *+ Thủy Tinh là biểu trưng cho sức mạnh của nước, lũ lụt được hình tượng hóa.*  *+ Sơn Tinh biểu trưng cho đất, cho núi, là sức mạnh, khả năng, ước mơ của nhân dân được hình tượng hóa.*  + Chiến thắng của Sơn Tinh là chiến thắng của cộng đồng , của nhân dân.  + Khẳng định, ngợi ca quyết tâm, sức mạnh, ước mơ của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân  + Sơn Tinh là người anh hùng của nhân dân. |

**III. Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS

- Khái quát nghệ thuật, nội dung, ý nghĩa của VB Sơn Tinh, Thủy Tinh, cách học truyền thuyết.

**b. Nội dung:**

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động cá nhân

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **\* Chuyển giao nhiệm vụ:**  ? Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật của truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh? Nội dung, ý nghĩa của văn bản?  ? Từ đó em rút ra đặc trưng cơ bản nào của truyện truyền thuyết? Để đọc hiểu một truyền thuyết, chúng ta cần lưu ý điều gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ.**   * HS suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ragiấy câu trả lời * **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). * Dự kiến sản phẩm:  1. + **Nghệ thuật:** Xây dựng hình tượng nhân vật mang dáng dấp thần linh với nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo có tính khái quát cao. Cách kể chuyện hấp dẫn sinh động. 2. + Nội dung: Truyện giải thích hiện tượng mưa bão, lụt xảy ra hàng năm ở đồng bằng Bắc Bộ thuở các vua Hùng dựng nước.   + Ý nghĩa: Thể hiện sức mạnh và ước mơ chế ngự thiên tai bảo vệ cuộc sống của người Việt cổ.  **\* Báo cáo, thảo luận:**  **-** HS trình bày ý kiến cá nhân  **\* Kết luận nhận định:**  - HS nhận xét, đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.  **GV chốt: Rút ra kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết:**  - Nhận biết được nhân vật anh hùng trong truyện, yếu tố lịch sử cốt lõi được đề cập (Vùng núi Tản Viên, địa bàn sinh tụ đầu tên của người Việt cổ, thường xuyên diễn ra lũ lụt trên sông Đà, công cuộc trị thủy, dân cư trồng lúa nước.  **-** Kể lại được truyện theo trình tự diễn biến các sự kiện.  - Nhận biết được chủ đề của truyện  - Chỉ ra được tác dụng của các yếu tố hoang đường, kì ảo | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật:**  - Các sự việc được kết nối với nhau bằng chuỗi quan hệ nguyên nhân- kết quả.  - Có nhiều chi tiết hoang đường kì ảo,xây dựng bằng trí tưởng tượng **.**  **2. Nội dung, ý nghĩa:**  - Khẳng định, ngợi ca quyết tâm, sức mạnh, ước mơ của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân  - Giải thích hiện tượng thiên nhiên thời tiết mưa gió vào tháng 7,8 hàng năm. |

**\* Hoạt động luyện tập:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập: Trò chơi Ai nhanh hơn**

**GV phổ biến luật chơi:**

- GV đọc lần lượt các câu hỏi trắc nghiệm về bài học. Ở mỗi câu hỏi, sau khi GV đọc xong câu hỏi, HS sẽ có 5s để viết câu trả lời ra giấy và giơ lên cao.

- HS đứng lên, giơ đáp án (viết ra giấy) đểản trả lời câu hỏi trong thời gian 15s. Trả lời sai sẽ phải ngồi xuống, không được trả lời câu hỏi tiếp theo; trả lời đúng sẽ đứng để trả lời câu hỏi tiếp. Kết thúc 05 câu hỏi, những HS còn đứng sẽ giành chiến thắng.

**Hệ thống câu hỏi:**

**Câu 1:** Trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh, người Việt cổ đã nhận thức và giải thích quy luật thiên nhiên như thế nào?

A. Nhận thức hiện thực bằng sự ghi chép chân thực.

B. Nhận thức và giải thích hiện thực đúng với bản chất của nó bằng khoa học.

C. Nhận thức và giải thích hiện thực không dựa trên cơ sở thực tế.

D. Nhận thức và giải thích hiện thực bằng trí tưởng tượng phong phú.

**Câu 2:** Trong truyện Sơn Tinh - Thủy Tinh, vua Hùng đã kén chồng cho Mị Nương bằng cách:

A. Tổ chức thi tài võ nghệ, ai thắng sẽ là người được cưới Mị Nương.

B. Ai dâng lên nhiều của ngon vật lạ hơn thì được cưới Mị Nương.

C. Ai chứng tỏ được lòng trung thực, sự chăm chỉ lao động thì được cưới Mị Nương.

D. Quy định thời gian đem lễ vật đến, ai đến trước được cưới Mị Nương.

**Câu 3:** Trong truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh, nhân vật Thủy Tinh có tài gì?

A. Dời non lấp bể.

B. Diệt trừ yêu ma quỷ quái.

C. Gọi gió, hô mưa

D. Biến hóa khôn lường.

**Câu 4:** Chi tiết nào sau đây trong truyện Sơn Tỉnh, Thủy Tinh không mang yếu tố tưởng tượng kì ảo?

A. Hằng năm ở nước ta thường xuyên có những trận lũ lớn.

B. Sơn Tinh có tài dời non lấp biển.

C. Thủy Tinh có tài hô mưa gọi gió, làm nên lũ lụt.

D. Sơn Tinh và Thủy Tinh đánh nhau ròng rã mấy tháng trời.

**Câu 5:** Khi không cưới được Mị Nương, Thủy Tinh có thái độ như thế nào ?

A. Buồn rầu và chán nản

B. Chấp nhận thất bại và rút lui

C. Vô cùng tức giận, đem quân đuổi theo đánh Sơn Tinh để cướp lại Mị Nương.

D. Vô cùng tức giận và buộc vua Hùng phải hủy bỏ hôn ước giữa Sơn Tinh và Mị Nương.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS làm việc cá nhân

- Dự kiến snar phẩm: 1 – D, 2 – D, 3 – C, 4 – C, 5 - C

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- Câu trả lời ra giấy của HS

**\* Kết luận nhận định:**

- GV khen ngợi những HS có câu trả lời nhanh và chính xác

**\* Hoạt động vận dụng:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

**1.** Thử tưởng tượng, em là Thủy Tinh và nêu suy nghĩ cảm xúc của em sau khi bị thua cuộc.

**2.** Đọc đoạn thơ của Nguyễn Nhược Pháp (SGK Tr 13 và những thông tin về các nhân vật trong truyện, hãy tưởng tượng về ngoại hình Sơn Tinh, Thủy Tinh.Viết đoạn văn (từ 5 - 7 câu) ghi lại tưởng tượng của em? (có thể cho về nhà)

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện ở nhà báo cáo vào tiết sau.

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 78: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. DẤU CÂU**

**a**. **Mục tiêu**: HS nhận biết được công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng loại dấu này trong việc viết câu và đoạn văn.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cặp đôi để nhắc lại lí thuyết, hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **\* Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV cho HS tạo các cặp đôi, kĩ thuật [Kỹ thuật chia sẻ nhóm đôi](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_chia_s%E1%BA%BB_nh%C3%B3m_%C4%91%C3%B4i) (Think-Pair-Share)  - Đọc lại câu văn sau, tìm và cho biết công dụng của dấu chấm phẩy ? Rút ra công dụng của dấu chấm phẩy?  *a. Én bố mẹ tấp nập đi, về, mải mốt mớm cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én ra ràng chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá.*  **b.** Dưới ánh trăng này, dòng thác nước sẽ đổ xuống làm máy phát điện; giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn.  (Thép Mới)  **\* Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**  HS suy nghĩ. Viết câu trả lời ra giấy. Sau đó cùng trao đổi với bạn trong cặp đôi.  **\* Bước 3. Báo cáo thảo luận**: Đại diện HS trả lời miệng, trình bày kết quả.  **\* Bước 4. Kết luận nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  Lưu ý: GV chú ý thực hành, và công dụng thứ nhất) | **I. Nhận diện kiến thức Tiếng Việt: Dấu chấm phẩy**  **1. Ví dụ:**  - Câu ghép có ba vế câu.  - Vế thứ nhất đã dùng dấu phẩy để liệt kê hoạt động *“đi, về, kiếm mồi”*  =>Công dụng của dấu chấm phẩy: . đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của một chuỗi liệt kê phức tạp**.**  **2. Nhận xét:**  - Dấu chấm phẩy thường được dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong một chuỗi liệt kê phức tạp.  - Dấu chấm phẩy thường dùng đánh dấu (ngắt) các thành phần trong một câu, thường các thành phần này có quan hệ đồng đẳng, mang tính liệt kê (khi cần đánh dấu các thành phần, bộ phận nhỏ hơn người ta dùng dấu phẩy) |

**II.Thực Hành**

**1. Dấu chấm phẩy**

**a**. **Mục tiêu**: HS được khắc sâu công dụng của dấu chấm phẩy.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc cá nhân, hoàn thành bài tập vào phiếu.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 1, trang 13, nêu yêu cầu của bài   * Tìm ra câu văn có dùng dấu chấm phẩy * Nêu công dụng   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, xác định 2 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.   * Tìm ra câu văn có dùng dấu chấm phẩy * -Nêu công dụng   **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét, bổ sung (nếu cần)  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **II. Thực hành**  **Bài tập 1/tr 13**  - Các câu có sử dụng dấu chấm phẩy là:  + Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.  + Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về.  - Tác dụng: Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa **các bộ phận**  của phép liệt kê phức tạp (liệt kê của từng tài năng của Sơn Tinh và Thủy Tinh) |

**2. Nghĩa của từ:**

**a**. **Mục tiêu**: HS nhận biết được cấu tạo của từ Hán Việt có yếu tố thủy (nước) nhằm phát triển vốn từ vựng Hán Việt, nhận biết được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng trong VB đọc- hiểu.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, kĩ thuật nhanh như chớp, hoàn thành bài tập .

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 3, trang 13, tìm yêu cầu của bài   * Xác định từ Hán Việt theo đúng nghĩa, đúng mô hình * Giải thích nghĩa của từ đã tìm * Thực hiện vào phiếu học tập trong vòng 3 phút  |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố Hán Việt A | Từ Hán Việt (thủy+ A) | Giải nghĩa từ | | Biết cơ sở để xác định:  ........... | ............... | ................ |   **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, xác định 2 yêu cầu cơ bản, lần lượt thực hiện từng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày, nhận xét .  Nhóm nào nhanh, chính xác sẽ được khen.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV chú ý phân tích mối quan hệ về tiếng trong một vài từ để HS có thói quen nhận biết.  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 4, trang 13, tìm yêu cầu của bài tập.  - Giải thích nghĩa của các thành ngữ  - Phân tích được đặc điểm cấu tạo của thành ngữ cho trước.  -Tìm thành ngữ có cấu tạo tương tự.  GV hướng dẫn HS làm việc theo[**kĩ thuật “Hỏi chuyên gia”**](https://tusach.thuvienkhoahoc.com/wiki/C%C3%A1c_k%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_d%E1%BA%A1y_h%E1%BB%8Dc_t%C3%ADch_c%E1%BB%B1c/K%E1%BB%B9_thu%E1%BA%ADt_%E2%80%9CH%E1%BB%8Fi_Chuy%C3%AAn_gia%E2%80%9D)  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - Tạo thành các nhóm "chuyên gia" về nghĩa của từ. Các "chuyên gia" nghiên cứu và thảo luận với nhau về những tư liệu có liên quan đến chủ đề mình được phân công (3 phút)  - Nhóm "chuyên gia" lên ngồi phía trên lớp học  - Nhóm HS khác suy nghĩ làm việc độc lập.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  Một em trưởng nhóm "chuyên gia" (hoặc GV) sẽ điều khiển buổi "tư vấn", mời các bạn HS trong lớp trình bày trước từng yêu cầu, đặt câu hỏi rồi mời "chuyên gia" giải đáp, trả lời  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV đánh giá, nhận xét thái độ học tập của tất cả. | **Bài tập 3 tr 13:** Tìm một số từ ghép Hán Việt có yếu tố thủy có nghĩa là nước  - Thủy cư: sống ở trong nước.  - Thủy quái: quái vật sống dưới nước  \* Từ có yếu tố ***thủy*** được dùng theo nghĩa ***nước: (Mô hình: thủy+ A)*** thủy cư, thủy quái, thủy sản, thủy lợi, thủy canh, thủy thổ, thủy văn, thủy cung...,  **\*** Giải nghĩa từ đó  - Thủy cư: sống ở trong nước.  - Thủy quái: quái vật sống dưới nước  - Thủy sản: Nguồn lợi sinh vật sống trong nước  - Thủy lợi:  Công việc tưới tiêu, chống hạn hán, chống lũ lụt cho ruộng đồng. Công trình thủy lợi.  - Thủy canh: Trồng cây trong nước  - Thủy thổ: Khí hậu riêng của một địa phương  -Thủy văn: Khoa học nghiên cứu sự diễn biến của mức nước trên các triền sông.  - Thủy cung: Cung điện tưởng tượng dưới nước theo truyền thuyết.  **Bài tập 4 tr 13**  - Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau:  + Hô mưa gọi gió: người có sức mạnh siêu nhiên, có thể làm được những điều kì diệu, to lớn.  + Oán nặng thù sâu: sự hận thù sâu sắc, khắc cốt ghi tâm, ghi nhớ ở trong lòng, không bao giờ quên được.   * Cấu tạo: Có các cặp từ hô ứng: *hô- gọi, mưa- gió; oán- thù, nặng- sâu.*   cấu trúc đối, thường là các cặp từ có sự tương đồng về từ loại, và gần trường nghĩa.   * Ý nghĩa: tạo nên quan hệ trùng điệp, tăng tiến, bổ sung * Một số thành tương tự : Góp gió thành bão, ăn gió nằm sương, dãi nắng dầm mưa, đội trời đạp đất, chân cứng đá mềm, ăn to nói lớn, lên thác xuống ghềnh, bóc ngắn cắn dài ... |

**3. Biện pháp tu từ: Điệp ngữ**

**a**. **Mục tiêu**: HS củng cố kiến thức về biện pháp tu từ điệp ngữ qua việc tìm những câu văn có sử dụng phép tu từ điệp ngữ và tác dụng của biện pháp này.

**b. Nội dung hoạt động:** HS làm việc nhóm, kĩ thuật trình bày 1 phút, hoàn thành bài tập .

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV yêu cầu HS theo dõi, đọc thầm bài 5, trang 15  - Điệp ngữ là gì?  - Em cần căn cứ vào đâu để xác định câu văn có điệp ngữ?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**GV hướng dẫn HSnhận diện câu có dùng điệp ngữ (Tháo gỡ nếu HS gặp khó khăn)  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trình bày  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá | **Bài tập 5/ tr 13**  - “Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng”.  →Điệp ngữ “*một người là*” nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức,  mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thủy Tinh.  - “Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. … Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về.”  → Điệp ngữ *“một người ở...”, “vẫy tay về phía...”,* ...nhằm liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh và Thủy Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì.  - “Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.”  → Điệp từ *“nước...”* nhằm liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận của Thủy Tinh. |

**\* Hoạt động vận dụng**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ: Kĩ thuật viết tích cực**

Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) có dùng dấu chấm phẩy.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ, xác định yêu cầu của đoạn văn, lựa chon chủ đề, thể loại mình thích. Viết nhanh ý tưởng ra giấy nháp (Có thể giao về nhà)

**Gợi ý:**\* Nội dung đoạn văn

**+ VD1 :** Sau khi học xong VB Sơn Tinh, Thủy Tinh, theo em vì sao chúng ta cần bảo vệ thiên nhiên- Thể loại: nghị luận. Hs lí giải được vai trò của thiên nhiên, môi trường; thiên nhiên đang bị con người tàn phá; hậu quả của việc phá rừng đã gây lũ lụt...Từ đó, con người phải bảo vệ thiên nhiên vì điều đó chính là con người đang tự bảo vệ mình.

+ VD2: Trong vai Sơn Tinh, hãy tưởng tượng và kể lại cuộc chiến đấu chống lại Thủy Tinh. (HS cần xác định : ngôi kể, nội dung kể, lời kể, cảm xúc nhân vật, sự việc nào đáng kể nhất...; thể loại tự sự)

\* Hình thức đoạn văn: 5-7 câu, có dùng dấu chấm phẩy

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- HS bày tỏ quan điểm, ý tưởng về đoạn văn, dấu chấm phẩy sử dụng chỗ nào.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**VĂN BẢN 3: Tiết 79,80 : AI ƠI MỒNG CHÍN THÁNG TƯ**

**I. MỤC TIÊU.**

**1. Mức độ/Yêu cầu cần đạt.**

- Nhận biết được văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trật tự thời gian.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung**:

Năng lực giải quyết vấn đề, về năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác,…..

**b. Năng lực riêng biệt**:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản “Ai ơi mùng chín tháng tư”.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản thông tin.

- Năng lực phân tích so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản thông tin với các văn bản khác có cùng chủ đề.

**3.  Phẩm chất**

- Bồi dưỡng tinh thần  học tập và niềm đam mê môn học.

- Bồi dưỡng tình cảm tự hào và tôn vinh giá trị văn hoá truyền thống của quê hương, đất nước. Từ đó giúp học sinh hiểu biết và hòa nhập hơn với môi trường mà mình đang sống, có ý thức tìm hiểu, phát huy và truyền bá tinh hoa văn hoá quê hương trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Đồng thời giáo dục lòng yêu nước, tự hào dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập tập, trả lời câu hỏi.

- Tranh, ảnh, video về lễ hội Gióng;

**2. Chuẩn bị của học sinh**

Sách giáo khoa, sách bài tập Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**.

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu**: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung**: HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm nhận của bản thân.

**c. Sản phẩm**: Nhận thức và thái độ học tập của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

GV trình chiếu video clips “ Lễ hội làng Gióng”. Em cảm nhận được gì từ đoạn phim trên?

HS tiếp nhận nhiệm vụ, quan sát và phát biểu ý kiến

- Gọi Hs trao đổi và bổ sung ý kiến.

**- GV tổng hợp, giới thiệu bài:**

*Hội Gióng là một lễ hội văn hóa cổ truyền mô phỏng rõ một cách sinh động và khoa học diễn biến các trận đấu của Thánh Gióng và nhân dân Văn Lang với giặc Ân. Yêu nước chống ngoại xâm là một chủ đề lớn xuyên suốt tiến trình phát triển của Văn học Việt Nam. Nhiều tác phẩm đã tạc vào thời gian những người anh hùng bất tử với non sông. Bài hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu rõ hơn nét đặc sắc của một lễ hội nổi tiếng qua văn bản “Ai ơi mồng chín tháng tư”.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI.**

**Hoạt động 1: Đọc vănbản**

**a. Mục tiêu:** Nhớ được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từkhó.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời củaHS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV hướng dẫn cách đọc VB:*GV chỉ định vài HS đọc thành tiếng từng đoạn của văn bản, giọng to, rõ ràng, chú ý các từ ngữ địa phương.  - Yêu cầu HS đọc chú thích. GV lưu ý HS các từ khó như: *phỗng, phù giá, xà cạp,*…  - GV yêu cầu HS: Trình bày những tri thức cơ bản về tác giả, xuất xứ của tác phẩm.  - HS đọc VB, đọc chú thích, suy nghĩ và khái quát tri thức cơ bản về tác giả, xuất xứ của TP.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thựchiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quanđếnbài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  **và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả  lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiệnnhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến  thức và ghi lên bảng | **I. Tìm hiểu chung.**  **1. Tác giả: Anh Thư.**  **2. Tác phẩm.**  **a. Xuất xứ**: Báo điện tử Hà Nội mới, 2004. |
| **NV 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ trả lời CH: Xác định thể loại, PTBĐ chính và bố cục của VB?  **Bước 2:  Học sinh trao đổi thảo luận thực hiện nhiệm vụ:**  Học sinh nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận:**  - Học sinh sinh trình bày sản phẩm thảo luận.  - Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn bạn.  **Bước 4:  Đánh giá kết quả thực hiện**  Giáo viên nhận xét, bổ sung chốt lại kiến thức ghi bảng. | **b. Thể loại:** VB thông tin**.**  **c. PTBĐ chính:** Thuyết minh.  **d. Bố cục: 3 phần:**  -  Phần 1:  một từ đầu --> *“…đồng bằng Bắc Bộ”:*  giới thiệu về Hội Gióng.  -  Phần 2:  tiếp theo --> *“…viên hầu cận…”*:  tiến trình hội Gióng.  -  Phần 3: Còn lại: Ý nghĩa của hội Gióng. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Hiểu được nội dung và nghệ thuật của văn bản

**b. Nội dung:** Học sinh sử dụng sách giáo khoa, chắt lọc kiến thức để tiến hành câu trả lời.

**c. Dự kiến sản phẩm:** Học sinh tiếp thu kiến thức và câu trả lời

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Bước 1:  Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên đặt câu hỏi:  1. Văn bản này thuật lại sự kiện gì?  2.  Đoạn mở đầu của văn bản nêu rõ những thông tin gì?   Học sinh tiếp nhậnnhiệm vụ.  **Bước 2:  Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  **Dự kiến sản phẩm:**  1.  Văn bản Thuật lại sự kiện lễ hội Gióng vào ngày 9 tháng 4 âm lịch tại xã phù đổng huyện Gia Lâm Hà Nội  2.  Đoạn mở đầu của văn bản cho biết các thông tin về sự kiện, thời gian diễn ra, bối cảnh (có mưa giông) tính chất, đặc điểm lễ hội (là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu vực Đồng bằng Bắc Bộ)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  +  Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận.  +  Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét bổ sung câu trả lời của bạn bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  Giáo viên nhận xét, bổ sung chốt lại kiến thức và ghi bảng. | **II. Tìm hiểu chi tiết.**  **1. Giới thiệu hội Gióng.**  - Tên:  Lễ hội Gióng hay hội làng Phù Đổng.  - Thời gian: 9/4 âm lịch.  - Địa điểm:  xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. |
| **NV 3:**  **Bước 1:  Chuyển giao nhiệm vụ.**   Giáo viên đặt câu hỏi hỏi:  1.  Hội Gióng diễn ra ở những địa điểm nào?  2.  Những địa điểm đó nhắc em nhớ đến các chi tiết nào trong truyền thuyết Thánh Gióng?  Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2:  Học sinh trao đổi thảo luận thực hiện nhiệm vụ**  **Dự kiến sản phẩm:**  Một số địa danh diễn ra hội Gióng như: Cố Viên, Miếu Ban, đền Mẫu, khu đền Thượng.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  +  Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận.  +  Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn bạn.  **Bước 4:  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng.  Giáo viên cho học sinh xem thêm một số tranh ảnh về các di tích liên quan đến hội Gióng. Ở mỗi địa danh, GV kể cho HS về dấu tích có liên quan đến các chi tiết trong truyền thuyết Thánh Gióng. *(Tham khảo các dị bản được sưu tầm thêm tại các địa phương này trong công trình “Người anh hùng làng Dóng” của tác giả Cao Huy Đỉnh).* | Lễ hội diễn ra trên khu vực rộng lớn. |
| **NV 4**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập số 1 (SGV trang 29) để tìm hiểu về tiến trình của lễ hội.  - Từ đó em có nhận xét gì về tiến trình của lễ hội? Lễ hội được tổ chức như thế nào?  Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Học sinh trao đổi, thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  **Dự kiến sản phẩm**:  - Học sinh kẻ bảng, đọc kĩ đoạn văn và thống kê các con số: thứ tự, thời gian, không gian, sự kiện, người tham gia lễ hội.  - Lễ hội diến ra trang trọng, đủ nghi thức với nhiều hoạt động phong phú.  **Bước 3:  Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  +  Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận.  +  Giáo viên gọi học sinh nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  Bước 4:  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.   Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng. | **2.  Tiến trình của hội Gióng.**  - Thời gian chuẩn bị: từ 1/3 đến 5/3  - Lễ hội bắt đầu:  + Mùng 6:  lễ rước cờ tới đền Mẫu, cơm chay lên đền Thượng.  + Mùng 9:  chính hội, có múa hát thờ, hội trận và khao quân.  + Mùng 10:  Lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh.  + Ngày 11, 12:  Lễ rửa khí giới và lễ rước cờ báo tin thắng trận.  🡪 Lễ hội diễn ra trang trọng, đủ nghi thức với nhiều hoạt động |
| **NV 5:**  **Bước 1:  Chuyển giao nhiệm vụ**  Giáo viên yêu cầu học sinh trả lời:  Hãy tìm một số hình ảnh hoạt động trong lễ hội được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng?  - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2:  Học sinh trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.**  Học sinh thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Dự kiến sản phẩm**:  Học sinh liệt kê các hình ảnh hoạt động.  Một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội đã được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng như:  +  Lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng ngày mùng 8: tượng trưng cho việc tôi luyện vũ khí trước khi đánh giặc;  + Hội trận mô phỏng cảnh Thánh Gióng đánh giặc.;  +  28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp tượng trưng cho 28 đạo quân thù;  +  80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quấn xà cạp là quân ta;  +  Dăm ba bé trai cầm roi rồng, mặc áo đỏ đi dọn đường, tượng trưng cho đạo quân mục đồng;  +  Cảnh chia nhau những đồ tế lễ tượng trưng cho việc xin lộc Thánh để được may mắn trong cả năm;  +  Ngày 12 là lễ rước cờ tượng trưng cho việc báo tin thắng trận với trời đất, thiên hạ hưởng thái bình.  **Bước 3:**  **Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận.  + Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng. | -Lễ hội mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc và thể hiện sự tôn kính, trân trọng truyền thống lịch sử dân tộc. |
| **NV 6**  **Bước 1:  Chuyển giao nhiệm vụ.**  Giáo viên đặt câu hỏi: Theo em việc tổ chức hội Gióng mang lại ý nghĩa và giá trị gì?  Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:  Học sinh trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.**  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận.  + Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:**  **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng.  *Lễ hội Gióng là một di sản vô giá của văn hóa dân tộc, là dịp để mỗi người dân Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liêng và trần thế,….* | **3. Ý nghĩa của hội Gióng.**  - Lễ hội Gióng là một di sản vô giá của văn hoá dân tộc, là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liêng và trấn thế...  - Lễ hội cẩn được bảo tồn và phát huy đê’ giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp cho muôn đời. |
| **NV 7**  **Bước 1:  Chuyển giao nhiệm vụ.**  Giáo viên đặt câu hỏi:  - Hãy rút ra nội dung và nghệ thuật của văn bản?  - Nhận xét về trật tự thời gian, cách triển khai nội dung và ngôn ngữ của văn bản?  Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:  Học sinh trao đổi, thảo luận thực hiện nhiệm vụ.**  Học sinh thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  + Học sinh trình bày sản phẩm thảo luận.  + Giáo viên gọi học sinh khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4:  Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.**  Giáo viên nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi bảng.  - Trật tự thời gian trong VB thông tin tường thuật sự kiện.  - Cách triền khai nội dung trong từng phẩn, mục của VB thông tin tường thuật một sự kiện: mở đầu - diễn biến - kết thúc - tổng kết ý nghĩa, giá trị.  - Ngôn ngữ của VB thông tin: giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao.  🡪 Đó chính là đặc điểm của VB thông tin tường thuật lại một sự kiện. | **III. Tổng kết.**  **1. Nội dung, ý nghĩa.**  Giới thiệu về lễ hội đền Gióng, qua đó thể hiện được nét đẹp văn hóa tâm linh và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc.  **2. Nghệ thuật.**  **-** Trật tự thời gian khi tường thuật sự kiện.  - Cách triển khai nội dung trong từng phẩn, mục: mở đầu - diễn biến - kết thúc - tổng kết ý nghĩa, giá trị.  - Ngôn ngữ: giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao.  🡪 Đặc điểm của VB thông tin tường thuật lại một sự kiện.  - Sử dụng các phương thức thuyết minh ngắn gọn, súc tích. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung**: Sử dụng SGK, vận dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập**: Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

GV yêu cầu HS: Hãy lập sơ đồ tư duy và thuyết minh ngắn gọn về lễ hội Gióng ở nước ta.

Gợi ý: Dựa vào các yếu tố: thời gian, địa điểm, sự kiện, người tham gia, ý nghĩa của lễ hội.

GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung**: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập**: Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

GV yêu cầu HS: Viết đoạn văn (5 đến 7 câu) nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của lễ hội Gióng ở nước ta.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 81,82: VIẾT BÀI VĂN THUYẾT MINH**

**THUẬT LẠI MỘT SỰ KIỆN**

**I. Hoạt động 1:Mở đầu**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

Nhớ lại một lễ hội hoặc một sinh hoạt văn hoá mà các em đã từng tham gia, chứng kiến hoặc biết đến qua sách báo, truyền hình hoặc ở địa phương. Em hãy chia sẻ đôi nét về sự kiện đó?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân, Gv quan sát hoạt động

* **Dự kiến câu trả lời:** Lễ hội chùa Bà Đanh
* Lễ hội thi cây cảnh vào mùng 6 Tết âm lịch

…

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS chia sẻ suy nghĩ cá nhân

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, *dẫn dắt vài bài:* Ví dụ qua việc đọc văn bản “*Ai ơi mồng 9 tháng 4*”, chính là các em vừa đọc xong một VB tường thuật lại lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hoá dân gian. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại văn bản thông tin. Các em cũng đã đọc lời dẫn trong sách. Bây giờ các em đã sẵn sàng để viết một bài văn tương tự chưa? Chúng ta sẽ cùng nhau tiến hành công việc này ngay bây giờ.

**II. Hoạt động 2:Hình thành kiến thức**

**I.Tìm hiểu chung về bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu yêu cầu đối với bài văn **thuyết minh thuật lại một sự kiện**

**b. Nội dung**: HS hoạt động cặp đôi sử dụng SKG, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **Bước 1:GV giao nhiệm vụ:**  + *Thế nào là thuyết minh?*  *+ Muốn viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện, em cần chú ý những yêu cầu nào?*  *+ Để bài văn thuyết minh của em thêm sinh động, thu hút người đọc thì em có thể sử dụng thêm những phương tiện nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  -HS suy nghĩ làm bài sau đó thống nhất ý kiến với bạn  - GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức, ghi lên bảng | **I. Giới thiệu kiểu bài**  **Tìm hiểu chung về bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện.**  **1. Thuyết minh là gì?**  -Thuyết minh là phương thức giới thiệu những tri thức khách quan, xác thực và hữu ích về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội.  **2. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện**  - Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp.  - Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian).  - Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí.  - Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.  - Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.  **3. Để bài viết sinh động có thể sưu tầm thêm tranh ảnh, đồ vật, video..** |

**II. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu**: HS tham khảo một bài viết cụ thể để rút ra các thao tác cơ bản để thực hiện bài viết của mình, tạo ý tưởng cho bài viết của mỗi HS.

**b. Nội dung**: HS trả lời các câu hỏi qua việc phân tích, chắt lọc kiến thức SGK,HS thảo luận nhóm theo bàn.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời nhanh và đúng của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo kể về một hội chợ xuân được tổ chức ở trường học mà người viết từng tham gia, trải nghiệm. Bài viết thông tin một cách tương đối chi tiết về sự kiện, kèm theo cả những nhận xét, đánh giá, cảm nghĩ của người viết về sự kiện.  - GV yêu cầu HS đọc VB, thảo luận theo phiếu học tập (\*). Thời gian 6 phút  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Gv quan sát, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  + Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận  **Bước 4: Kết luận nhận định**  - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **4. Phân tích bài viết tham khảo**  VB: “ Hội chợ xuân ở trường tôi”  Lập dàn ý :   * Ngôi tường thuật: thứ nhất * Bối cảnh: không gian, thời gian * Tiến trình * Nhận xét, cảm nghĩ về sự kiện chợ xuân |

Phiếu học tập (\*)

Dàn ý cho bài tham khảo

|  |  |
| --- | --- |
| **“Hội chợ xuân ở trường tôi”** | |
| **Yêu cầu của bài thuyết minh** | |
| Vì sao em biết VB này được kể ở ngôi thứ nhất? | ...........................................................  ........................................................... |
| Phần đoạn, đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện? | ........................................................... |
| Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để người đọc hiểu về sự kiện? | ...........................................................  ........................................................... |
| **Bài viết tường thuật theo trình tự nào?** | ........................................................... |
| **Từ ngữ nào thể hiện nhận xét đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật?** | ...........................................................  ...........................................................  ........................................................... |

* **Dự kiến sản phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **“Hội chợ xuân ở trường tôi”** | |
| **Yêu cầu của bài thuyết minh** | |
| Vì sao em biết VB này được kể ở ngôi thứ nhất? | + Người thuyết minh xưng “*tôi”:trường tôi, tôi được tham gia, tối được thấy lẩn đầu tiên,...* |
| Phần đoạn, đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện? | + Phần mở đẩu đã giới thiệu bối cảnh, mục đích tổ chức hội chợ xuân. |
| Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để người đọc hiểu về sự kiện? | + Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết; + Không gian: trong sân trường;  + Diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt động được tổ chức trong sân trường vào ngày hôm đó: khai mạc, hoạt động mua bán, vui chơi,... |
| **Bài viết tường thuật theo trình tự nào?** | + Trật tự thời gian: *8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiều;*  + Trình tự nguyên nhân - kết quả: chuẩn bị  -> khai mạc -> diễn biến -> kết thúc |
| **Từ ngữ nào thể hiện nhận xét đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật?** | **Từ ngữ thể hiện nhận xét đánh giá của người viết:** *ấn tượng rất sâu sắc; cảm nhận; kỉ niệm đáng nhớ; ...* |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 83,84 : Thực hành viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện**

**III.Thực hành viết theo các bước**

**a. Mục tiêu**: HS xác định được mục đích viết (thuyết minh lại một sự kiện); dự kiến người đọc tiềm năng (thầy, cô, bạn...). Từ đó giúp HS có ý thức bám sát mục đích viết đặt ra từ đầu và đối tượng người đọc mà bài viết hướng đến.

**b. Nội dung**: Chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong sách để viết.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **(1) HOẠT ĐỘNG CÁ NHÂN**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS suy nghĩ để lựa chọn đề tài cho bài viết của mình.  Nếu lựa chọn sự kiện để thuyết minh, em cần chú ý sự kiện như thế nào với em? Lấy ví dụ một số sự kiện em dễ viết?  - Trước khi làm, em có cần thu thập dữ liệu cho bài viết không, em thu thập bằng cách nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS suy nghĩ câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  - GV quan sát, hỗ trợ  Dự kiến sản phẩm: Một số sự kiện gần gũi với HS:  + Hội chợ sách  + Hội chợ hoa xuân ở thành phố , làng quê em  + Lễ hội dân gian  + Hội khỏe Phù Đổng ở trường hoặc địa phương em  GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc.  GV hướng dẫn HS tìm ý tưởng cho bài văn của mình theo nhiều cách: thông qua thu thập dữ liệu  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  + HS trình bày ý tưởng cá nhân  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:**  - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  (2) HOẠT ĐỘNG NHÓM – KĨ THUẬT KHĂN TRẢI BÀN.  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS làm phiếu học tập  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoạt động cá nhân, sau đó làm việc theo nhóm thống nhất câu trả lời.  - GV quan sát hoạt động của HS, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: HS báo cáo kết quả và thảo luận**  - Đại diện nhóm trình bày sản phẩm thảo luận  **Bước 4: Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ:** - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá   * GV nhận xét, đánh giá, bổ sung khen ngợi những bài viết sáng tạo, chân thành, có cảm xúc...đảm bảo yêu cầu. Khích lệ HS chưa đạt được yêu cầu nỗ lực hơn. | **Đề bài:** Em đã được trực tiếp tham gia hoặc tìm hiểu một sự kiện (hoặc sinh hoạt văn hóa). Hãy viết bài văn thuyết minh thuật lại sự kiện (hoặc sinh hoạt văn hóa) đó.  **Bước 1. Trước khi viết**  **a. Lựa chọn sự kiện**:  - Sự kiện mà em được tham gia, chứng kiến, hoặc được tìm hiểu qua các phương tiện thông tin.  - Sự kiện đó em có hứng thú, hoặc đã để lại dấu ấn trong em.  - Sự kiện thuận lợi cho em tham gia, chứng kiến, hoặc tìm hiểu.  **b.Thu thập dữ liệu về sự kiện:**  - Quan sát trực tiếp, chọn lọc, ghi chép kiến thức về sự kiện.  - Sưu tầm kiến thức từ sách, báo, mạng...  **Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý**  **a. Tìm ý (điền phiếu tìm ý)**  **+** Thời gian, địa điểm diễn ra sự kiện  + Hoạt động chính ( trình tự, kết quả của hoạt động)  +Ý nghĩa của sự kiện  **b.Lập dàn ý**  **- Mở bài:** Giới thiệu sự kiện (không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện)  **- Thân bài:** Tóm tắt diễn biến sự kiện theo trình tựthời gian.  + Nhân vật tham gia sự kiện  + Các hoạt động chính của sự kiện; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.  + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất.  **- Kết bài:** Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết |

**PHIẾU TÌM Ý**

Họ và tên HS: ………………………….

**Nhiệm vụ**: Tìm ý cho bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Sự kiện gì? | ............................................................................ |
| Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì? | ............................................................................ |
| Sự kiện xảy ra khi nào? Ở đâu? | ............................................................................ |
| Những ai đã tham gia vào sự kiện? Họ đãnói và làm gì? | ............................................................................ |
| Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào? | ............................................................................ |
| Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia sự kiện là gì? |  |

\\\

**Bước 3: Viết bài**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố lại các các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV, kĩ thuật viết tích cực.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV cho HS viết theo các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện, và dựa vào dàn ý đã lập để viết  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:** HS viết *và tự chỉnh sửa*  **Bước 3: HS báo cáo kết quả**  + HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Kết luận nhận định**   * **GV chuẩn kiến thức** về yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm.   +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +Tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng) | **Bước 3: Viết bài**: Chú ý:  - Cần chọn ngôi tường thuật phù hợp, thống nhất ( ngôi thứ nhất)  - Thuyết minh chi tiết, có trình tự. Cung cấp thông tin về bối cảnh, nhân vật tham gia, diễn biến của sự kiện.  - Cần biểu lộ cảm xúc, đánh giá ngắn gọn. |

**IV. Trả bài, chỉnh sửa:**

**a. Mục tiêu**: HS củng cố lại các các yêu cầu của bài viết, tự sửa lại bài (nếu cần thiết)

**b. Nội dung**: chắt lọc kiến thức SGK, câu hỏi trong bảng gợi ý của GV.

**c. Sản phẩm:** Bài viết của mỗi học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:** GV trả bài cho HS, hướng dẫn HS chỉnh sửa lại bài viết theo các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện  - HS tự chữa bài mình theo bảng hướng dẫn.  - Tạo nhóm để HS đọc và chữa bài cho nhau ( HĐ nhóm, kĩ thuật giải quyết vấn đề: để HS tìm ra cái đã biết, cái chưa biết trong nhiệm vụ viết, tạo nên ý thức tìm hiểu làm rõ vấn đề)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**HS x*em lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm*  **Bước 3: HS báo cáo kết quả**  + HS báo cáo kết quả  **Bước 4: Kết luận nhận định**  **GV chuẩn kiến thức** về yêu cầu  +HS tự sửa bài viết để hoàn chỉnh theo yêu cầu.  +tự kiểm tra lại bài viết của mình theo gợi ý của GV ( Theo bảng)  GV chọn một số bài để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. Lưu ý không nên nêu tên HS để khen, chê trước lớp. | **Bước 4:.Trả bài, chỉnh sửa**  **\* Kiểm tra, điều chỉnh bài viết theo bảng gợi ý sau:**  **\* HS chữa bài cho nhau** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Các phần kiểm tra** | **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** |
| ***Người thuyết minh*** | - Là ai? (được tham gia trực tiếp hay chứng kiến, hoặc được tìm hiểu qua các phương tiện thông tin)  - Chọn ngôi tường thuật phù hợp | - Nếu chưa đúng yêu cầu thì chỉnh lại. |
| ***Mở bài*** | - Tên sự kiện, thời gian, địa điểm, mục đích. | - Nếu thiếu thì bổ sung |
| ***Thân bài*** | - Không khí chung của sự kiện  - Diễn biến chính của sự kiện  + Có những hoạt động nào?  + Hoạt động nào hấp dẫn nhất?  + Các hình ảnh, hoạt động cần chân thực khách quan.  + Sắp xếp theo một trình tự hợp lí chưa? | - Kiểm tra lại từng ý, chưa chuẩn cần bổ sung, điều chỉnh. |
| ***Kết bài*** | - Cảm nghĩ, đánh giá, bộc lộ cảm xúc về sự kiện | - Nếu thiếu thì bổ sung |
| ***Cách thức trình bày*** | - Bố cục, chính tả, diễn đạt | - Nếu mắc lỗi thì sửa lại |

**\* Hoạt động vận dụng:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn HS tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho đề bài theo các bước đã được học.**  - Xác định kiểu bài? Đối tượng cần thuyết minh thuật lại là gì?  - Phần tìm ý em sẽ thực hiện những nội dung gì?  - Tạo nhóm để HS đọc và chữa bài cho nhau ( HĐ nhóm, kĩ thuật giải quyết vấn đề: để HS tìm ra cái đã biết, cái chưa biết trong nhiệm vụ viết, tạo nên ý thức tìm hiểu làm rõ vấn đề)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**   * HS hoạt động cá nhân * GV quan sát, hỗ trợ khi cần   **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - Đại diện cặp đôi trình bày sản phẩm thảo luận  **Bước 4: Kết luận nhận định**  - Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, bổ sung c**huẩn kiến thức** về yêu cầu  GV chọn một số bài để nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm chung cho cả lớp. Lưu ý không nên nêu tên HS để khen, chê trước lớp. | Đề bài: Thuyết minh về một ngày hội trăng rằm mà em đã được tham gia và để lại trong em nhiều ấn tượng.  **a. Tìm ý**  **+ Sự kiện: ngày hội trăng rằm**  **+** Thời gian ngày 15/8 âm lịch, địa điểm ở làng (khu phố) hoặc ở trường em...  + Hoạt động chính ( trình tự, kết quả của hoạt động)  +Ý nghĩa của sự kiện  **b.Lập dàn ý**  **- Mở bài:** Giới thiệu sự kiện ngày hội trăng rằm (không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện)  **- Thân bài:** Thuyết minh diễn biến sự kiện theo trình tựthời gian.  + Không khí trước khí trước ra sự kiện: Sự chuẩn bị của mọi người, cắm trại, chuẩn bị sân khấu, trang phục... của các anh chị phụ trách, các bậc phụ huynh, ...Không khí tưng bừng, náo nhiệt..  + Khi sự kiện diễn ra: các hoạt động thi văn nghệ, thi bày mâm ngũ quả, các gian hàng được bày bán sảm phẩm do các bạn HS làm, các trò chơi dân gian được tổ chức  + Cảnh phá cỗ trông trăng...  - Kết bài: Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 85: NÓI VÀ NGHE: KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT**

**I. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a**. **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Em được nghe những câu chuyện cổ dân gian từ khi nào? Ai là người kể?

- Em có biết, truyện truyền thuyết cũng như các truyện dân gian khác được lưu truyền đến ngày nay bằng cách nào không?

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**- Dự kiến câu trả lời:**

- HS chia sẻ: được nghe những câu chuyện cổ dân gian từ khi còn bé, hoặc không biết từ khi nào. Người kể cho HS nghe: ông bà, bố mẹ,...

- HS trình bày: truyện truyền thuyết cũng như các truyện dân gian khác được lưu truyền đến ngày nay bằng cách ông bà, cha mẹ kể cho con cháu nghe, từ đời này qua đời khác...

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS trình bày, chia sẻ

**Bước 4: Kết luận, nhận định**

* HS nhận xét, đánh giá
* GV nhận xét, kết nối vào tiết học: Các em biết không, văn học dân gian nói chung và truyện truyền thuyết nói riêng được lưu truyền đến ngày nay bằng phương thức truyền miệng. Hay nói cách khác là kho tàng VHDG **lưu truyền nhờ lời kể**, **bằng lời kể**. Vậy nếu muốn kể một truyền thuyết em đã học thì em cần thực hiện những gì? Tiết nói- nghe hôm nay cô/ thầy cùng các em thực hành điều đó.

**II. Hoạt động CHUẨN BỊ BÀI NÓI**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài nói – nghe kể lại một truyền thuyết, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân trình bày sản phẩm sau khi đã viết xong.

**c. Sản phẩm:**Sản phẩm bài viết, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung kiến thức** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ**:Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  - Bài nói nhằm mục đích gì?  - Người nghe là ai?  - Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?  - Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?  **- Về nội dung nói, em cần chuẩn bị những gì?**  Chọn một truyền thuyết cụ thể để thực hiện:  Hãy tìm ý, lập dàn ý cho bài nói của mình?  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  - HS hoạt động cá nhân  - GV quan sát hoạt động của HS, hỗ trợ khi cần  **Bước 3: Báo cáo thảo luận**  - HS trình bày cá nhân  **Bước 4: Kết luận nhận định**  - HS nhận xét, bổ sung, đánh giá  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **Đề bài: Kể lại một truyền thuyết**  **1. Chuẩn bị bài nói**  **Bước 1: Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gia nói** (trình bày).   * Mục đích: kể lại một truyền thuyết, giúp người hiểu được cốt truyện và ý nghĩa của câu chuyện. * Người nghe: thầy cô, bạn bè, người thân... * Chuẩn bị nội dung nói:   + Chọn truyền thuyết mà em yêu thích, nắm vững các sự việc.  + Ngôi kể: thứ ba  + Tóm tắt câu chuyện:  + Xác định từ ngữ then chốt, giọng kể thích hợp  **Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.**  + Truyền thuyếtkể về chuyện gì?  + Truyện có những sự kiện và nhân vật chính nào?  + Diễn biến của câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc) ra sao?  + Có thể thêm, bớt những chỉ tiết, hình ảnh,... của truyện này như thế nào?  + Truyện gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì?  **- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**  **+ Mở bài:** Giới thiệu truyện truyền thuyết tên truyện, lí do kể.  **+ Thân bài:** Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. Trình bày sự việc đã xảy ra trong câu chuyện theo trình tự thời gian.  **+ Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về truyện vừa kể.  **Bước 3: Trình bày bài nói** |

**\* Hoạt động vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b. Tổ chức thực hiện**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Kể lại truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

- GV hướng dẫn HS: Liệt kê các sự việc, chọn sự việc ấn tượng: cuộc giao đấu, chi tiết hoang đường kì ảo, có thể thêm miêu tả, đánh giá, bình luận...trong bài viết

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:**

- Hs nhận xét, bổ sung, đánh giá qua phiếu tiêu chí

- GV nhận xét, bổ sung, chốt

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | |
| *TIÊU CHÍ* | *Chưa đạt* | *Đạt* | *Tốt* |
| *1.Nội dung truyện kể* | *Kể chưa đầy đủ các sự việc chính, người nghe chưa hiểu được câu chuyện (1 điểm)* | *Kể đầy đủ, chính xác câu chuyện truyền thuyết lựa chọn, người nghe hiểu được câu chuyện (2 điểm)* | *Kể thu hút người nghe, có sáng tạo, làm cho câu chuyện hấp dẫn*  *(3- 4 điểm)* |
| *2. Nói to, rõ ràng, truyền cảm* | *Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.(0 điểm)* | *Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. (1 điểm)* | *Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng (2 điểm)* |
| *3. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp* | *Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.(0 điểm)* | *Điệu bộ tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề (1 điểm)* | *Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.(2 điểm)* |
| *4. Mở đầu và kết thúc hợp lí* | *Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.(0 điểm)* | *Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói.(1 điểm)* | *Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. (2 điểm)* |
| **Tổng: ................/10 điểm** | | | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**b. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**.

**Câu 1:** Đọc đoạn văn sau cho biết, em có biết đoạn văn cung cấp thông tin gì ? Từ đó, em hiểu người anh hùng trong đời sống thực tế là những người như thế nào?

“ Chiều ngày 28/2/2021, anh Nguyễn Ngọc Mạnh, thường trú tại huyện Đông Anh, Hà Nội đã có hành động kịp thời giúp cứu tính mạng của một bé gái 3 tuổi khi cháu bị rơi xuống từ tầng 12A của một tòa nhà chung cư. Hành động của anh đã nhận được nhiều lời khen ngợi và ghi nhận từ các cơ quan, bộ, ngành, người dân khắp mọi miền và cả dư luận quốc tế

Trang tin Anh *Independent* đăng tải bài viết về vụ việc anh Mạnh cứu người với dòng tiêu đề: "Bé gái sống sót sau khi rơi từ ban công tầng 12 nhờ tài xế 'người hùng'".

*(Nguồn Intonet)*

**Câu 2:** Vẽ bản đồ tư duy tóm tắt các sự việc chính trong truyện truyền thuyết Thánh Gióng. Hoặc vẽ đặc điểm nhân vật Thánh Gióng bằng sơ đồ tư duy.

**Câu 3:** Hãy hoàn thành dự án phòng tranh: vẽ một hình ảnh về một trong những người anh hùng mà em ấn tượng nhất trong các văn bản truyền thuyết ở bài 6

**Câu 4:** Thể hiện một đoạn kịch ngắn do tổ em thực hiện lấy từ ngữ liệu văn bản Thánh Gióng hoặc Sơn Tinh, Thủy Tinh

**Bước 2:Thực hiện nhiệm vụ:**

* HS suy nghĩ, thực hiện nhiệm vụ ở nhà ra giấy, báo cáo vào tiết sau.

**E. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP 01: Sự ra đời của Thánh Gióng**

|  |  |
| --- | --- |
| *-* Tìm những chi tiết kể về sự ra đời của Gióng (bình thường/ khác thường)?  - Nhận xét về những chi tiết ấy? Suy nghĩ gì về nguồn gốc của Gióng? | **A close-up of a person's skin  Description automatically generated with low confidence** |

**PHIẾU HỌC TẬP 02:**

**Sự lớn lên, quá trình đánh giặc và bay về trời của Thánh Gióng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chi tiết** | **Ý nghĩa** |
| a.Tiếng nói đầu tiên  xin đi đánh giặc |  |
|  |
|  |
| b.Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt |  |
|  |
|  |
| c. Bà con góp gạo nuôi Gióng |  |
|  |

**PHIẾU HỌC TẬP 03: (Thực hành tiếng Việt)**

**(Từ ghép, từ láy)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Từ ghép | Từ láy |
| Ví dụ cụ thể: |  |  |
| biết cơ sở để xác định:  ........... | ............... | ................ |

**PHIẾU HỌC TẬP 04:Nguyên nhân, diễn biến, kết quả**

**(Sơn Tinh, Thủy Tinh)**

|  |  |
| --- | --- |
| ? Sơn Tinh giao tranh với Thủy Tinh là vì lí do gì? |  |
| ? Tìm và liệt kê những chi tiết tái hiện cuộc giao tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh? Ai là người chiến thắng, vì sao người chiến thắng được xem là anh hùng. |  |
| Chủ đề của câu chuyện Sơn Tinh, Thủy Tinh là gì? Ý nghĩa của hình tượng Sơn Tinh, Thủy Tinh; Truyện phản ánh ước mơ gì của nhân dân ta |  |

**PHIẾU HỌC TẬP 04:(Thực hành tiếng Việt)**

**(Nghĩa của từ)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Yếu tố  Hán Việt A | Từ Hán Việt  (A+ giả) | Nghĩa của từ Hán Việt |
| 1 | Sứ | Sứ giả | Người được vua phái đi giao thiệp với nước ngoài hoặc thực hiện một nhiệm vụ quan trọng. |
| 2 |  |  |  |
| ... |  |  |  |

PHIẾU HỌC TẬP 05: Dàn ý cho bài tham khảo

(Viết bài văn thuyết minh thuật lại 1 sự kiện)

|  |  |
| --- | --- |
| **“Hội chợ xuân ở trường tôi”** | |
| **Yêu cầu của bài thuyết minh** | |
| Vì sao em biết VB này được kể ở ngôi thứ nhất? | ...........................................................  ........................................................... |
| Phần đoạn, đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện? | ........................................................... |
| Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để người đọc hiểu về sự kiện? | ...........................................................  ........................................................... |
| Bài viết tường thuật theo trình tự nào? | ........................................................... |
| Từ ngữ nào thể hiện nhận xét đánh giá của người viết trước sự kiện được tường thuật? | ...........................................................  ...........................................................  ........................................................... |

PHIẾU HỌC TẬP 06: Phiếu tìm ý

(Viết bài văn thuyết minh thuật lại 1 sự kiện)

|  |
| --- |
| **Họ và tên**:…………………………………………………………….  **Nhiệm vụ:** Tìm ý cho bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hóa)  Gợi ý: Để nhớ lại cac chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái (sgk/18) |

PHIẾU HỌC TẬP 07: Phiếu chỉnh sửa bài viết

(**thực hành: viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện**)

**PHIẾU CHỈNH SỬA BÀI VIẾT**

**Nhiệm vụ: Hãy đọc bài viết của mình và hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:**

1.Bài viết đã giới thiệu được sự kiện chưa?

2.Nội dung bài viết đã được sắp xếp theo trình tự thời gian chưa? (Nếu chưa, hãy thay đổi như thế nào cho hợp lí).

3.Bài có sử dụng nhất quán từ ngữ xưng hô không?

4.Có nên bổ sung nội dung cho bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ ý cần bổ sung.)

5.Có nên lược bỏ các câu trong bài viết không? (Nếu có, hãy viết rõ câu hay đoạn cần lược bỏ.)

6.Bài viết có mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt không? (Nếu có, hãy viết rõ các mắc lỗi chính tả hay lỗi diễn đạt cần sửa chữa.)

PHIẾU HỌC TẬP 08: Phiếu đánh giá tiêu chí

(**nói và nghe: kể lại một truyền thuyết**)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ** | | | |
| *TIÊU CHÍ* | *Chưa đạt* | *Đạt* | *Tốt* |
| *1.Nội dung truyện kể* | *Kể chưa đầy đủ các sự việc chính, người nghe chưa hiểu được câu chuyện (1 điểm)* | *Kể đầy đủ, chính xác câu chuyện truyền thuyết lựa chọn, người nghe hiểu được câu chuyện (2 điểm)* | *Kể thu hút người nghe, có sáng tạo, làm cho câu chuyện hấp dẫn*  *(3- 4 điểm)* |
| *2. Nói to, rõ ràng, truyền cảm* | *Nói nhỏ, khó nghe, nói lặp lại ngập ngừng nhiều lần.(0 điểm)* | *Nói to, nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu. (1 điểm)* | *Nói to, truyền cảm hầu như không lặp lại hay ngập ngừng (2 điểm)* |
| *3. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,..) phù hợp* | *Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.(0 điểm)* | *Điệu bộ  tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe, biểu cảm phù hợp với nội dung vấn đề (1 điểm)* | *Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe, nét mặt sinh động.(2 điểm)* |
| *4. Mở đầu và kết thúc hợp lí* | *Không chào hỏi và/ hoặc không có lời kết thúc bài nói.(0 điểm)* | *Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói.(1 điểm)* | *Chào hỏi và/ có lời kết thúc bài nói ấn tượng. (2 điểm)* |
| **Tổng:     ................/10 điểm** | | | |

KÍ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

Ngày……tháng ……năm……2025

TTCM

Nguyễn Duy Tuyến

**BÀI 7: CHỦ ĐỀ: THẾ GIỚI CỔ TÍCH**

**Thời gian thực hiện: 13 tiết**

|  |
| --- |
| *"Tôi yêu chuyện cổ nước tôi*  *Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa”.*  (Lâm Thị Mỹ Dạ) |

**I. MỤC TIÊU :**

***1. Về kiến thức: Học sinh học được kiến thức về:***

- Tri thức ngữ văn (truyện cổ tích).

- Thế giới cổ tích được thể hiện qua 3 văn bản đọc.

- Nghĩa của từ ngữ.

- Biện pháp tu từ.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện cổ tích như: cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích.

- Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động.

***3. Về phẩm chất:***

Sống vị tha, yêu thương con người và sự sống; trung thực, khiêm tốn, dũng cảm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

- Sơ đồ, bản đồ, bảng biểu, mô hình: dùng để minh hoạ, trình bày cốt truyện cổ tích, dàn ý bài viết hoặc phần ôn tập, tổng kết kiến thức.

- Phiếu học tập

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A4, giấy note hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức cổ tích vào nội dung bài học.  - Khám phá tri thức Ngữ văn.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS kể tên một vài truyện cổ tích đã được nghe, đọc hoặc được học và nêu hiểu biết sơ bộ về thể loại truyện cổ tích.  - HS kể tên một số truyện đã biết và liên hệ với tri thức ngữ văn.  - GV tổng kết, dẫn dắt vào phần Đọc.  **c) Sản phẩm:** HS nêu/trình bày được  - Tóm tắt truyện và xác định nhân vật chính của một truyện cổ tích yêu thích.  - Trao đổi nhóm để nhận biết các yếu tố cơ bản của truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật chính, lời kể,...) trong những truyện đã biết.  - Chỉ ra những yếu tố hoang đường, kì ảo (lạ và không có thật) được sử dụng trong các truyện mà các em đã đề cập.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV đặt câu hỏi:Kể tên ít nhất 3 truyện cổ tích đã được nghe, đọc hoặc được học. Nêu hiểu biết sơ bộ của em về thể loại truyện cổ tích.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  1. GV yêu cầu HS kể tên một vài truyện cổ tích đã được nghe, đọc hoặc được học.  2. **HS** làm việc cá nhân 2’.  **GV** theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **GV:**  - Yêu cầu đại diện HS trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS:**Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét, chốt kiến thức, chuyển dẫn: *Thời thơ ấu, chắc hẳn em đã từng được nghe nhiều câu chuyện thú vị đưa ta vào một thế giới đặc biệt: thế giới cổ tích. Đó là thế giới của những nhân vật thiện, ác rõ ràng; của những sự thưởng, phạt phân minh; đó còn là thế giới của những phép màu, những điều kì lạ, khác thường,…Bài học này sẽ đưa các em trở lại thế giới đó với những phát hiện thú vị và sâu sắc…*  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 86+ 87: Đọc văn bản 1: “THẠCH SANH”**

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

1. **KHÁM PHÁ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các khái niệm truyện cổ tích vànhững đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng thể loại của truyện cổ tích: các kiểu nhân vật; các yếu tố kì ảo như *con vật kì ảo, đồ vật kì ảo;* lời kể chuyện,...

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  - GV yêu cầu HS kể tên một vài truyện cổ tích đã được nghe, đọc hoặc được học.  + HS kể tên một số truyện đã biết và liên hệ với tri thức ngữ văn.  Câu hỏi gợi ý: *Em biết những truyện cổ tích nào? Em biết các truyện cổ tích đó trong hoàn cảnh nào?*  + HS tóm tắt truyện và xác định nhân vật chính của một truyện cổ tích yêu thích.  + HS trao đổi nhóm để nhận biết các yếu tố cơ bản của truyện cổ tích (cốt truyện, nhân vật chính, lời kể,...) trong những truyện đã biết.  + HS chỉ ra những yếu tố hoang đường, kì ảo (lạ và không có thật) được sử dụng trong các truyện mà các em đã đề cập.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **GV bổ sung:**  - GV mở rộng thêm một số định nghĩa của các nhà nghiên cứu, học giả để hiểu rõ tính chất thể loại cồ tích, phân biệt nó với các thể loại tự sự dân gian khác như thần thoại, truyền thuyết. Ví dụ:  + Giáo trình *Văn học dân gian Việt Nam* của Đinh Gia Khánh - Chu Xuân Diên (đổng Chủ biên) phân định: “Thần thoại là những truyện mà nhân vật là thần, còn truyện cồ tích thì nhân vật là người; thần thoại là sáng tác dân gian thời nguyên thuỷ, còn truyện cồ tích là sản phẩm của xã hội thị tộc tan rã, phản ánh đấu tranh xã hội; thần thoại hấp dẫn bằng những hình tượng mĩ lệ, táo bạo, còn truyện cồ tích lôi cuốn chúng ta bằng những nỗi niềm vui khổ, không khí đấu tranh chống cường quyền...”.  + Tác giả Hoàng Tiến Tựu định nghĩa: “Truyện cổ tích là loại truyện kể dân gian ra đời từ thời kì cổ đại gắn liền với quá trình tan rã của chê độ công xã nguyên thuỷ, hình thành của gia đình phụ quyền và phân hoá giai cấp trong xã hội, nó hướng vế những vấn đề cơ bản, những hiện tượng có tính phổ biến trong đời sống nhân dần, đặc biệt là những xung đột có tính chất riêng tư giữa người với người trong phạm vi gia đình, xã hội. Nó dùng một thứ tưởng tượng và hư cấu riêng”. | 1. Truyện cổ tích  Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận va cuộc đời của nhân vật trong các mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thề hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa.  **2. Đặc điểm nghệ thuật của truyện cổ tích**  - Truyện cổ tích thường kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thề hiện ước mơ đồi thay số phận của chính họ.  - Nhân vật trong truyện cổ tích đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia làm hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).  - Các chi tiết, sự việc thường có tính chất hoang đường, kì ảo.  - Truyện được kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thề hiện rõ quan hệ nhân quả giữa các sự kiện.  - Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định. Tuỳ thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đồi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện. |

**B. ĐỌC VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG:**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS biết được kiểu nhân vật, ngôi kể, tóm tắt được những sự việc chính liên quan đến nhân vật Thạch Sanh.  **b. Nội dung:**  - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm**: câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? Truyện kể về nhân vật nào? Nhân vật đó thuộc kiểu nhân vật nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  ? Nhìn tranh và xác định các sự việc chính liên quan đến nhân vật Thạch Sanh, sau đó tóm tắt truyện bằng một đoạn văn từ 5-7 câu.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản, tìm hiểu một số từ khó.  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **I. TÌM HIỂU CHUNG:**  **1. Đọc, tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung:**  - Kiểu nhân vật: dũng sĩ có tài năng kì lạ.  - Ngôi kể: thứ ba.  - Tóm tắt: Thạch Sanh vốn là thái tử, được Ngọc hoàng phái xuống làm con của vợ chồng người nông dân nghèo. Cha mẹ mất sớm, chàng sống lủi thủi dưới gốc cây đa. Bị Lí Thông lợi dụng, chàng đã dũng cảm diệt chằn tinh, rồi diệt đại bàng cứu công chúa nhưng rồi đều bị Lí Thông cướp công. Hồn chằn tinh và hồn đại bàng vu oan, Thạch Sanh bị vào ngục. Nhờ cứu con vua Thủy Tề trước đó, chàng có cây đàn đem ra gảy, được giải oan, Lí thông bị trừng trị. Thạch Sanh cưới công chúa và được nối ngôi vua. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT:** | |
| **1. Xuất thân, ý nghĩa các chi tiết kì ảo:** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Tìm hiểu gia cảnh của Thạch Sanh, ý nghĩa của các tác giả dân gian từ gia cảnh ấy.  - Vai trò của những con vật và đồ vật kì ảo có trong truyện.  - Ý nghĩa của sự việc công chúa sau khi được giải thoát bị câm.  **b. Nội dung:**  - GV sử dụng KT trạm - mảnh ghép cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c. Sản phẩm:**Phiếu học tập của HS  d. **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và Hs** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Vòng trạm:***  - Chia lớp ra làm 6 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số ở mỗi nhóm  - Phát **phiếu học tập số 1**& giao nhiệm vụ:  + Nhóm 1,3:  (1) Xuất thân của nhân vật Thạch Sanh như thế nào? Hãy chỉ ra sự bình thường và sự kì lạ trong nguồn gốc xuất thân của Thạch Sanh. Mục đích của các tác giả dân gian khi xây dựng nhân vật có nguồn gốc xuất thân như vậy?  (2) Em hãy kể tên những truyện dân gian có nhân vật ra đời kỳ lạ đã lập được chiến công !  + Nhóm 2,5: Hoàn thành sơ đồ sau bằng cách điền từ ngữ phù hợp vào chỗ trống.   |  |  | | --- | --- | | Con vật kì ảo:  ……………………………………… | Đặc điểm/ ý nghĩa:  ……………………………………… | | Đồ vật kì ảo:  ……………………………………… | Đặc điểm/ ý nghĩa:  ……………………………………… |   + Nhóm 3,6:  (3) Sau khi được Lý Thông kéo lên từ hang của đại bàng và đưa trở lại cung, công chúa đã bị câm. Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu công chúa không bị như vậy?  ***\* Vòng mảnh ghép.***  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  ***\* Vòng trạm (3 phút)***  **HS**: Thảo luận nhóm và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng mảnh ghép (9 phút)***  **HS:**  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng trạm.  2. Mỗi chuyên gia ở vòng trạm sẽ có 2 phút để trình bày vấn đề của mình cho nhóm mới.  3. Các thành viên trong nhóm mới sẽ ghi kết quả vào phiếu học tập.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **GV:**  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT:**  **1. Xuất thân, ý nghĩa các chi tiết kì ảo:** |
| **2. Đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông:** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Tìm được chi tiết miêu tả miêu tả hành động của Thạch Sanh và Lý Thông.  - So sánh và nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông.  - Nhận xét được nghệ thuật kể chuyện của các tác giả dân gian và ý nghĩa của cách kết thúc truyện.  - Rút ra bài học cho bản thân từ hai nhân vật.  **b. Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c. Sản phẩm:**Phiếu học tập của HS  d. **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Yêu cầu HS thực hiện kỹ thuật lẩu băng chuyền.  - Phát **phiếu học tập số 2**& giao nhiệm vụ:  (1) Liệt kê vắn tắt các chi tiết (tiêu biểu) miêu tả hành động của:   |  |  | | --- | --- | | Thạch Sanh | Lý Thông | | …………………. | ………………………… |   (2) Từ kết quả của bài tập 2, hãy điền vào bảng so sánh và nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật:   |  |  | | --- | --- | | Thạch Sanh | Lý Thông | | …………………. | ………………………… |   (3) Nhận xét về cách sắp xếp các sự việc trong truyện. Kết thúc truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của các tác giả dân gian về triết lí nào được thể hiện trong truyện cổ tích?  (4) Em hãy rút ra bài học cho bản thân từ hai nhân vật?  - HS làm việc cá nhân: Về kết cục của mẹ con Lý Thông, ở văn bản do Huỳnh Lý và Nguyễn Xuân Lân kể có chi tiết: “Mẹ con Lý Thông về quê đến nửa đường thì bị Thiên Lôi giáng sấm sét đánh chết, rồi bị hoá kiếp làm con bọ hung”. Bản của Anh Động (và nhân dân một số vùng Nam Bộ) kể: “Lý Thông được tha nhưng y về dọc đường mưa to, sấm sét đánh tan thây ra từng mảnh, mỗi mảnh hoá thành một con ễnh ương. Cho nên bây giờ mỗi khi có mưa to sấm sét, ễnh ương sợ, kêu lên những tiếng man dã...”. Em có nhận xét gì về những cách kết thúc này?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - 4 phút làm việc cá nhân  - 8 phút thảo luận cặp đôi theo kỹ thuật lẩu băng chuyền và hoàn thành phiếu học tập.  **GV:** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Gọi ngẫu nhiên HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:** - Trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm đôi.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | **2. Đặc điểm của hai nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông:**   |  |  | | --- | --- | | **Thạch Sanh** | **Lý Thông** | | - Giết chằn tinh.  - Diệt đại bàng  - Cứu thái tử con vua thủy tề.  - Gảy đàn trong ngục giam.  - Vạch mặt mẹ con Lý Thông, tha tội chết cho họ, cưới công chúa.  - Dùng cây đàn để đánh đuổi quân xâm lược.  - Ban niêu cơm thần.  - Nối ngôi vua.  → Thật thà, nhân hậu, dũng cảm, không màng vật chất; đại diện cho chính nghĩa, lương thiện | - Lừa Thạch Sanh đi canh miếu thờ, cướp công.  - Nhờ Thạch Sanh tìm hang ổ đại bàng, ám hại, cướp công.  - Về quê, bị sét đánh, bị biến thành bọ hung.  → Độc ác, mưu mô, xảo quyệt, tham lam, vong ân bội nghĩa | | /cách sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo; kết thúc có hậu/  => Ước mơ, niềm tin vào đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, hòa bình của nhân dân. | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Yêu cầu HS làm việc cá nhân trên **phiếu học tập số 3** (bài tập điền khuyết):  ***1. Nghệ thuật:***  - Sắp xếp các tình tiết ………….: công chúa lâm nạn gặp Thạch Sanh trong hang sâu, công chúa bị câm khi nghe tiếng đàn Thạch Sanh bỗng nhiên khỏi bệnh và giải oan cho chàng rồi nên vợ nên chồng.  - Sử dụng những chi tiết ………….  - …………… có hậu.  ***2. Ý nghĩa:***  Truyện thể hiện …………….. của nhân dân về sự chiến thắng của những con người ……………….  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi raphiếu học tập  **GV** hướng theo dõi, quan sát, hỗtrợ (nếu HS gặp khókhăn).  **B3: Báo cáo, thảoluận**  **HS**: Cá nhân HS trình bày.  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS - Chuyển dẫn sang đề mụcsau. | **III. Tổng kết:**  ***1. Nghệ thuật:***  - Sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo: công chúa lâm nạn gặp Thạch Sanh trong hang sâu, công chúa bị câm khi nghe tiếng đàn Thạch Sanh bỗng nhiên khỏi bệnh và giải oan cho chàng rồi nên vợ nên chồng.  - Sử dụng những chi tiết thần kì.  - Kết thúc có hậu.  ***2. Ý nghĩa:***  Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện. |

**2.2. VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC:**

**a) Mục tiêu:**Giúp HS

- Viết được đoạn văn về một nhân vật dũng sĩ trong đời thường.

- Sử dụng ngôi kể thứ ba.

- Lời kể là lời của học sinh.

**b) Nội dung:**HS viết đoạn văn

**c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):** Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một nhân vật dũng sĩ mà các em gặp ngoài đời hoặc biết qua sách báo, truyện kể.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 88: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghĩa của từ ngữ** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS:  - Hiểu và vận dụng được cách nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản (suy đoán, tra từ điển; đặc biệt là cách suy đoán).  - Hiểu được mối quan hệ giữa một số thành ngữ và các câu chuyện kể.  **b. Nội dung:**  - GV yêu cầu HS làm phiếu học tập, chia nhóm đôi hoặc chia nhóm lớn cho HS trao đổi, thảo luận.  - HS làm việc cá nhân trên phiếu học tập và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm theo yêu cầu của GV.  **c. Sản phẩm:**phiếu học tập câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện**: | |
| **Hoạt động của Gv và Hs** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập 1,2,3 (SGK tr.36,37).  (1) GV cho HS được làm quen với một mô hình cấu tạo từ Hán Việt là *gia* +A, phát triển vốn từ có mô hình trên đồng thời biết được các yếu tố Hán Việt mới, giúp HS hình dung một thao tác rất quan trọng để suy đoán nghĩa của từ là dựa vào cấu tạo, ý nghĩa của các thành tố tạo nên từ đó.  - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu học tập số 1:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Stt | Yếu tố Hán Việt A | Nghĩa của yếu tố Hán Việt A | Từ Hán Việt (*gia*+A) | Nghĩa của từ Hán Việt (*gia*+A) | | 1 | tiên |  | gia tiên |  | | 2 | truyền |  | gia truyền |  | | 3 | cảnh |  | gia cảnh |  | | 4 | sản |  | gia sản |  | | 5 | súc |  | gia súc |  |   + GV cung cấp cho HS nghĩa của những yếu tố Hán Việt khó như tiên (trước, sớm nhất,...); truyền (trao, chuyển giao,...); súc (các loại thú nuôi như trâu, bò, dê, chó,...); sản (của cải); cảnh hiện trạng nhìn thấy, tình cảnh);... sau đó yêu cầu HS suy đoán nghĩa của cả từ.  + GV có thể cho HS huy động vốn từ có sẵn của các em để suy đoán nghĩa.  + Tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể mở rộng thêm các từ Hán Việt khác có cùng cấu tạo, như: *gia quy gia pháp, gia phả, gia bảo,...*  (2) Trước hết, GV cần giải thích để HS hiểu ví dụ được đưa ra trong bài tập 2 (về nghĩa của từ khéo léo), rút ra cách suy đoán (giải thích bằng cách đưa ra từ đồng nghĩa với từ cần giải thích); sau đó, tiến hành suy đoán nghĩa của từng từ in đậm. HS cần hiểu rõ: để giải thích nghĩa thông thường của từ ngữ, có thể tra từ điển; nhưng để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh. GV có thể hướng dẫn HS lập bảng theo mẫu sau (phiếu học tập số 2):   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đoạn trích | Từ ngữ | Nghĩa của từ ngữ | | a. Thạch Sanh đã xả xác nó ra làm hai mảnh. Trăn tinh **hiện nguyên hình** là một con trăn khổng lồ và để lại bên mình một bộ cung tên bằng vàng. | hiện nguyên hình |  | | b. Hồn trăn tinh và đại bàng lang thang, một hôm gặp nhau bàn cách báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho của nhà vua ăn trộm của cải mang tới quăng ở gốc đa để **vu vạ** cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục. | vu vạ |  | | c. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng **rộng lượng** tha thứ cho chúng về quê làm ăn. | rộng lượng |  | | d. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lẻn thì quân sĩ của mười tám nước **bủn rủn** tay chân, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa. | bủn rủn |  |   (3)  - GV yêu cầu HS làm phiếu học tập số 3.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Stt | Từ ngữ | Nghĩa của từ ngữ | | a | - khoẻ như voi:  - lân la:  - gạ: |  | | b | Hí hửng: |  | | c | Khôi ngô tuấn tú: |  | | d | - bất hạnh:  - buồn rười rượi: |  |   (4)  - GV yêu cầu HS căn cứ vào đoạn kể trong truyện Thạch Sanh (từ Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm đến ăn hết lại đầy) để suy đoán được nghĩa của thành ngữ.  - Yêu cầu HS tìm thêm thành ngữ trong các truyện cổ tích: Tấm Cám (*hiền như cô Tấm*), Thạch Sùng (*Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho*) và giải thích nghĩa của các thành ngữ ấy căn cứ vào nội dung câu chuyện.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - HS thảo luận nhóm cặp đôi theo kỹ thuật lẩu băng chuyền phiếu học tập số 2,3.  - HS làm việc cá nhân phiếu học tập số 1,4.  - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | **Bài tập 1:** Hoàn thiện phiếu học tập số 1  **Bài tập 2:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Đoạn trích | Từ ngữ | Nghĩa của từ ngữ | | a | hiện nguyên hình | Trở về hình dạng vốn có | | b | vu vạ | Đổ tội cho người khác (tội mà người đó không làm) | | c | rộng lượng | Tấm lòng rộng rãi, dễ tha thứ, cảm thông với những tội lỗi, sai lầm, … của người khác | | d | bủn rủn | Không thể cử động được do gân cốt như rã rời ra |   **Bài tập 3:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Stt | Từ ngữ | Nghĩa của từ | | a | - khoẻ như voi:  - lân la:  - gạ: | - rất khoẻ, khoẻ khác thường.  - từ từ đến gần, tiếp cận ai đó.  - chào mời, dụ dỗ làm việc gì đó | | b | Hí hửng: | vui mừng thái quá | | c | Khôi ngô tuấn tú: | diện mạo đẹp đẽ, sáng láng | | d | - bất hạnh:  - buồn rười rượi: | - không may, gặp phải những rủi ro khiến phải đau khổ.  rất buồn, buồn lặng lẽ |   **Bài tập 4:**  - *Niêu cơm Thạch Sanh*: niêu cơm ăn không bao giờ hết, suy rộng ra là nguồn cung cấp vô hạn.  - *Hiền như cô Tấm*: rất hiền.  - *Thạch Sùng còn thiếu mẻ kho*: Trên đời khó có ai được hoàn toàn đầy đủ. |

**HĐ : Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**Đáp án đúng của bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên cho HS làm bài trắc nghiệm.

**Câu 1:** Người mẹ mang thai Thạch Sanh trong hoàn cảnh:

a. Cha mẹ Thạch Sanh nghèo nhưng tốt bụng, được Ngọc Hoàng thương tình sai thái tử xuống đầu thai làm con.

b. Người mẹ hái củi trong rừng vào một hôm nắng to, bà khát nước và uống nước trong một cái máng, từ đó bà mang thai.

c. Người mẹ ra đồng thấy một bàn chân to liền ướm thử và mang thai.

d. Người mẹ nằm mộng thấy một vị tiên gõ đôi đũa thần vào người, khi tỉnh dậy thì phát hiện mình có thai.

**Câu 2:** Trước khi được kết hôn với công chúa, Thạch Sanh phải trải qua mấy thử thách?

a. 2 b. 3

c. 4d. 5

**Câu 3:** Lý Thông muốn làm bạn với Thạch Sanh vì:

a. Vì thương cảm cho số phận mồ côi của Thạch Sanh.

b. Vì muốn được che chở cho Thạch Sanh.

c. Vì thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, có Thạch Sanh ở cùng sẽ đem lại nhiều lợi ích.

d. Vì Lý Thông cũng có hoàn tương tự như Thạch Sanh.

**Câu 4:** Trong truyện *Thạch Sanh*, chi tiết không mang tính tưởng tượng là:

a. Thạch Sanh được sinh ra là do Ngọc Hoàng sai thái tử xuống đầu thai.

b. Người mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra Thạch Sanh.

c. Khi Thạch Sanh lớn lên, các vị tiên trên trời xuống dạy võ nghệ và các phép biến hóa.

d. Thạch Sanh mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống trong một túp lều tranh cạnh cốc đa.

**Câu 5:** Chi tiết tiếng đàn và niêu cơm đãi quân sĩ mười tám nước chư hầu đã thể hiện:

a. Tấm lòng nhân đạo, yêu chuộng hòa bình và hóa giải hận thù bằng lẽ phải, chính nghĩa.

b. Lòng tự hào dân tộc.

c. Lòng nhân ái, nhân đạo của dân tộc.

d. Tư tưởng cầu hòa, mong muốn chấm dứt chiến tranh bằng sự thua nhường quân giặc.

**Câu 6:** Chủ đề của truyện *Thạch Sanh* thể hiện:

a. Cuộc đấu tranh xã hội, đòi sự công bằng.

b. Cuộc đấu tranh chống xâm lược, chiến thắng cái ác.

c. Khát vọng chinh phục thiên nhiên, tiêu diệt cái ác.

d. Chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện.

**Câu 7:** Việc Thạch Sanh dùng tiếng đàn để cảm hóa quân mười tám nước chư hầu và thết đãi họ bằng niêu cơm thần có ý nghĩa:

a. Thể hiện tinh thần yêu nước, yêu hòa bình và tấm lòng nhân đạo của nhân dân ta.

b. Cho quân các nước chư hầu thấy được sức mạnh và sự giàu có của nhân dân ta.

c. Thể hiện sự tài giỏi của Thạch Sanh.

d. Thể hiện ước mơ công lí: những người đi xâm lược nhất định sẽ thất bại, những người yêu chuộng hòa bình sẽ thắng lợi.

**Câu 8:**  Yếu tố “tri” trong từ “tri âm” có nghĩa là:

a. hiểu biết b. tri thức

c. hiểu d. nhìn thấy

**Câu 9:** Từ “học lỏm” có nghĩa là:

a. Nghe hoặc thấy người ta làm rồi làm theo, chứ không được ai trực tiếp dạy bảo.

b. Học và luyện tập để có hiểu biết và có kỹ năng.

c. Học văn hóa có thầy, có chương trình, có hướng dẫn (nói một cách khái quát)

d. Tìm tòi, hỏi han để học tập.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS khoanh đáp án đúng.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- Yêu cầu HS đổi bài cho nhau và chấm chéo.

- GV trình chiếu đáp án đúng.

**B4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**HĐ : Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong truyện “Thạch Sanh” để giải quyết một nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống.

**b) Nội dung:**Nhiệm vụ về nhà: Suy nghĩ và tìm câu trả lời về vấn đề: “Hình tượng Thạch Sanh gợi cho em những suy nghĩ gì về biểu hiện của tình yêu thương con người của người Việt Nam trong bối cảnh nước ta đang đối mặt với đại dịch Covid-19 hiện nay?”. Hãy viết đoạn văn từ 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em.

**c) Sản phẩm:**Đoạn văn khoảng 5-7 câu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- GV** giao **NV** về nhà cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tới.

- **HS** thực hiện **NV** ở nhà.

- **GV** khuyến khích sự xung phong/hoặc chỉ định 1-2 **HS** trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá quá trình).

- **GV** nhận xét, đánh về bài trình bày của **HS**, bình luận về bài học và kết luận.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 89+ 90: VĂN BẢN 2: CÂY KHẾ (Truyện cổ tích)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG:**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS biết được kiểu nhân vật, ngôi kể, tóm tắt được những sự việc chính liên quan đến truyện *Cây khế*.  **b. Nội dung:**  - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin.  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi  **c. Sản phẩm:**câu trả lời của HS  **d. Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - GV lưu ý trong khi đọc văn bản, HS chủ yếu sử dụng ba chiến lược: tưởng tượng, theo dõi và dự đoán.  - GV cho HS tìm hiểu thêm về các dị bản khác của truyện cổ tích *Cây khế*.  ? Em có thích truyện không? Vì sao?  ? Truyện kể về nhân vật nào? Nhân vật đó thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Lời kể của ai?  ? Sắp xếp các sự việc chính trong truyện theo thứ tự hợp lí **(Phiếu học tập số 1):**  a. Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.  b. Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.  c. Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.  d. Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn và chim hẹn trả ơn bằng vàng.  e. Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng.  g. Người anh bị rơi xuống biển và chết.  ? Tìm những từ ngữ quen thuộc chỉ thời gian quá khứ, không gian không xác định trong truyện!  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Đọc văn bản, tìm hiểu một số từ khó.  - Làm việc cá nhân, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  **GV:**  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS:** Trình bày sản phẩm. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **GV:**  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau. | | **I. TÌM HIỂU CHUNG:**  **1. Đọc, tìm hiểu chú thích**  **2. Tìm hiểu chung:**  - Kiểu nhân vật: bất hạnh.  - Ngôi kể: thứ ba.  - Tóm tắt:  1. Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.  2 . Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn và chim hẹn trả ơn bằng vàng.  3 . Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.  4 . Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.  5 . Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng.  6 . Người anh bị rơi xuống biển và chết.  - Ý nghĩa các cụm từ chỉ thời gian quá khứ và không gian không xác định: Đây là công thức mở đầu, có ý nghĩa phiếm chỉ không gian – thời gian xảy ra câu chuyện, nhằm đưa người đọc vào thế giới hư cấu thuận lợi hơn. |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT:** | | |
| **1. Ý nghĩa chi tiết kì ảo:** | | |
| 1. **Mục tiêu:** Giúp HS   Hiểu được vai trò của yếu tố kì ảo trong truyện nói riêng và trong truyện cổ tích nói chung.  **b. Nội dung:**  - HS làm việc làm việc nhóm đôi để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c. Sản phẩm:**câu trả lời của HS  d. **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kì ảo không? Vì sao?  ? Từ đó suy ra vai trò của nhân vật kì ảo trong truyện nói riêng và trong truyện cổ tích nói chung là gì?  ? Tìm câu nói có dáng dấp ca dao, tục ngữ trong truyện, nhân vật nào đã nói câu nói đó? Tác dụng của cách nói như vậy là gì?  ? Đảo xa nơi con chim đưa người em đến có điều gì kì diệu? Điều kì diệu này đã giúp gì cho cuộc sống của người em sau đó? Từ đó em hãy suy ra vai trò của không gian kì ảo trong truyện cổ tích!  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**  **HS:**  + Làm việc cá nhân (4p).  + Thảo luận nhóm đôi và ghi kết quả vào vở  (4p)  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **GV:**  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT:**  **1. Ý nghĩa chi tiết kì ảo:**  - Chim thần: biết nói tiếng người, biết chỗ cất giấu của cải.  → Con vật kì ảo nằm trong danh sách lực lượng thần kì của thế giới cổ tích; xuất hiện nhằm tạo ra những điều kì diệu; thực hiện chức năng ban thưởng cho nhân vật tốt hoặc trừng phạt nhân vật xấu.  - Câu nói của con chim lớn: *Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng*  → Câu nói có vần, dễ thuộc, dễ nhớ. Ngày nay câu ăn một quả, trả cục vàng hay ăn khế, trả vàng cũng thường được nhân dân dùng để chỉ một việc làm được trả công hậu hĩnh, có kết quả tốt đẹp.  - Không gian kì ảo (đảo xa):  + Đặc điểm: chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả, ra tới giữa biển.  + Giúp người em có cuộc sống giàu có.  → Nhấn mạnh ý nghĩa của không gian kì ảo cũng rất nhiều bất ngờ mà không gian kì ảo đó mang lại cho nhân vật trong thế giới cổ tích. | |
| **2. Nhân vật người anh, người em và bài học từ truyện:** | | |
| **a.Mục tiêu:** Giúp HS  - Tìm được chi tiết miêu tả miêu tả hành động của người anh và người em.  - So sánh và nhận xét về đặc điểm của hai anh em.  - Nhận xét được ý nghĩa của cách kết thúc truyện.  - Rút ra bài học cho bản thân từ truyện.  **b.Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c. Sản phẩm**: phiếu học tậpcâu trả lời của HS  d. **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm HS.  - Yêu cầu HS thực hiện kỹ thuật trạm – mảnh ghép  - Các nhóm HS thực hiện yêu cầu trên phiếu học tập:  (1) Hoàn thành các ô trong bảng sau (nêu những hành động tiêu biểu nhất):   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhân vật  Đối lập | Người anh | Người em | | Hành động |  |  | | Kết cục |  |  | | Nhận xét |  |  |   (2) Qua kết cục của người anh và người em trong truyện, các tác giả dân gian muốn gửi gắm đến chúng ta bài học gì? Từ truyện, em rút ra bài học gì cho bản thân?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS thảo luận nhóm:**  - Vòng trạm (4p).  - Vòng mảnh ghép (6p).  **GV:** theo dõi, hỗ trợ cho các nhóm HS (nếu nhóm HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Gọi ngẫu nhiên HS trong nhóm ghép trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:** - Trình bày sản phẩm.  - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm ghép.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | **2. Nhân vật người anh, người em và bài học từ truyện:**  **a. Hai nhân vật:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nhân vật  Đối lập | Người anh | Người em | | \*Hành động | - Chiếm hết tài sản.  - Nịnh nọt người em đổi hết tài sản lấy cây khế.  - May túi 12 gang.  - Cố vơ vét hết vàng trên đảo. | - Thương anh, biết phận mình nên không đòi hỏi.  - Chăm sóc cây khế.  - May túi ba gang, lấy vàng trên đảo.  - Sẵn sàng chia sẻ cây khế với anh. | | \*Kết cục | Bị rơi xuống biển, “tham thì thâm” | Sống sung túc, “ở hiền gặp lành” | | \*Nhận xét | Ích kỷ, keo kiệt, tham lam, vô ơn, sống không có tình nghĩa. | Tốt bụng, thật thà, lương thiện, biết ơn, giàu tình nghĩa |   **b. Bài học:**  - Không tham lam, biết vừa đủ.  - Sống nhân hậu, tình nghĩa, biết giữ lời hứa, biết đền đáp ơn nghĩa.  - Anh em trong gia đình phải biết thương yêu, đùm bọc, giúp đỡ nhau.  - Trung thực, chăm chỉ, hiểu được ý nghĩa của lao động chân chính. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Nhóm lẻ: Liệt kê các đặc sắc về nghệ thuật của truyện.  - Nhóm chẵn: Kết cục của truyện đã gửi gắm đến chúng ta bài học gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** 1 phút viết ý kiến ra góc, 1 phút thống nhất trong nhóm và trình bày trước lớp thông tin.  **GV** hướng theo dõi, quan sát, hỗtrợ (nếu HS gặp khókhăn).  **B3: Báo cáo, thảoluận**  **HS**: trình bày.  **GV**: Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các HS  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS - Chuyển dẫn sang đề mụcsau. | **III. Tổng kết:**  ***1. Nghệ thuật:***  - Sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo.  - Sử dụng chi tiết thần kì.  - Kết thúc có hậu.  ***2. Ý nghĩa:***  -Từ những kết cục khác nhau đối với người anh và người em, tác giả dân gian muốn gửi gắm bài học về đền ơn đáp nghĩa, niềm tin ở hiền sẽ gặp lành và may mắn đối với tất cả mọi người. | |

**2.2. Viết kết nối với đọc:**

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học trong truyện “Cây khế” để giải quyết một nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống.

**b) Nội dung:**Nhiệm vụ về nhà: Viết đoạn văn từ 5-7 câu trình bày suy nghĩ và tìm câu trả lời về vấn đề: “Từ hành động đền ơn trong truyện em hãy nêu suy nghĩ của em về truyền thống đền ơn đáp nghĩa của người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay?”.

**c) Sản phẩm:**Đoạn văn khoảng 5-7 câu.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- GV** giao **NV** về nhà cho **HS** như mục **Nội dung** và yêu cầu nghiêm túc tự thực hiện, hoàn thành nhiệm vụ ở nhà và nộp lại vào buổi học tới.

- **HS** thực hiện **NV** ở nhà.

- **GV** khuyến khích sự xung phong/hoặc chỉ định 1-2 **HS** trình bày ở đầu buổi học tới (có thể lấy điểm đánh giá quá trình).

- **GV** nhận xét, đánh về bài trình bày của **HS**, bình luận về bài học và kết luận.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 91: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. **NGHĨA CỦA TỪ** | | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Hiểu được nghĩa của các từ dùng trong văn bản, đặc biệt là hiểu các sắc thái ý nghĩa của từ ngữ (động từ, cụm động từ) trong việc thể hiện các thông điệp trong văn bản hay biểu đạt ý của người dùng.  - Học sinh củng cố kiến thức và thực hành sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ.  **b. Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời  **c. Sản phẩm: câu trả lời của HS**  d. **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc bài tập và xác định yêu cầu của bài tập  - Thảo luận theo bàn& Gv giao nhiệm vụ:  ? Em hiểu gì về nghĩa các từ được in đậm trong bài tập 1/41?  ? Hãy kẻ bảng theo mẫu sau để hoàn thành bài tập 1?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ** | ***Ý nghĩa*** | ***Từ thay thế*** | | (xanh) mơn mởn |  |  | | lúc lỉu: |  |  | | ròng rã |  |  | | vợi hẳn |  |  |   ? Qua các bài tập em thấy để tìm được từ thay thế trong văn bản ta làm thế nào?  Phải hiểu được nghĩa của từ đó trong văn bản (dựa vào vốn hiểu biết từ, từ điểm, phân tích từ và nhất là phải đặt từ đó trong hoàn cảnh để hiểu) rồi từ mới tìm một từ có ý nghĩa và sắc thái tương đồng.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Thảo luận và trình bày ý kiến sau thảo luận  - Kẻ bảng và hoàn thiện bảng.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang bài 2.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **- Yêu cầu HS đọc bài tập 2 và bài tập 3 xác định yêu cầu của bài tập**  - GV phát phiếu học tập cho học sinh và hướng dẫn học sinh hoàn thành bài tập bằng kĩ thật mảnh ghép  Gv yêu cầu chia lớp thành 4 nhóm  Nhóm 1,2,3,4 và giao nhiệm vụ  **- Vòng chuyên gia: (3’)**  + Nhóm 1 làm ý 1 tìm từ ngữ, đặc điểm của tính cách nhân vật khi thấy chim đến ăn khế theo mẫu phiếu học tập.  + Nhóm 3 làm ý 2 tìm từ ngữ, đặc điểm của tính cách nhân vật khi chuẩn bị theo chim ra đảo theo mẫu phiếu học tập.  + Nhóm 4 làm ý 3 tìm từ ngữ, đặc điểm của tính cách nhân vật khi lên lưng chim theo mẫu phiếu học tập.  + Nhóm 4 làm ý 4 tìm từ ngữ, đặc điểm của tính cách nhân vật khi lấy vàng bạc trên đảo theo mẫu phiếu học tập.  **- Vòng mảnh ghép** (Các nhóm tạo ra 4 nhóm mới) GV giao nhiệm vụ:  + Trao đổi nội dung đã thảo luận ở vòng trước  + Thông qua các từ ngữ em hiểu gì về tính cách của vợ chồng người em, người anh và thái độ của nguời kể qua hai bài tập trên?  Gv có thể gợi ý cho học sinh tra cứu, suy nghĩa và giải thích những động từ cụm động từ nhất là những cụm động từ khó như tót, cuống quýt, mê mẫn tinh thần, nghe lời chim...để suy ra đặc điểm về hành động tính cách của nhân vật và thái độ của người kể truyện đối với nhân vật đó.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc yêu cầu bài tập.  - Thảo luận và trình bày ý kiến sau thảo luận  - Kẻ bảng và hoàn thiện bảng.  **GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - Trình bày kết quả làm việc nhóm  - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  - GV Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  **Sắc thái ý nghĩa của từ ngữ có ý nghĩa quan trọng việc thể hiện các thông điệp trong văn bản hay biểu đạt ý của người dùng**  - Chuyển dẫn sang nội dung 2. | | ***Bài tập 1/41***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ ngữ** | ***Ý nghĩa*** | ***Từ thay thế*** | | (xanh) mơn mởn | xanh non và tươi tốt. | Non tươi | | lúc lỉu | (trạng thái) nhiều quả trên khắp các cành | Trĩu trịt | | ròng rã | (thời gian) kéo dài liên tục | Đằng đẵng | | vợi hẳn | Giảm đi (bớt đi) đáng kể | Ít hẳn , bớt hẳn, giảm hẳn |   ***Bài tập 2,3/41,42***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Sự kiện** | **Vợ chồng**  **người em** | | **Vợ chồng**  **người anh** | | | **Động từ**  **Cụm động từ** | **Đặc điểm** | **Động từ**  **Cụm động từ** | **Đặc điểm** | | **Khi thấy chim đến ăn khế** | đợi (cho chim ăn xong), đứng đợi (chim ăn) | Từ tốn, cẩn thận | ăn và chờ (ngày chim đến), hớt hải chạy, tru tréo | Tham lam, nôn nóng, tính toán | | **Chuẩn bị theo chim ra đảo** | may một túi  (theo đúng lời chim) | Từ tốn, biết điểm dừng | Cuống quýt bàn cãi  (về việc may túi, định may nhiều túi) | Tham lam, nôn nóng | | **Lên lưng chim ra đảo** | trèo lên lưng | Ôn tồn, bình tĩnh | (chồng) tót lên, (vợ) vái lấy vái để | vội vàng, sỗ sàng, thô lỗ | | **Lấy vàng bạc trên đảo** | Không dám vào, chỉ dám nhặt ít | Cẩn trọng, từ tốn, không tham lam | hoa mắt vì của quý, mê mẩn tâm thần, quên đói, quên khát, lấy thêm, cố nhặt, lê mãi | Tham lam vô độ, mất hết lí trí | |
| 1. **BIỆN PHÁP TU TỪ** | | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp điệp ngữ  **b. Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời  **c. Sản phẩm**: câu trả lời của HS  d. **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc, xác định yêu cầu của từng bài tập 4, 5/42  - GV chuyển giao nhiệm vụ yêu cầu học sinh suy nghĩ cá nhân sau đó trao đổi với bạn bên cạnh (thảo luận theo từng cặp)  **? Em có nhận xét gì về điểm nổi bật của từ ngữ trong hai câu trên? Việc dùng từ ngữ một cách đặc biệt như có tác dụng gì?**  **? Đặt một câu có sử dụng biện pháp tu từ như bài tập 4?**  GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả  - Thảo luận với bạn về kết quả làm được  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau. | ***Bài tập 3/42***  **a) ăn mãi, ăn mãi**  - Biện pháp tu từ: điệp từ.  - Tác dụng: nhấn mạnh hành động “ăn”, “ăn mãi, ăn mãi” là ăn rất lâu, rất nhiều những không bao giờ hết bên cạnh đó biện pháp còn góp phần nhấn mạnh sự thần kì và ý nghĩa tượng trưng của niêu cơm thần.  **b)**  bay mãi, bay mãi; hết...đến.., hết...đến..  - Biện pháp tu từ: điệp ngữ.  - Tác dụng: nhấn mạnh hành động “bay”, “ bay mãi, bay mãi” là bay rất lâu rất xa; ý “rất xa” còn được nhấn mạnh thêm ở điệp ngữ “hết ...đến ..., hết ... đến ...” thể hiện sự bao la, rộng lớn với những nơi mà chim thần bay qua.  ***Bài 5***:  - Câu do HS đặt (câu đúng, nếu sai 🡪 GV giúp HS sửa lại). | |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

***b) Nội dung:***HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện:***

**Bài tập 1:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên cho HS làm bài trắc nghiệm.

Đọc lại văn bản *Cây khế* trong SGK (tr. 32 - 34) và chọn phương án trà lời đúng cho các câu hỏi:

1. *Trong việc chia gia tài, người anh đã tỏ ra:*
2. Thương em. b.Công bằng.

c. Tham lam và ích kỉ. d. Độc ác.

1. *Qua việc may túi theo lời chim dặn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, người em đã thể hiện:*
2. Là một người dại dột. b. Là một người có khao khát giàu sang

c. Là một người ham được đi đây đi đó. d. Là một người trung thực

1. *Việc người anh bị rơi xuống biển cùng bao nhiêu vàng bạc châu báu lấy được là kết quả tất yếu của:*
2. Sự tham lam. b. Thời tiết không thuận lợi.

c. Sựtrả thù của chim. c. Quãng đường chim phải bay xa xôi quá

1. *Dòng đúng với ý nghĩa có thể rút ra từ truyện "Cây khế" là:*
2. Tham một miếng, tiếng cả đời. c. Tham một bát bỏ cả mâm

b. Tham thì thâm. d. Tham vàng bỏ ngãi

1. *Từ* nghe *trong câu "Hai vợ chồng nghe lời chim may một túi vải, bề dọc bề ngang vừa đúng ba gang" có nghĩa là:*
2. Thu nhận bằng tai những lời chim nói. b.Làm đúng theo lời chim.

c. Chấp nhận điều chim nói. d. Tán thành điều chim nói.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS khoanh đáp án đúng.

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- Yêu cầu HS đổi bài cho nhau và chấm chéo.

- GV trình chiếu đáp án đúng.

**B4: Kết luận, nhận định:**GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**Bài tập 2:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS yêu cầu học sinh thảo luận trong vòng 3 phút:

Hãy cho biết nghĩa nào của từ chín được dùng trong các câu sau bằng cách nối hai cột với nhau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nghĩa của từ “chín”** |  | **Câu có sử dụng từ “chín”** |
| (1) (Quả, hạt) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương vị thơm ngon, trái với xanh | a. Trước khi quyết định, anh phải suy nghĩ cho chín. |
| (2) (Thức ăn) được nấu đến mức ăn được, trái với sống | b. Anh ấy ngượng chín cả mặt |
| (3) (Sự suy nghĩ) ở mức đầy đủ để có được hiệu quả | c. Cơm sắp chín, con có thể dọn cơm được rồi. |
| (4) (Màu da mặt) đỏ ửng lên | d. Gò má em bé chín như quả bồ quân. |
|  | e. Vườn cam chín đỏ cả một khoảng sân |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS thảo luận

**HS** thảo luận theo yêu cầu nhiệm vụ được giao

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

(1)-e; (2)-c; (3)- a; (4)-d,

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm -> chốt kết quả bài tập.

**4. HĐ 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Phát triển năng lực sử dụng sáng tạo trong học tập.

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy viết một đoạn văn ghi lại suy nghĩ của em về nhận vật người em trong câu chuyện “Cây khế” và trong đoạn văn đó sủ dụng biện pháp tư từ điệp ngữ?

Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp, hoặc nộp vở trong tiết học sau.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

**GV** hướng dẫn HS xác nhiệm vụ

**HS** đọc, xác định yêu cầu của bài tập và làm bài cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận**

**GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

**HS** nộp sản phẩm cho GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

**TIẾT 92+93: Văn bản 3: VUA CHÍCH CHÒE**

**(Truyện cổ Gờ- rim (Grimm)**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | | | | |
| **1.Truyện cổ Gờ- rim (Grimm)** | | | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những hiểu biết cơ bản về truyện cổ Gờ- rim (Grimm): truyện cổ Gờ- rim (Grimm) là thể loại truyện như thế nào, ra đời lần đầu ở đâu vào năm nào, do ai sưu tâm và xuất bản. Ảnh hưởng của nó như thế nào đối với văn hóa hiện đại phương Tây.  **b) Nội dung:**  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu và đặt câu hỏi.  - Hs tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: câu trả lời của HS  d) **Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Sản phẩm** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi sau khi đã dặn tìm hiểu ở nhà.  ? Nêu những hiểu biết của em về Truyện cổ tích Gờ-rim?  (GV gợi ý: thể giới cổ tích có gì đặc biệt, nhân vật thường là ai và mục đích của những câu chuyện ấy là gì?)  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1.Truyện cổ Gờ- rim (Grimm)**  **- Là truyện kể gia đình cho trẻ em** là một tập hợp các [truyện cổ tích](https://vi.wikipedia.org/wiki/Truy%E1%BB%87n_c%E1%BB%95_t%C3%ADch) tiếng [Đức](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%A9c) lần đầu tiên được xuất bản năm 1812 bởi [Anh em nhà Grimm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Anh_em_nh%C3%A0_Grimm), [Jacob](https://vi.wikipedia.org/wiki/Jacob_Grimm) và [Wilhelm](https://vi.wikipedia.org/wiki/Wilhelm_Grimm).  - [UNESCO](https://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95_ch%E1%BB%A9c_Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c,_Khoa_h%E1%BB%8Dc_v%C3%A0_V%C4%83n_h%C3%B3a_Li%C3%AAn_Hi%E1%BB%87p_Qu%E1%BB%91c) chính thức công nhận Truyện cổ Grimm là di sản văn hóa thế giới. | | |
|  | Grimm's Kinder- und Hausmärchen, Erster Theil (1812).cover.jpg | Truyện Cổ Grimm (Bìa Cứng) | Lazada.vn | | Truyện cổ Grimm – Nhà sách Tân Việt |
| Tượng đài anh em Grimm tại chợ ở Hanau. (Hessen, Đức) | Bìa của số đầu tiên (1812) | Truyện cổ tích Gờ-rim được xuất bản ở Việt Nam | | |
|  | | | | |
| **2. Tác phẩm** | | | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  Biết được những nét chung của văn bản (Thể loại, ngôi kể, bố cục…)  **b) Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm**: phiếu học tập câu trả lời của HS  d) **Tổ chức thực hiện** | | | | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | | | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp thực hiện kĩ thuật khăn trải bàn, giao nhiệm vụ:  ? Truyện “ Vua chích chòe” thuộc loại truyện nào? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  ? Truyện sử dụng ngôi kể nào? Dựa vào đâu em nhận ra ngôi kể đó? Việc sử dụng ngôi kể như vậy có gì đặc biệt?  ? Câu truyện trên được kể theo trình tự nào và sử dụng phương thức biểu đạt chính là gì?  ? Trong truyện có những nhân vật nào? Nhân vật nào là nhận vật chính?  - GV Tổ chức học sinh thảo luận nhóm theo bàn và chuyển giao nhiệm vụ:  1. Sắp xếp các sự kiện theo trình tự hợp lí.  1.Vua chích chòe giải thích mọi việc cho công chúa khi cô làm phụ bếp cho đám cưới của vua.  2. Vua cha mở buổi yến tiệc, mời các chàng trai đến dự tiệc để tìm phò mã.  3. Công chúa tiếc nuối vì không cưới Vua chích chòe khi thấy rừng, thảo nguyên, thành phố của vua.  4. Công chúa dần dần làm qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp.  5. Công chúa chê hết người này đến người khác, khiến nhà vua tức giận và ban sẽ gả công chúa cho người ăn xin đầu tiên đến điện.   1. Công chúa khóc hối lỗi và hai người làm đám cưới với nhau. 2. Nhà vua gả công chúa cho gã hát rong, công chúa theo gã về nhà. 3. Nhà vua có một cô con gái xinh đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng kiêu ngạo, ngông cuồng.   2. Kể tóm tắt lại câu chuyện “Vua chính chòe” theo những sự việc được sắp xếp?  Gv giao nhiệm vụ cho học sinh suy nghĩa và trả lời:  Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  ? Em có nhận xét gì về phần mở đầu và kết thúc của câu truyện trên?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  - Học sinh tự suy nghĩ và trả lời  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  Trình bày suy nghĩ cá nhân  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | | | **2. Tác phẩm**  **a) Đọc và tìm hiểu chú thích**  **b) Tìm hiểu chung**  - Văn bản là truyện cổ tích  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - Kể theo trình tự thời gian và sử dụng PTBD tự sự.  - Các sự việc chính  + Nhà vua có một cô con gái xinh đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng kiêu ngạo, ngông cuồng.  + Vua cha mở buổi yến tiệc, mời các chàng trai đến dự tiệc để tìm phò mã.  + Công chúa chê hết người này đến người khác, khiến nhà vua tức giận và ban sẽ gả công chúa cho người ăn xin đầu tiên đến điện kiến.  + Nhà vua gả công chúa cho gã hát rong, công chúa theo gã về nhà.  + Công chúa tiếc nuối vì không cưới Vua chích chòe khi thấy rừng, thảo nguyên, thành phố của vua.  + Công chúa dần dần làm qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp.  + Vua chích chòe giải thích mọi việc cho công chúa khi cô làm phụ bếp cho đám cưới của vua.  + Công chúa khóc hối lỗi và hai người làm đám cưới với nhau.  - Truyện có bố cục 3 phần theo công thức của truyện cổ tích (giới thiệu nhân vật và tính huống truyện, các thử thách, kết thúc có hậu) | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| 1. **Đặc điểm các nhân vật** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được những chi tiết nói về xuất thân, ngoại hình, hành động, lời nói suy nghĩ và ngôn ngữ của nhân vật truyện  - Đánh giá tính cách của nhân vật và bài học rút ra.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm**: phiếu học tập câu trả lời của HS  d) **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | **Sản phẩm** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia lớp ra làm 6 nhóm thực hiện kĩ thuật mảnh ghép  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm đánh số 1,2,3,4,5,6  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ yêu cầu các em hoàn thành.  **Vòng 1: Chuyên gia** GV giao nhiệm vụ  Nhóm 1, 3, 5 sẽ tìm hiểu nhân vật công chúa, nhóm 2,4, 6 sẽ tìm hiểu nhân vật vua chích chòe  bằng cách hoàn thành phần phiếu học tập được giao.  **Vòng 2: Mảnh ghép** từ 6 nhóm tạo thành 6 nhóm mới và chia sè nội dung đã trao đổi ở vòng 1 và giao nhiệm vụ  ? Trao đổi với nhau về kết quả đã thảo luận ở vòng 1.  ?Em đánh giá như thế nào về hai nhân vật này sau nội dung thảo luận?  **B 2 Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  \* ***Vòng 1***Thảo luận nhóm và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  ***\* Vòng 2***  **HS:**  1. Chia sẻ kết quả thảo luận ở vòng 1.  2. Mỗi chuyên gia ở vòng trạm sẽ có 2 phút để trình bày vấn đề của mình cho nhóm mới.  3. Thảo luận vấn đề mới  3. Các thành viên trong nhóm mới sẽ ghi kết quả vào phiếu học tập.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  **GV:**  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**  **1. Đặc điểm các nhân vật**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nội dung** | **Công chúa** | **Vua chính chòe** | | **Xuất thân** | con gái duy nhất của nhà vua | Vua một nước | | **Ngoại hình** | Xinh đẹp tuyệt trần | Giống chim chích chòe | | **Lời nói, hành động** | Từ chối hết người này đến người khác còn chế giễu, nhạo báng họ. | Giả làm người ăn mày , tạo ra các thử thách | | **Kiểu nhân vật trong truyện cổ tích** | Kiểu nhân có tính tình không tốt hoặc mắc lỗi sai | Nhân vật người ra thử thách, người giả mạo | | **Đánh giá về tính cách của nhân vật** | ->Kiêu ngạo và ngông cuồng vì qua được nuông chiều | ->Thông minh, kiên nhẫn, điềm tĩnh | | |
| **2.Ý nghĩa của việc trừng phạt và những thử thách** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được chi tiết về những thử thách mà công chúa cần vượt qua.  - Hiểu được ý nghĩa của những thử thách tác giả dân gian muốn truyền đạt và nhận ra đây là mô típ quen thuộc của thể loại truyện này.  - Rút ra bài học cho bản thân.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS  d) **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV giáo nhiệm vụ học sinh suy nghĩa cá nhân và thảo luận theo bàn trong 5’  1. Nhà vua đã trừng phạt công chúa như thế nào sau những hành động của nàng ở buổi kén rể? Em có nhận xét gì về hình phạt này?  2. Ai là người hát rong? Người hát rong này đã yêu cầu công chúa làm những việc gì và mục đích của những việc yêu cầu đó?  3. Kể những câu chuyện cổ tích khi nhận vật chính mắc sai lầm nên phải chịu trừng phạt và thử thách?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra nháp cá nhân.  - Thảo luận nhóm 5 phút  Gv hướng dẫn hỗ trợ học sinh thực hiện hoạt động nhóm (khi cần)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức, mở rộng & chuyển dẫn sang mục khác | | **2.Ý nghĩa của việc trừng phạt và những thử thách**  - Nhà vua quá tức giận nên đã gả công chúa cho người ăn mày  -> Hình phạt nặng nề để trừng trị con gái.  - Người hát rong đã yêu cầu công chúa:  + trở thành thường dân ra khỏi cung.  + Sống trong một căn lều nhỏ không có người hầu hạ.  + Dậy sớm nhóm bếp, náu ăn, đan sọt, dệt sợi, bán sành sứ, phụ bếp  =>trừng phạt tính kiêu căng, ngông cuồng, thể hiện tình yêu , giúp công chúa nhận ra những điều sai trái của mình mà biết sửa sai.  => mô típ quen thuộc trong truyện cổ tích |
| **3.Kết thúc và bài học rút ra** | | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Tìm được chi tiết về kết thúc truyện  - Hiểu được bài học thông qua câu chuyện mà tác giả dân gian muốn truyền đạt.  - Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.  **b) Nội dung:**  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS  d) **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Hoạt động của Gv và HS** | | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GVgiao nhiệm vụ cho học sinh suy nghĩa và trả lời cá nhân  ? Câu chuyện kết thúc như thế nào?  ? Kết thúc truyện, người kể chuyện nói: "Tôi tin rằng, tôi và các bạn đều có mặt trong buổi lễ cưới". Theo em, điều này có hợp lý không? Vì sao?  ? Em có nhận xét gì về kết thúc này?  **Sử dụng (kĩ thuật XYZ)**  **Vấn đề bàn luận:**  ? Qua câu em thấy tác giả dân gian muốn gửi gắm điều gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Thảo luận nhóm và ghi lại kết quả  - Thực hiên  **(kĩ thuật XYZ)**   * Mỗi nhóm 6 ng­ười, mỗi ng­ười viết 3 ý kiến trên một tờ giấy trong vòng 4 phút về cách giải quyết vấn đề và tiếp tục chuyển cho ngư­ời bên cạnh; * Tiếp tục như­ vậy cho đến khi tất cả mọi ng­ười đều viết ý kiến của mình, có thể lặp lại vòng khác trong thời gian 4 phút   **GV:** Hướng dẫn, theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần)  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | **3.Kết thúc và bài học rút ra**  - Kết thúc có hậu: công chúa nhận ra sai lầm của mình và biết sữa lỗi và kết hôn với vua chích chòe.  - Câu “ tôi tin...lễ cưới”-> lời nói bông đùa, cho thấy đây chỉ là một câu chuyện hư cấu.  => Công thức kết truyện quen thuộc trong truyện cổ tích nước ngoài.  - Bài học: khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng, nhạo báng người khác, phải biết tôn trọng và sống hòa nhã, phải cố gắng hoàn thiện bản thân và thay đổi mình phù hợp với hoàn cảnh, biết nhận ra sai lầm và sửa lỗi. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theobàn  - Phát phiếu học tập số2  - Giao nhiệm vụnhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Vua chích chòe”?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ragiấy. * Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu họctập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗtrợ (nếu HS gặp khókhăn).  **B3: Báo cáo, thảoluận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhómbạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mụcsau. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Truyện cổ tích có nhiều tình tiết hấp dẫn, cuốn hút, lời kể hấp dẫn, khéo léo , sử dụng biện pháp điệp cấu trúc.  **2. Nội dung**  *Vua chích chòe* khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng thích nhạo báng người khác. Đồng thời thể hiện sự bao dung, tình yêu thương của nhân dân với những người biết quay đầu, hoàn lương. |

**2.2. VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC:**

**a) Mục tiêu:**Giúp HS

- Viết được đoạn văn kể tóm tắt một câu chuyện có nội dung về kiểu nhân vật như công chúa mà em đã từng đọc trong sách, trên internet hay nghe người khác kể. (Có thể là truyện cổ tích hoặc một câu chuyện trong đời sống)

- Sử dụng ngôi kể thứ ba.

- Lời kể là lời của học sinh.

**b) Nội dung:**HS viết đoạn văn

**c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):** Viết đoạn văn (khoảng 7 – 10 câu) về một nhân vật, tóm tắt một câu chuyện có nội dung về kiểu nhân vật như công chúa mà em đã từng đọc.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**NS:**

**ND:**

**TIẾT 94 – 95 : VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH**

**HOẠT ĐỘNG : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH** | |
| **a. Mục tiêu:**HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời các câu hỏi của phần thi “Vượt chướng ngại vật”  c. Sản phẩm: Câu trả lời trong trò chơi  d. **Tổ chức thực hiện** | |
| ***Hoạt động của Gv và HS*** | ***Sản phẩm dự kiến*** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm:  ***Luật chơi:***Có 8 từ hàng ngang, cũng chính là 8 gợi ý để các nhóm tìm ra một chướng ngại vật của cô. Mỗi nhóm sẽ có hai lượt lựa chọn từ hàng ngang. Thời gian suy nghĩ: 15 giây/câu. Các nhóm cùng trả lời bằng việc viết ra bảng. Trả lời đúng được 10 điểm, nếu chọn từ hàng ngang thì được thêm 10 điểm nữa.  Các nhóm có thể giơ tay trả lời chướng ngại vật bất cứ lúc nào. Trả lời đúng chướng ngại vật trước khi bắt đầu từ hàng ngang thứ 3 được 80 điểm, trước gợi ý cuối cùng được 40 điểm, sau gợi ý cuối cùng thì chỉ được 20 điểm. Trả lời sai chướng ngại vật, thí sinh sẽ bị loại khỏi phần chơi này.  Điểm tối đa cho 1 thí sinh trong phần thi này là 140 điểm, nếu trả lời đúng cả 8 từ hàng ngang và trả lời đúng trước gợi ý cuối cùng.  1. Hàng ngang thứ nhất gồm 4 chữ cái: Đây là từ Hán Việt chỉ số 1? **(Nhất)**  2. Hàng ngang thứ hai gồm 7 chữ cái: Đây là từ chỉ hoạt động tạo ra bất cứ cái gì có đồng thời tính mới và tính ích lợi? **(Sáng tạo)**  3. Hàng ngang thứ ba gồm 11 chữ cái: Đây là từ trái nghĩa với từ “sai lạc”? **(Không sai lạc)**  4. Hàng ngang thứ tư gồm 5 chữ cái: Đây là từ chỉ sự phù hợp, hợp lí, đúng trình tự? **(logic)**  5. Hàng ngang thứ năm gồm 4 chữ cái: Đây là yếu tố nghệ thuật luôn xuất hiện trong truyện cổ tích? **(Kì ảo)**  6. Hàng ngang thứ sáu gồm 6 chữ cái: Đây là phương thức biểu đạt dùng để tái hiện lại hình ảnh của nhân vật hoặc sự kiện? **(Miêu tả**)  7. Hàng ngang thứ bảy gồm 7 chữ cái: Đây là PTBĐ dùng để bộc lộ cảm xúc của nhân vật, người kể chuyện...? **(Biểu cảm)**  8. Hàng ngang thứ tám gồm 8 chữ cái: Đây là câu chuyện nào? **(Thạch Sanh)**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thơ chế hay về chuyện Thạch Sanh và Lý Thông thời hiện đại - Blog chị Tâm | Truyen Co Tich - Vietlist.us | Truyện cổ tích Thạch Sanh | Thach Sanh Ly Thong | | Bài thơ về &quot;Thạch Sanh&quot; | Bài văn kể chuyện hay theo lời kể của em trong vài Lý Thông | Thach Sanh Ly Thong | Thach Sanh Ly Thong | | Thach Sanh Ly Thong | Thạch Sanh - Truyện Cổ Tích | Thơ chế Thạch Sanh và Lý Thông bằng lục bát thời hiện đại (Phần kết) - Blog  chị Tâm | Thạch Sanh Lý Thông - Thế giới 360 |   (GV cho chạy hàng loạt hình ảnh trong 1 phút)  ***? Từ đây em rút ra những yêu cầu gì khi làm bài văn đóng vai nhân vật kế lại truyện cổ tích?***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng/ Chiếu Slide. | ***1. Yêu cầu đối với bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích.***  - Đóng vai một nhân vật trong truyện để kể lại câu chuyện từ ngôi thứ nhất.  - Kể một cách sáng tạo, phát huy trí tưởng tượng: Vừa căn cứ trên truyện gốc vừa có những yếu tố mới (Nhưng không làm sai lạc nội dung chính vốn có).  - Có trình tự hợp lí, logic, có các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.  - Thêm một số yếu tố miêu tả, biểu cảm từ nhân vật kể chuyện. |

N

S

T

Ấ

H

Ạ

T

G

N

H

O

Á

Ạ

L

I

A

S

G

N

Ô

C

K

C

I

G

O

L

K

Ì

Ả

O

Ả

T

U

Ê

I

M

B

I

Ể

U

C

Ả

M

T

H

Ạ

C

H

S

A

N

H

*GỢI Ý:*

|  |  |
| --- | --- |
| Đã tìm ra quê của nhân vật Thạch Sanh và Lý Thông! | Cổ tích Việt Nam cho bé mẫu giáo - Cây khế | Nhà xuất bản Kim Đồng |
| Truyện Song Ngữ - Vua Chích Chòe (Bìa Mềm): Hoàng Bích Ngọc;Nhiều tác giả:  8935246901618: Amazon.com: Books |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | | |
| **a. Mục tiêu:**Từ bài viết tham khảo, nắm được cách viết bài văn và có cho mình ý tưởng để viết bài văn kể lại một trải nghiệm.  **b. Nội dung**: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi bằng việc tham gia vòng “Tăng tốc”  c. Sản phẩm: Câu trả lời trong trò chơi  d. **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm:  Luật chơi: Có 4 câu hỏi tư duy logic với thời gian suy nghĩ 30 giây/câu. Các nhóm cùng trả lời bằng việc viết ra bảng, viết xong hô Bingo để GV biết nhóm nào trả lời xong đầu tiên.  + Trả lời đúng và nhanh nhất được 40 điểm.  + Trả lời đúng và nhanh thứ hai được 30 điểm.  + Trả lời đúng và nhanh thứ ba được 20 điểm.  + Trả lời đúng và nhanh thứ tư được 10 điểm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV đọc hệ thống câu hỏi sau:  1. Vì sao Thạch Sanh lại xưng “ta” mà không xưng “tôi” hay “mình”?  2. Đoạn nào của bài viết có tác dụng như mở bài? Cách vào bằng lời chào, cách đặt câu hỏi, hứa hẹn, ... có thu hút người đọc không?  3. Sắp xếp các ảnh sao cho đúng thứ tự các sự việc mà bài viết sử dụng:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thach Sanh Ly Thong | Bài thơ về &quot;Thạch Sanh&quot; | Thach Sanh Ly Thong | Thach Sanh Ly Thong | | **A** | **B** | **C** | **D** | | Truyen Co Tich - Vietlist.us | Bài văn kể chuyện hay theo lời kể của em trong vài Lý Thông | Truyện cổ tích Thạch Sanh | Thach Sanh Ly Thong | | **E** | **F** | **G** | **H** | | Thơ chế hay về chuyện Thạch Sanh và Lý Thông thời hiện đại - Blog chị Tâm | Thạch Sanh Lý Thông - Thế giới 360 | Thơ chế Thạch Sanh và Lý Thông bằng lục bát thời hiện đại (Phần kết) - Blog  chị Tâm | Thạch Sanh - Truyện Cổ Tích | | **I** | **K** | **L** | **M** |   - I – E – G – H – B – F – C – D – A – M – L - K  4. Những chi tiết, sự kiện nào được người viết thêm vào?  (Đoạn phát hiện và đánh nhau với đại bàng; các bình luận, đánh giá của người kể chuyện)  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng/ Chiếu Slide. | | ***2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo*** |
| **NS:**  **ND:**  **TIẾT :96 +97 :THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH** | | |
| **a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.  **b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi phần thi “Về đích”.  c**. Sản phẩm**: Câu trả lời trong trò chơi  d. **Tổ chức thực hiện** | | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc.  - Hướng dẫn HS tìm ý.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập:  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân  Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em    - HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  - Dự kiến sản phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức. Ghi lên bảng. | **1. Trước khi viết**  *a. Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng*:  - Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.  - Đại từ xưng hô: ta, tôi, mình, tớ, ... phù hợp với địa vị, giới tính... của nhân vật em đóng vai cũng như bối cảnh kể.  *b. Chọn lời kể phù hợp*:  - Đóng vai một nhân vật cụ thể: giới tính, tuổi tác, địa chỉ... của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp.  - Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, nghiêm trang... phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể.  *c. Ghi những nội dung chính của câu chuyện*  - Cần ghi nhớ và tôn trọng những chi tiết đã biết về nhân vật cũng như cốt truyện gốc.  - Dự kiến những yếu tố, chi tiết sẽ được sáng tạo thêm.  - Có thể lập một bản tóm tắt các sự kiện, tình tiết theo thứ tự trước sau để dễ dàng ghi nhơ và kể lại.  *d. Lập dàn ý*  \* Mở bài: Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.  \* Thân bài: Kể diễn biến câu chuyện:  - Xuất thân của các nhân vật.  - Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.  - Diễn biến chính:  + SV1: + SV2: + SV3:  \* Kết bài: Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện. | |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**Hoàn thiện kiến thức vừa chiếm lĩnh được; rèn luyện kĩ năng áp dụng kiến thức mới để giải quyết các tình huống/vấn đề trong học tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng phiếu học tập đã làm ở hoạt động trên viết thành bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích.

c**. Sản phẩm**: phiếu học tập câu trả lời của HS

d. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của Gv và HS*** | ***Sản phẩm*** |
| ***Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:***  *-* GV *yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài văn theo các ý đã lập.  - HS:Tiếp nhận  ***Bước 2***: ***Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thực hành viết bài văn  *-* GV quan sát, hỗ trợ.  ***Bước 3****:* ***Báo cáo kết quả***  - HS trình bày cá nhân.  - GV nghe Hs trình bày.  ***Bước 4: Đánh giá kết quả***  + HS tự đánh giá  + HS đánh giá lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét đánh giá.  -> GV chốt kiến thức và ghi bảng/ chiếu slide. | **3.2. Viết bài**  - Nhất quán về ngôi kể.  - Kể lại câu chuyện:  + Dựa vào truyện gốc: nhân vật, sự kiện, ngôn ngữ...  + Có thể sáng tạo: chi tiết hoá những chi tiết còn chung chung; gia tăng yếu tố kì ảo, tưởng tượng; tăng cường bộc lộ suy nghĩ, cảm xúc, đánh giá của người kể chuyện; tăng thêm miêu tả, bình luận, liên tưởng... |

**HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Phát hiện các tình huống thực tiễn và vận dụng được các kiến thức, kĩ năng trong cuộc sống tương tự tình huống/vấn đề đã học.

**b. Nội dung***:* GV tổ chức cho HS chỉnh sửa bài viết của bạn.

c**. Sản phẩm**: bài viết của HS

d. **Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Hoạt động của GV và HS*** | ***Sản phẩm*** |
| ***Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV yêu cầu HS:  + Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa trong SHS  + Làm việc nhóm, đọc bài văn và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu:  - HS:Tiếp nhận  **Bước 2:*Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS tiến hành đổi bài cho bạn để đọc và sửa lỗi bằng cách ghi ra phiếu nhận xét và dùng bút chì gạch chân lỗi sai.  *-* GV quan sát, hỗ trợ.  ***Bước 3: Báo cáo kết quả***  - HS trình bày cá nhân về phần sửa lỗi cho bạn.  - GV nghe Hs trình bày.  - Dự kiến sản phẩm:  ***Bước 4: Đánh giá kết quả***  + HS tự đánh giá  + Hs đánh giá lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét đánh giá.  -> GV chốt kiến thức và ghi bảng/ chiếu slide. | **3.3. Chỉnh sửa bài viết**  - Ngôi kể thứ nhất  - Người kể chuyện đóng vai nhân vật.  - Có sự tưởng tượng, sáng tạo thêm không thoát li khỏi truyện.  - Có sắp xếp hợp lí các chi tiết và đảm bảo có sự kết nối giữa các phần.  - Có bổ sung thêm các yếu tố miêu tả, thể hiện cảm xúc của nhân vật.  - Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt. |

**NS:**

**ND:**

**TIẾT 98: NÓI VÀ NGHE : KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH BẰNG LỜI MỘT NHÂN VẬT**

**HĐ : Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚCKHI NÓI** | |
| a. **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b. **Nội dung:**  - GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c. Sản phẩm:**câu trả lời của HS  d. **Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  ? Em sẽ nói về nội dung gì? Hãy đánh dấu vào những từ ngữ, những câu quan trọng  ? Để có một bài nói tốt em cần luyện tập ở nhà như thế nào và cần lưu ý những điều gì?  GV chia nhóm đôi thực hành nói  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - HS thực hiện tập nói  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **I.TRƯỚCKHI NÓI**  **1. Chuẩn bị nội dung nói**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Đọc lại ( nhiều lần) bài viết. Đánh dấu những nội dung quan trọng của bài viết mà khi trình bày không thể bỏ qua.  **2. Tập luyện**  - Nói một mình trước gương, nói cho người thân nghe  - Tập nói trước nhóm/tổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY BÀI NÓI** | |
| a.**Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói đúng nội dung yêu cầu của bài và biết thể hiện một số kĩ năng nói trước đám đông.  b. **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c. Sản phẩm:**bài nói của HS  d. **Tổ chức thực hiện** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói trước lớp  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | II. **TRÌNH BÀY BÀI NÓI**  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích, yêu cầu (đóng vai nhân vật kể lại một câu chuyện cổ tích). Biết lựa chọn những sự việc, chi tiết tiêu biểu.  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Kể to, rõ ràng, truyền cảm. Giọng kể linh hoạt phù hợp.  + Sử dụng hiệu quả ngôn ngữ cơ thể để câu chuyện được kể sinh động, hấp dẫn. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| a.**Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b. Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **c. Sản phẩm:**HS trao đổibài nói của nhau  d. **Tổ chức thực hiện** | |
| **Tổ chức thực hiện** | **Sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - GV thực hiện chia nhóm, yêu cầu các nhóm đánh giá bài nói theo tiêu chí:  GV có thể hỏi HS:  ? Em thích điều gì nhất trong phần trình bày của bạn? Nếu có thể, em muốn thay đổi điều gì trong bài nói đó?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | **III. Sau khi nói**  - Nhận xét dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Kết quả bài nói của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Đóng vai nhân vật người em trai trong truyện Cây khế kể lại sự việc vợ chồng họ đã được con chim lạ giúp đỡ trở nên giàu có.

GV yêu cầu HS lập ý ra vở nội dung cần trình bày

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV chia lớp thành 4 nhóm

- GV chiếu phiếu học tập và phát phiếu học tập cho các nhóm.

- HS đọc, tìm hiểu và hoàn thành những nội dung trong phiếu học tập

- GV hướng dẫn HS: liệt kê các sự việc, nhắc lại cách đóng vai nhân vật (xưng “tôi”)

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu đại diện các nhóm trình bày dàn ý thảo luận trong phiếu học tập trước lớp

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho dàn ý của nhóm bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét bài nói của HS.

**HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

GV yêu cầu HS đóng vai nhân vật người em trai trong truyện Cây khế kể lại trước lớp sự việc vợ chồng họ đã được con chim lạ giúp đỡ trở nên giàu có.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em các yêu cầu trước khi nói

- HS nghe và xác định yêu cầu nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS kể lại câu chuyện trước lớp

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

**Hoạt động : CỦNG CỐ, MỞ RỘNG + THỰC HÀNH ĐỌC**

***a) Mục tiêu:***

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

***b) Nội dung:***

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

* GV chiếu phiếu học tập

1.Yêu cầu HS kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thông tin về các đặc điểm của truyện cổ tích

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Các yếu tố** | **Đặc điểm** |
| 1 | Chủ đề |  |
| 2 | Nhân vật |  |
| 3 | Cốt truyện |  |
| 4 | Lời kể |  |
| 5 | Yếu tố kì ảo |  |

**2. Đọc truyện “Sọ Dừa và trả lời các câu hỏi:**

*a. Chỉ ra các yếu tố kì ảo trong truyện.*

*b. Quan hệ ngoại hình và phẩm chất của nhân vật Sọ Dừa.*

*c. Kết thúc truyện, tác giả dân gian muốn thể hiện điều gì?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét bài làm của HS và chiếu kết quả để HS sửa chữa, bổ sung bài làm của mình ( nếu cần)

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC:**

**1. Phiếu học tập:**

**\* Phần đọc – hiểu văn bản “Thạch Sanh”:**

**Phiếu học tập số 1:**

(1) Xuất thân của nhân vật Thạch Sanh như thế nào? Hãy chỉ ra sự bình thường và sự kì lạ trong nguồn gốc xuất thân của Thạch Sanh. Mục đích của các tác giả dân gian khi xây dựng nhân vật có nguồn gốc xuất thân như vậy?

(2) Em hãy kể tên những truyện dân gian có nhân vật ra đời kỳ lạ đã lập được chiến công!

(3) Hoàn thành sơ đồ sau bằng cách điền từ ngữ phù hợp vào chỗ trống.

|  |  |
| --- | --- |
| Con vật kì ảo:  ……………………………………… | Đặc điểm/ ý nghĩa:  ……………………………………… |
| Đồ vật kì ảo:  ……………………………………… | Đặc điểm/ ý nghĩa:  ……………………………………… |

(4) Sau khi được Lý Thông kéo lên từ hang của đại bàng và đưa trở lại cung, công chúa đã bị câm. Theo em, điều gì sẽ xảy ra nếu công chúa không bị như vậy?

**Phiếu học tập số 2:**

(1) Liệt kê vắn tắt các chi tiết (tiêu biểu) miêu tả hành động của:

|  |  |
| --- | --- |
| Thạch Sanh | Lý Thông |
| …………………. | ………………………… |

(2) Từ kết quả của bài tập 2, hãy điền vào bảng so sánh và nhận xét về đặc điểm của hai nhân vật:

|  |  |
| --- | --- |
| Thạch Sanh | Lý Thông |
| …………………. | ………………………… |

(3) Nhận xét về cách sắp xếp các sự việc trong truyện. Kết thúc truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của các tác giả dân gian về triết lí nào được thể hiện trong truyện cổ tích?

(4) Em hãy rút ra bài học cho bản thân từ hai nhân vật?

**Phiếu học tập số 3:**

***1. Nghệ thuật:***

- Sắp xếp các tình tiết ………….: công chúa lâm nạn gặp Thạch Sanh trong hang sâu, công chúa bị câm khi nghe tiếng đàn Thạch Sanh bỗng nhiên khỏi bệnh và giải oan cho chàng rồi nên vợ nên chồng.

- Sử dụng những chi tiết ………….

- …………… có hậu.

***2. Ý nghĩa:***

Truyện thể hiện …………….. của nhân dân về sự chiến thắng của những con người ………

**\* Phần thực hành tiếng Việt:**

**Phiếu học tập số 1:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Stt | Yếu tố Hán Việt A | Nghĩa của yếu tố Hán Việt A | Từ Hán Việt (*gia*+A) | Nghĩa của từ Hán Việt (*gia*+A) |
| 1 | tiên |  | gia tiên |  |
| 2 | truyền |  | gia truyền |  |
| 3 | cảnh |  | gia cảnh |  |
| 4 | sản |  | gia sản |  |
| 5 | súc |  | gia súc |  |

**Phiếu học tập số 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Đoạn trích | Từ ngữ | Nghĩa của từ ngữ |
| a. Thạch Sanh đã xả xác nó ra làm hai mảnh. Trăn tinh **hiện nguyên hình** là một con trăn khổng lồ và để lại bên mình một bộ cung tên bằng vàng. | hiện nguyên hình |  |
| b. Hồn trăn tinh và đại bàng lang thang, một hôm gặp nhau bàn cách báo thù Thạch Sanh. Chúng vào kho của nhà vua ăn trộm của cải mang tới quăng ở gốc đa để **vu vạ** cho Thạch Sanh. Thạch Sanh bị bắt hạ ngục. | vu vạ |  |
| c. Mọi người bấy giờ mới hiểu ra tất cả sự thật. Vua sai bắt giam hai mẹ con Lý Thông lại giao cho Thạch Sanh xét xử. Chàng **rộng lượng** tha thứ cho chúng về quê làm ăn. | rộng lượng |  |
| d. Thạch Sanh xin nhà vua đừng động binh. Chàng một mình cầm cây đàn ra trước quân giặc. Tiếng đàn của chàng vừa cất lẻn thì quân sĩ của mười tám nước **bủn rủn** tay chân, không còn nghĩ gì được tới chuyện đánh nhau nữa. | bủn rủn |  |

**Phiếu học tập số 3:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Stt | Từ ngữ | Nghĩa của từ ngữ |
| a | - khoẻ như voi:  - lân la:  - gạ: |  |
| b | Hí hửng: |  |
| c | Khôi ngô tuấn tú: |  |
| d | - bất hạnh:  - buồn rười rượi: |  |

**\* Phần đọc – hiểu văn bản “Cây khế”:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nhân vật  Đối lập | Người anh | Người em |
| Hành động |  |  |
| Kết cục |  |  |
| Nhận xét |  |  |

**\* Phiếu học tập Thực hành tiếng Việt: Bài tập 2, 3/42,43**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Sự kiện | Vợ chồng  người em | | Vợ chồng  người anh | |
| Động từ  Cụm động từ | Đặc điểm | Động từ  Cụm động từ | Đặc điểm |
| Khi thấy chim đến ăn khế |  |  |  |  |
| Chuẩn bị theo chim ra đảo |  |  |  |  |
| Lên lưng chim ra đảo |  |  |  |  |
| Lấy vàng bạc trên đảo |  |  |  |  |

**\* Văn bản “Vua chích chòe”:**

*+ Phiếu số 1: Tìm hiểu về đặc điểm các nhân vật*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Công chúa** | **Vua chích chòe** |
| Xuất thân |  |  |
| Ngoại hình |  |  |
| Lời nói, hành động |  |  |
| Kiểu nhân vật trong truyện cổ tích |  |  |

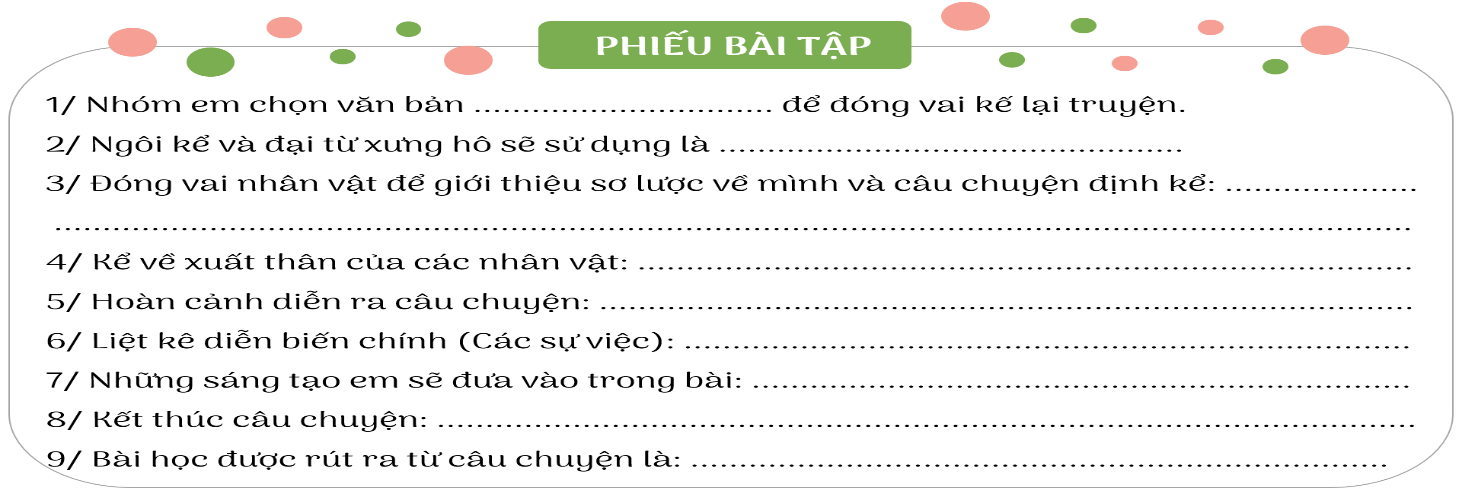
*+ Phiếu học tập số 2*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** |  |
| **Nội dung** |  |

*+ Phiếu học tập số 3*

|  |  |
| --- | --- |
| Văn bản | Đặc điểm của lời kể trong truyện cổ tích |
| 1. Thạch sanh |  |
| 2. Cây khế |  |
| 3. Vua chích chòe |  |

**\* Phần viết:**



**\* Phần nói và nghe:**

**Phiếu học tập số 1:**

**PHIẾU TÌM Ý**

Nhóm : ……

**Nhiệm vụ**: Đóng vai nhân vật người em trai trong truyện Cây khế kể lại sự việc vợ chồng họ đã được con chim lạ giúp đỡ trở nên giàu có.

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

|  |  |
| --- | --- |
| Người em kể về hoàn cảnh của gia đinh mình trước khi bố mẹ mất như thế nào? | ………………………………………………..  ……………………………………………….. |
| Sau khi bố mẹ mất thì hoàn cảnh của hai vợ chồng người em ra sao? | ………………………………………………. |
| Hàng ngày vợ chồng người em hái khế đi bán thì điều gì khiến họ bất ngờ | ………………………………………………. |
| Khi cây khế bị chim ăn gần hết, trước nỗi lo lắng của vợ chồng người em thì đã có sự việc gì xảy ra? | …………………………………………………  ………………………………………………… |
| Sự việc đó đem lại kết quả gì cho họ? | …………………………………………………  ………………………………………………… |

**Phiếu học tập số 2:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Các yếu tố** | **Đặc điểm** |
| 1 | Chủ đề |  |
| 2 | Nhân vật |  |
| 3 | Cốt truyện |  |
| 4 | Lời kể |  |
| 5 | Yếu tố kì ảo |  |

**Phiếu học tập số 3:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Các yếu tố** | **Đặc điểm** |
| 1 | Chủ đề | Kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc, xảy ra trong đời sống gia đình và xã hội của con người, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm bài học đạo lý, cách sống lương thiện, hướng tới những điều tốt đẹp, tránh xa cái ác, cái xấu xa, thể hiện ước mơ , khát vọng,...của tác giả nhân dân |
| 2 | Nhân vật | Nhân vật bất hạnh (người mồ côi, con riêng, em út, có hình dạng xấu xí,...), Nhân vật dũng sĩ và có tài năng kỳ lạ, Nhân vật thông minh và nhân vật ngốc nghếch, Nhân vật là động vật (con vật biết nói năng, hoạt động, có tính cách như con người). Nhìn chung, nhân vật cổ tích chưa được cá thể hóa, tâm lý hóa |
| 3 | Cốt truyện | Mang tính chất tưởng tượng, "tính khác thường" của sự việc và hành động, được xây dựng theo một vài sơ đồ chung như: dũng sĩ giết quái vật cứu người đẹp, người xấu xí nhưng tốt bụng, tài giỏi,... |
| 4 | Lời kể | Thường bắt đầu với câu kể "ngày xửa ngày xưa' ở thời gian và không gian không xác định, kết thúc bằng câu "và rồi họ sống mãi mãi hạnh phúc về sau". |
| 5 | Yếu tố kỳ ảo | Yếu tố huyền ảo, thơ mộng, thế giới kỳ ảo thường xâm nhập lẫn nhau với thế giới trần tục. Thường gồm các con vật kỳ ảo, đồ vật kỳ ảo,....có tác dụng thể hiện mục đích của tác giả nhân dân trong việc truyền tải chủ đề của câu chuyện. |

**2. Bảng kiểm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | |
| **Nhóm**:………. | | | |
| **Tiêu chí** | ***Mức độ*** | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | ***Tốt*** |
| 1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa | Chưa có chuyện để kể. | Có chuyện để kể nhưng chưa hay. | Câu chuyện hay và ấn tượng. |
| 2. Đóng vai nhân vật kể lại nội dung câu chuyện hấp dẫn | Chưa biết đóng vai, kể lại nội dung sơ sài, chưa đầy đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện. | Biết đóng vai kể lại câu chuyện đầy đủ sự việc chi tiết chính để người nghe hiểu được nội dung câu chuyện. | Biết đóng vai kể lại đầy đủ nội dung câu chuyện hấp dẫn và lôi cuốn. |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm,giọng điệu lời nói phù hợp với từng nhân vật | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu, giọng kể chưa linh hoạt | Nói to, rõ ràng truyền cảm, lời kể hoạt với từng nhân vật trong truyện |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một  cách hấp dẫn. |
| TỔNG ĐIỂM: ………………../10 điểm | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức**  **đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nộidung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học. | - Báo cáo thực hiện công việc  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận. |  |

|  |
| --- |
| **PHIẾU GÓP Ý BÀI VIẾT**  Họ và tên người góp ý: ....................................................................................  Họ và tên tác giả bài viết: ................................................................................  ***Nhiệm vụ:****Hãy đọc bài viết của bạn và giúp bạn hoàn chỉnh bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:*  1. Bài viết có nhất quán về ngôi kể (ngôi thứ nhất) và đại từ xưng hô chưa?  ...........................................................................................................................  ........................................................................................................................  2. Người kể chuyện có đóng vai nhân vật kể lại chuyện không?  ...........................................................................................................................  ........................................................................................................................  3. Trong bài có thêm những sự tưởng tượng, sáng tạo nào?  ...........................................................................................................................  ........................................................................................................................  4. Những chi tiết sáng tạo có thoát li khỏi các sự việc chính của truyện không?  ...........................................................................................................................  .5. Có sắp xếp hợp lí các chi tiết và đảm bảo có sự kết nối giữa các phần không?  ...........................................................................................................................  6. Bài viết có bổ sung thêm các yếu tố miêu tả, thể hiện cảm xúc của nhân vật không?  ...........................................................................................................................  7. Bài viết mắc các lỗi chính tả và diễn đạt nào?  ........................................................................................................................... |

**NS:**

**ND:**

**Tiết 99: ĐỌC MỞ RỘNG**

**HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**Hoạt động 1: Trao đổi kết quả tự đọc**

1. **Mục tiêu:**

- Học sinh trình bày sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà.

- Nắm được những thông tin về thể loại của mỗi chủ đề: thể loại, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày sản phẩm và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nhắc lại các đặc điểm của VB truyện cổ tích.  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để trao đổi về kết quả tìm hiểu, khám phá những truyện cổ tích mà các em đã đọc.  - Yêu cầu HS dùng kỉ thuật khăn phủ bàn thảo luận nhóm thực hiện trò chơi: Ai nhanh hơn, ai giỏi hơn?  Chia lớp thành 2 nhóm (2 đội chơi) hoàn thành phiếu học tập sau:   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | TT | Tên văn bản | Thể loại | Chủ đề | Nhân vật | Ngôi kể | Yếu tố kì ảo | | 1 |  |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  |  | | … |  |  |  |  |  |  |   - HS trao đổi với nhau về những gì ấn tượng nhất với các em khi đọc những truyện cổ tích đó, tập trung vào những yếu tố cơ bản của mỗi thể loại, từ chủ đề đến cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, góp ý, bổ sung, chốt lại kiến thức.  +GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt kết quả tự đọc sách thông qua trao đổi trong nhóm hoặc trước lớp. GV khuyến khích HS trao đổi sách với nhau để mở rộng nguồn tài liệu đọc các thể loại cùng hoặc khác chủ đề. (Các đường link, các cuộc truyện, các bộ phim liên quan…) | **I.Khám phá thế giới cổ tích:**  Sản phẩm của 2 đội chơi. |

**Hoạt động 2: Kể chuyện cổ tích:**

1. **Mục tiêu:**

- HS kể cho thấy cô và các bạn nghe một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích mà mình thích.

- Học sinh trình bày sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà.

- Nắm được những thông tin về thể loại của mỗi chủ đề: thể loại, chủ đề, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện và yếu tố kì ảo.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sản phẩm của mình thông qua kết quả tự đọc, tự tìm hiểu ở nhà, chắt lọc kiến thức để tiến hành kể chuyện.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày sản phẩm và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: lựa chọn VB tự đọc và kể câu chuyện em thích nhất cho cả lớp nghe ( Miệng, kể bằng hình ảnh, sân khấu hóa…)  - HS lắng nghe thực hiện.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến câu chuyện vừa kể.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  + GV nhận xét chung và khen ngợi những HS đã thể hiện tốt. | **II. Kể chuyện cổ tích:** |

**Hoạt động 3: Nhận xét hoạt động đọc**

**a. Mục tiêu:** HS rút kinh nghiệm về cách đọc, kể về truyện cổ tích.

**b. Nội dung:**HS tiếp thu, điều chỉnh.

**c. Sản phẩm**: câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - HS chia sẻ trước lớp những ý kiến và thông tin quan trọng khi đọc và kể thể loại truyện cổ tích.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  + HS lắng nghe, trao đổi và đưa ra ý kiến góp ý.  **Bước 3: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  + GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. | **3. Nhận xét, rút kinh nghiệm** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Biết cách đọc một văn bản truyện cổ tích.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Từ việc đọc văn bản, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách đọc, kể một văn bản truyện cổ tích?

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Hãy tìm thêm một số sách với chủ đề đã học và rút ra kinh nghiệm cho bản thân. ( Hướng dẫn học ở nhà)

KÍ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

Ngày……tháng ……năm……2025

TTCM

Nguyễn Duy Tuyến

**Bài 8**

**KHÁC BIỆT VÀ GẦN GŨI**

(13 tiết)

|  |
| --- |
| Trên đời chẳng có người tẻ nhạt Éghe-nhi Ép-tu-sen-cô  (Evgheni Evtushenko)  **I. MỤC TIÊU**(Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)  ***1. Về kiến thức:***  - Tri thức ngữ văn (đặc điểm của văn bản nghị luận).  - Sự khác biệt và gần gũi được thể hiện qua 3 văn bản đọc.  - Trạng ngữ, tác dụng của lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu đối với việc thể hiện ý nghĩa của văn bản.  ***2.Về năng lực:***  - Nhận biết được đặc điểm nổi bật của văn bản nghị luận (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng).  - Nhận biết và tóm tắt được nội dung chính trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn.  - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ, hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa..  - Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.  - Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề), tóm tắt được ý kiến của người khác.  ***3.Về phẩm chất:***  - Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.  **II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**  - SGK, SGV.  - Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.  - Máy chiếu, máy tính  - Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.  - Phiếu học tập |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.  - Khám phá tri thức Ngữ văn.  **b) Nội dung**:  GV yêu cầu HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV.  HS quan sát, lắng nghe truyện “TÔN TRỌNG SỰ KHÁC BIỆT- GIỐNG NHAU, KHÁC NHAU” suy nghĩ cá nhân và trả lời.  **c) Sản phẩm:**HS nêu/trình bày được  - Nội dung của video: nói về sự giống nhau và khác nhau.  - Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở)  **d) Tổ chức thực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  -Cho Hs đọc truyện , yêu cầu HS quan sát, lắng nghe &đặt câu hỏi:  ? Cho biết nội dung của câu chuyện? Câu chuyện gợi cho em suy nghĩ gì?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  1. **HS** quan sát và suy nghĩ cá nhân.  **GV** theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  -Trả lời câu hỏi của GV.  - Báo cáo sản phẩm nhóm, theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**NS:**

**ND:**

**2.1. Đọc văn bản**

**Văn bản**

**Tiết 100, 101: Giới thiệu tri thức ngữ văn**

**XEM NGƯỜI TA KÌA!**

**– *Lạc Thanh* –**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- HS hiểu sơ lược về văn bản nghị luận. Ý nghĩa của những cái chung giữa mọi người và cái riêng biệt ở mỗi con người.

- Đặc điểm của văn bản nghị luận được thể hiện trong văn bản “*Xem người ta kìa!*”.

***2. Về năng lực:***

- Xác định được phương thức biểu đạt chính trong văn bản “*Xem người ta kìa!*”.

- Nhận biết được các lí lẽ, bằng chứng trong văn bản. Từ đó hình dung ra đặc điểm của văn bản nghị luận.

- Rút ra bài học về lối sống, hiểu và trân trọng những cái riêng biệt ở bản thân và mọi người.

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, tôn trọng sự khác biệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a)Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b)Nội dung**:GV hỏi, HS trả lời.

**c)Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**d)Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Em đã bao giờ bị mẹ so sánh với ai đó chưa? Khi ấy, em có những suy nghĩ gì?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**a)Mục tiêu**: HS nắm được nội dung, nghệ thuật của văn bản.

**b)Nội dung**:GV hỏi, HS trả lời.

**c)Sản phẩm:**Câu trả lời của HS.

**d)Tổ chức thực hiện**:

**Dự kiến tiết: 100**

**2.1: Tri thức ngữ văn, xem người ta kìa**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV- Hs | Nội dung kiến thức |
| GV nói phần giới thiệu bài học  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK  *-* GV yêu cầu HS nêu nghiệm vụ về nhà  *+ Thế nào là văn nghị luận?*  *+ C*ác yếu tố trong văn nghị luận?  + Trạng ngữ:…  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng  **GV bổ sung:**  Cùng tìm hiểu kĩ hơn qua 3 văn bản  ………. | **A.Tri thức ngữ văn**  1. Văn bản nghị luận  2. Các yếu tố trong văn nghị luận?  3. Trạng ngữ:… |

**B. Đọc – hiểu văn bản: Xem người ta kìa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung kiến thức** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)HĐ Cá nhân**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả? Văn bản  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** trả lời câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? Văn bản “Xem người ta kìa!” sử dụng phương thức biểu đạt chính nào ? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập& sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  - Lạc Thanh  **2.Tác phẩm**  *a) Đọc và tìm hiểu chú thích*  - HS đọc đúng.  *b) Tìm hiểu chung*  - Văn bản thuộc thể loại văn nghị luận.  - Văn bản chia làm 4 phần  + P1: Từ đầu …Có người mẹ nào không ước mong điều đó?  🡪 Giới thiệu vấn đề bàn luận.  + P2: tiếp đó đến “mười phân vẹn mười”:  🡪Lí do khiến mẹ muốn con giống người khác  + P3: Tiếp đó đến “gạt bỏ cái riêng của từng người”.  🡪Bằng chứng thế giới muôn màu muôn vẻ  +P4: còn lại:  🡪Kết thúc vấn đề | |
|  | | |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| 1. **Mong muốn của mẹ** | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  - Hiểu được vì sao mẹ lại nói “Xem người ta kìa”  - Tìm được những chi tiết nói về lí do khiến mẹ muốn con giống người khác  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung kiến thức** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ***\* Thảo luận nhóm (5 phút)***  - Chia lớp ra làm 4 nhóm:  **-** Yêu cầu các em ở mỗi nhóm có nhóm trưởng để tổ chức thào luận và phân công người trình bày.  - GV giao nhiệm vụ:  **1?**Khi thốt lên “Xem người ta kìa!”, người mẹ muốn con làm gì?  **2?**Chỉ ra ở văn bản đoạn văn dùng lời kể để giới thiệu vấn đề?  **3?**Chỉ ra ở văn bản đoạn văn là lời diễn giải có lí của người viết về vấn đề?  **4?**Chỉ ra ở văn bản đoạn văn dùng bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề? Lí do khiến mẹ muốn con giống người khác là gì**?**  5.Chỉ ra biện pháp NT được sử dụng để làm sáng tỏ vấn đề?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.  -Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **HS**:  - 3 phút đầu: Từng thành viên ở nhóm trình bày lại nội dung đã tìm hiểu  -3 phút tiếp: thảo luận, trao đổi để hoàn thành những nhiệm vụ còn lại.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm kháctheo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức& chuyển dẫn sang mục 2  **Dự kiến tiết: 101** | | - Mỗi lần bảo tôi: “Xem người ta kìa” là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca gì.  - Lí do khiến mẹ muốn con giống người khác: muốn con hoàn hảo, mười phân vẹn mười (thông minh, giỏi giang, được tin yêu, tôn trọng, thành đạt…)  - NT: Dùng lời kể nêu vấn đề=>tăng tính hấp dẫn, gây tò mò; dùng nhiều lí lẽ và bằng chứng=> thuyết phục cao. |
| 1. **Bài học về sự khác biệt và gần gũi.** | | |
| **Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm được chi tiết nói về sự khác biệt và gần gũi.  - Hiểu được bài học về sự khác biệt và gần gũi.  - Rút ra bài học cho bản thân về sự khác biệt và gần gũi trong đời sốnsg.  **Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần) | | |
| **Hoạt động của GV và HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 2& giao nhiệm vụ:  1. Tìm những bằng chứng chứng tỏ thế giới muôn màu muôn vẻ?  2. Vì sao tác giả lại nói “Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một vòng rất đáng quý trong mỗi con người”?  3. Nội dung văn bản nhấn mạnh ý nghĩa của sự khác nhau hay giống nhau giữa mọi người?  4.Em có nhận xét gì về cách sử dụng bằng chứng trong bài nghị luận?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **GV** theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | | ***a) Thế giới muôn màu muôn vẻ***  - Vạn vật trên rừng, dưới biển.  - Các bạn trong lớp mỗi người một vẻ, có hình đáng, sở thích, thói quen khác nhau…  ***b) Biết hòa đồng, gần gũi nhưng phải giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt.***  - Mỗi người phải được tôn trọng, với tất cả những khác biệt vốn có.  - Sự độc đáo của cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú  => Chung sức đồng lòng không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người.  ***c) Bài học rút ra cho bản thân***  - Tôn trọng sự khác biệt của bạn.  - Biết hòa đồng, gần gũi nhưng phải giữ lại cái riêng của bản thân. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 5  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Xem người ta kìa!”?  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ragiấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu họctập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khókhăn).  **B3: Báo cáo, thảoluận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhómbạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  **- Nghệ thuật nghị luận đặc sắc:** Dùng lời kể nêu vấn đề, dùng nhiều lí lẽ và bằng chứng=> vấn đề đưa ra có sức thuyết phục cao.  **2. Nội dung**  - Mỗi lần bảo tôi: “Xem người ta kìa” là một lần mẹ mong tôi làm sao để bằng người, không thua em kém chị, không làm xấu mặt gia đình, dòng tộc, không để ai phải phàn nàn, kêu ca gì.  - Thế giới muôn màu muôn vẻ, vì vậy mỗi chúng ta cần ***Biết hòa đồng, gần gũi nhưng phải giữ lại cái riêng và tôn trọng sự khác biệt.*** |

**2.2 Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn nêu suy nghĩ về vấn đề mỗi người nên có cái riêng (tính cách, suy nghĩ, việc làm…) hay không? Tại sao?

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.

**b) Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giaonhiệmvụ (GV):**

**Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) nêu suy nghĩ về vấn đề: *Ai cũng có cái riêng của mình****.*

*Gợi ý: -* Tại sao mỗi người đều có cái riêng?

- Cái riêng của từng người thể hiện ở những mặt nào? (tính cách, suy nghĩ, ….)

- Dùng câu “*Ai cũng có cái riêng của mình”* làm câu chủ đề, đặt ở đầu đoạn hay cuối đoạn đều được.

**B2: Thực hiện nhiệmvụ:**

HS viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

HS đọc đoạn văn

**B4: Kết luận, nhận định:**

GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

**Đoạn văn tham khảo:**

Ai cũng có cái riêng của mình. Trong cuộc sống, ngoài sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng, mỗi chúng ta cần phải ý thức được cái riêng, giá trị của bản thân mình. Khi ý thức được giá trị của bản thân là khi biết được điểm mạnh, điểm yếu của chính mình. Lúc ấy chúng ta sẽ biết làm thế nào **để phát huy tối đa những khả năng, sở thích vốn có của mình và sửa chữa những khuyết điểm** còn tồn tại. Đồng thời khi đã biết những điểm mạnh của bản thân cũng giúp chúng ta tự tin trong hành động, luôn luôn cố gắng để đạt tới cái đích mà mình đã lựa chọn. Ngược lại, nếu đến chính giá trị của bản thân mình chúng ta cũng không hiểu thì thật khó để lựa chọn được con đường đúng đắn, thiếu tự tin với chính quyết định của mình. Hành trình để khẳng định cái riêng của mình còn đòi hỏi mỗi người cần nỗ lực, cố gắng hết mình để tìm thấy giá trị đích thực của bản thân chúng ta.

**NS:**

**ND:**

**Tiết 102: Thực hành Tiếng Việt**

|  |  |
| --- | --- |
| **Trạng ngữ** | |
| **a)Mục tiêu**: HS  - Củng cố kiến thức về trạng ngữ  - Chỉ ra trạng ngữ và cho biết chức năng của trạng ngữ.  - Nắm được giá trị biểu đạt của trạng ngữ.  -Thêm trạng ngữ vào câu theo đúng yêu cầu.  **b)Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời, Kĩ thuật KWL  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Ôn tập lý thuyết.**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV phát phiếu KWL ở tiết trước.  - Yêu cầu thực hiện ở nhà phần K, W vào vở học ở nhà: HS nhắc lại các kiến thức đã học về trạng ngữ (Đặc điểm, vị trí và chức năng của trạng ngữ )  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- HS**: Nhắc lại các yêu cầu trên phiếu và hoàn thiện.  - **GV:** Hướng dẫn HS hoàn thiện phiếu.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày cột K, W.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình chiếu.  - Chuyển dẫn sang luyện tập.  **Bài tập 1**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu phiếu học tập  - Yêu cầu HS lần lượt đọc các ví dụ sgk  - Nêu yêu cầu  - Phát phiếu học tập  ?Xác định trạng ngữ và chức năng của trạng ngữ ở mỗi ví dụ?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-HS**:  + Đọc ví dụ  + Thảo luận cặp đôi: Xác định trạng ngữ và chức năng của chúng vào phiếu học tập.  **-GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình chiếu.  - Chuyển dẫn sang bài 2.  **Bài tập 2**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu các ví dụ  - Yêu cầu HS lần lượt đọc các ví dụ  - Chia nhóm lớp &nêu yêu cầu  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-HS**:  + Đọc ví dụ  + Làm việc nhóm  **-GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung (nếu cần).  - Trả lời câu hỏi.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Hỏi HS: Qua bài tập trên, ngoài các chức năng đã học em thấy trạng ngữ còn có chức năng gì?  - Chốt kiến thức lên màn hình chiếu: Thêm chức năng *liên kết với câu trước đó* của trạng ngữ qua phiếu KWL  - Chuyển dẫn sang bài tập 3.  **Bài tập 3**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu các ví dụ  - Yêu cầu HS lần lượt đọc các ví dụ  - Nêu yêu cầu và phát phiếu học tập  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **-HS**:  + Đọc ví dụ  + Làm việc cá nhân  **-GV** hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  **HS**:  - Trình bày kết quả  - Nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức  Gv cho làm lại bảng phụ **Những điều em đã học được)**  - Chuyển dẫn sang mục tiếp theo | 1. **Trạng ngữ:**   **a,Nhận biết trạng ngữ:**  **1.Ví dụ:**  **2.Nhận xét:**  Gv cùng Hs pt 4 ví dụ phần bút chỉ dẫn màu hồng.  **b, Luyện tập:**  ***Bài tập 1***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu** | **Trạng ngữ** | **Chức năng** | | a | Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ | Nêu thông tin về thời gian | | b | Giờ đây | Nêu thông tin về thời gian | | c | Dù có ý định tốt đẹp | Nêu thông tin về điều kiện |   ***Bài tập 2***  a.Nếu lược bỏ trạng ngữ “Cùng với câu này”, thông tin trong câu mang tính chất chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.  b. Nếu lược bỏ trạng ngữ “trên đời”, câu sẽ mất đi tính phổ quát, điều muốn nhấn mạnh trong câu không còn nữa.  c. Nếu lược bỏ trạng ngữ “trong thâm tâm” , người đọc sẽ không biết được điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu.  ***Bài tập 3:***   1. Hoa đã bắt đầu nở.   TN chỉ thời gian: **Đầu tháng Giêng**, hoa đã bắt đầu nở.  TN chỉ địa điểm: **Trong công viên**, hoa đã bắt đầu nở.  TN chỉ nguyên nhân: **Nhờ thời tiết ấm lên**, hoa đã bắt đầu nở.   1. **Nghỉ hè,** bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước. 2. **Mỗi khi đi công tác**, mẹ rất lo lắng cho tôi |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghĩa của từ ngữ** | |
| **a)Mục tiêu**:  HS hiểu được nghĩa của một số thành ngữ  **b)Nội dung**:  - HS làm việc cá nhân, thảo luận và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.  **c) Sản phẩm:**  Câu trả lời và bài làm của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bài tập 4**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV trình chiếu bài tập  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  - Cho HS trao đổi cặp đôi  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài.  - HS trao đổi cặp đôi  - GV hướng dẫn HS làm bài  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.  - HS báo cáo sản phẩm  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức qua màn hình chiếu, chuyển dẫn sang bài 5  **Bài tập 5**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV trình chiếu bài tập  - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập.  - Chia nhóm và yêu cầu HS thảo luận  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tập và xác định yêu cầu của đề bài.  - HS thảo luận nhóm  - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo kết quả thảo luận.  - HS báo cáo sản phẩm  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét và chốt kiến thức qua màn hình chiếu, chuyển dẫn sang mục sau. | ***2)Thành ngữ***  ***Bài 4***:  a. *Chung sức chung lòng*: đoàn kết, nhất trí.  b. *Mười phân vẹn mười*: toàn vẹn, không có khiếm khuyết.  ***Bài 5***:  a. thua chị kém em: thua kém mọi người nói chung.  b.mỗi người một vẻ: mỗi người có những điểm riêng khác biệt, không ai giống ai.  c.nghịch như quỷ: vô cùng nghịch ngợm, một cách tai quái, quá mức bình thường. |

**3. HĐ 3: Luyện tập**

***a) Mục tiêu:*** Củng cố và khắc sâu kiến thức.

***b) Nội dung:***HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết đoạn văn 5-7 câu trình bày suy nghĩ của em về vấn đề: *Cái riêng của bản thân em rất đáng tự hào.* Trong đoạn văn có sử dụng ít nhất một trạng ngữ. (Gạch chân trạng ngữ)

Gợi ý:

- Em tự hào về nét riêng nào của bản thân?

- Vì sao em tự hào về nét riêng đó?

- Dùng câu *Cái riêng của bản thân em rất đáng tự hào* làm câu chủ đề.

- Có sử dụng trạng ngữ, gạch chân.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

HS viết đoạn theo gợi ý

**B3: Báo cáo, thảo luận:**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

**4. HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao nhiệm vụ)

? Hãy tìm ví dụ về một số văn bản thuộc kiểu văn bản nghị luận, xác định vấn đề nghị luận cũng như các lí lẽ và bằng chứng được sử dụng trong văn bản ấy.

- Nộp sản phẩm về hòm thư của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn…

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

**B3: Báo cáo, thảo luận**

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV .

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học và chuẩn bị cho tiết học tiếp theo.

**NS:**

**ND:**

**Tiết 103,104:VĂN BẢN 2: HAI LOẠI KHÁC BIỆT**

**(Giong-mi Mun)**

**I. MỤC TIÊU**

*1. Về kiến thức*

- Sự phong phú của chủ đề bài học về sự “Gần gũi và khác biệt”

- Sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi con người.

*2 .Về năng lực*

- Thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hai loại khác biệt.*

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hai loại khác biệt.*

- Hợp tác, trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa đoạn trích.

- Viết bài văn nghị luận kết hợp phương thức tự sự, miêu tả.

*3 .Về phẩm chất*

- Giúp HS phát triển các phẩm chất: Trung thực, thật thà; lương thiện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập:

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Tiết 103:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho HS thời gian 2 phút chuẩn bị:  *? Em có muốn thể hiện sự khác biệt so với các bạn trong lớp không? Vì sao?*  *? Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt nhưng có những ưu điểm vượt trội?*  HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV dẫn dắt: Lứa tuổi dạy thì cũng là lứa tuổi các em bắt đầu bước vào sự trưởng thành về cơ thể cũng như về tâm lí, nhận thức. Nhiều bạn muốn khẳng định bản thân mình bằng cách làm những điều khác thường, gây sự chú ý với mọi người. Vậy điều khác thường đó là tốt hay xấu? Nên thể hiện sự khác thường bằng cách nào? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu. | - HS kể ngắn gọn những suy nghĩ, tưởng tượng của mình. |

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**a) Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Gv-Hs** | **Nội dung kiến thức** |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc-chú thích**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc to, diễn cảm văn bản và đặt câu hỏi:  *? Văn bản* ***Hai loại khác biệt*** *thuộc thể loại nào trong văn học?*  *? Hãy nhắc lại khái niệm về văn bản đó*  *? Thử chia bố cục của văn bản “Hai loại khác biệt”.*  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SGK: *Giong-mi Mun (tác giả VB), quái đản, quái dị,*  - HS lắng nghe.  **Bước 2: thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 2: Tác phẩm**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  *? Câu chuyện được kể bằng lời của nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể*  *? GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?*  *? Bố cục của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: Truyện kể theo ngôi thứ nhất. Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV nhấn mạnh: Văn bản kể lại câu chuyện mà tác giả là người trong cuộc. Như vậy, câu chuyện trở nên chân thực, thể hiện những trải nghiệm của tác giả khi nhìn nhận và rút ra bài học cho mình.  **Dự kiến Tiết 104**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ  *? Giáo viên đã giao cho học sinh bài tập gì?Mục đích và yêu cầu bài tập đặt ra?*  *? Tại sao giáo viên không dạy cho học sinh luôn bài học mà lại cho học sinh được tham gia trải nghiệm thực tế trước? Em nhận xét gì về cách giáo dục này?*  *? Các bạn trong lớp đã thể hiện sự khác biệt như thế nào?*  *? Bạn HS nào có cách thể hiện khác? Phản ứng của cả lớp trước cách thể hiện đó là gì?*  *? Em nhận thấy sự khác nhau của việc thể hiện sự khác biệt của số đông các bạn trong lớp và của J là gì?*  Dự kiến sản phẩm:  + Số đông học sinh chọn cách mặc những trang phục kì dị, để kiểu tóc kì quặc, mặc quần áo kì lạ, làm trò quái đản với trang sức hoặc phấn trang điểm, tham gia những hoạt động ngu ngốc, gây chú ý 🡪 bộc lộ cá tính  + Bạn học sinh J: chọn cách ăn mặc bình thường nhưng bạn chọn cách giơ tay trong tất cả các tiết học, trả lời chân thành và xưng hô lễ đỗ với thầy cô, bạn bè.  + Phản ứng của mọi người: cười khúc khích dần dần mọi người nhận ra điều J làm mới tuyệt vời làm sao bởi hàng ngày J khá nhút nhát, ít nói.  🡪 Sự khác nhau: cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người.  + Nhóm 3  *? Từ những bằng chứng đưa ra, tác giả đã rút ra điều cần bàn luận là gì? Em nhận xét gì về cách triển khai của tác giả?*  *? Em có đồng tình với ý kiến của tác giả không? Vì sao?*  **-** GV bổ sung: Ở Vb này, tác giả đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận. Nhờ cách triển khai này, VB không mang tính chất bình giá nặng nề. Câu chuyện làm cho vấn đề bàn luận trở nên gần gũi, nhẹ nhàng.  + Nhóm 4  *? Đa số mọi người chọn loại khác biệt vô nghĩa? Vì sao? Em có thích cách thể hiện này?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV & HS)**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV & HS)**  **GV**:  - Yêu cầu HS trả lời, báo cáo sản phẩm…  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá…  **HS**:  - Trả lời câu hỏi  - Báo cáo sản phẩm nhóm  - Theo dõi, nhận xét, đánh giá, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ làm việc nhóm của HS  - Đánh giá sản phẩm nhóm của HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.  GV chuẩn kiến thức: Khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, những động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý. Vì dễ, cho nên hầu như ai muốn cũng có thể bắt chước. Ngược lại, muốn tạo sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin. Những năng lực và phẩm chất quý giá ấy không phải ai cũng có  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theobàn  - Phát phiếu học tập số5   |  |  | | --- | --- | | **Nghệ thuật** |  | | **Nội dung** |  | | **Ý nghĩa** |  |   -Giao nhiệm vụnhóm:  *? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *? Nội dung chính của văn bản “Hai loại khác biệt”?*  *? Ý nghĩa của văn bản.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ragiấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu họctập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗtrợ (nếu HS gặp khókhăn).  **B3: Báo cáo, thảoluận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhómbạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mụcsau. | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  **2. Đọc, chú thích:**  *-* Cách đọc:đọc to, rõ ràng, chậm rãi, giọng đọc khác nhau ở những đoạn bàn luận hay kể chuyện. Chú ý khi đọc theo dõi cột bên phải để nhận biết một số ý được bàn luận.  **2. Tác phẩm**  - Thể loại: Văn bản nghị luận  🡪VB nghị luận nhằm bàn bạc, đánh giá về một vấn đề trong đời sống, khoa học…. Mục đích của người tạo lập VB nghị luận bao giờ cũng hướng tới mục đích: thuyết phục để người đọc, người nghe đồng tình với ý kiến của mình.  -Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”  - PTBĐ: nghị luận  **Bố cục:** 4 phần  - Đoạn 1: *Từ đầu =>Vi phạm nội quy nhà trường (nêu vấn đề):*Mỗi người cần có sự khác biệt  - Đoạn 2: *Tiếp =>Lời cảm ơn thầm lặng:* Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J  - Đoạn 3: *Tiếp =>nể phục cậu*: Cách để tạo nên sự khác biệt  - Đoạn 4: *Phần còn lại* (kết luận vấn đề): Ý nghĩa của sự khác biệt thực sự  **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**  ***1. Mỗi người cần có sự khác biệt***  - Bài tập: Trong suốt 24 giờ đồng hồ, mỗi người phải cố gắng trở nên khác biệt.  - Mục đích: Để mỗi người bộc lộ một phiên bản chân thật hơn.  - Yêu cầu: không được gây hại, làm phiền người khác, vi phạm nội quy nhà trường.  - GV đã tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm thực tế, để mỗi HS tự rút ra được ý nghĩa của hoạt động  🡪 cách giáo dục giúp người học chủ động, tích cực nắm bắt vấn đề.  ***2. Bằng chứng: Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J***  - Số đông : chọn cách thể hiện cá tính bản thân qua cách ăn mặc, hành động quái dị, khác thường.  - Học sinh J chọn cách thể hiện sự khác biệt khác với ngày thường mình : thay vì nhút nhát, ít nói, cậu đã giơ tay và phát biểu trong các tiết học, xưng hô lễ độ với mọi người  🡪 Cách thể hiện sự khác biệt của mỗi người là khác nhau.  ***3. Lí lẽ: Cách để tạo nên sự khác biệt***  - Tác giả đã phân chia sự khác biệt thành hai loại: sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có nghĩa.  - Đa số chọn loại vô nghĩa, vì nó đơn giản và chẳng mất công tìm kiếm nhiều. không cần huy động khả năng đặc biệt gì.  ***4. Kết luận vấn đề***  - Sự khác biệt thực sự, có ý nghĩa ở mỗi người sẽ khiến mọi người đặc biệt chú ý.  **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  -Văn bản đề cập đến vấn đề sự khác biệt ở mỗi người. Qua đó khẳng định **sự khác biệt có ý nghĩa** là sự khác biệt thực sự.  **2. Ý nghĩa**  🡪 khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa là sự khác biệt thực sự, là thứ làm nên cá tính, phong cách, chất riêng của mỗi cá nhân.  **3. Nghệ thuật**  - Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp, cụ thể, có tính thuyết phục.  - Cách triển khai từ bằng chứng thực tế để rút ra lí lẽ giúp cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, gần gũi, không mang tính chất giáo lí. |

**\*Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu:** Củng cố, khắc sâu kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm học tập:** Kết quả bài làm của HS.

**d)Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: ***Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa.***

Gợi ý:

+ Vì sao chúng ta không muốn khác biệt vô nghĩa?

+ Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thì phải làm như thế nào?

-GV đưa ra yêu cầu: viết đảm bảo kiểu bài văn nghị luận (lí lẽ, bằng chứng)

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**Đoạn văn tham khảo:**

Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa. Tôi không muốn người khác nhìn vào mình và chỉ thấy mình lập dị, khác loài, vô ích,... mà muốn được công nhận như một người đem lại những giá trị trong cuộc sống. Để khác biệt rất đơn giản nhưng để khác biệt có nghĩa lại vô cùng khó khăn. Để làm được điều này, trước hết con người không được thỏa mãn bởi những thứ quá đơn giản và tầm thường. Chúng ta cần tìm kiếm những điều có nghĩa lý hơn với bản thân cũng như xã hội. Ví dụ như nếu bạn học giỏi một cách xuất chúng, bạn sẽ thành ngôi sao. Nhưng nếu bạn chọn cách khác biệt bằng lối sống sa đọa, không lành mạnh, sự chú ý bạn nhận được không phải ngưỡng mộ mà là tức giận hay thương hại. Mỗi người đều có quyền lựa chọn người mà mình muốn trở thành. Với tôi, tôi muốn trở thành người khác biệt có ý nghĩa.

**NS:**

**ND:**

**Tiết 105: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

- Nguyên nhân vì sao khi viết/nói, người ta phải lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu. Dù lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu có sự khác biệt về thao tác, nhưng có chung một mục đích: để sản phẩm ngôn ngữ đạt hiệu quả biểu đạt cao nhất, phù hợp với mục đích giao tiếp.

- Thao tác lựa chọn từ ngữ và lựa chọn cấu trúc câu trong một ngữ cảnh, một kiểu VB với mục đích viết/nói cụ thể.

**2. Năng lực**

- Nhận biết nghĩa của từ ngữ trong văn bản.

- Nhận biết phép tu từ điệp ngữ.

**3. Phẩm chất:**

Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch dạy học

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV trình bày vấn đề

**c) Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV ra câu hỏi tình huống: An và Thảo trong giờ ra chơi đã nhìn thấy một chú chim nhỏ nằm im trên sân trường. An lên tiếng:  *- Ôi! Có một con chim đã bị chết rồi.*  Thảo tiếp lời: *Sau cậu nói vậy? Nó chết đáng thương như vậy, mình phải dùng từ là con chim đã hi sinh chứ?*  Theo em, em đồng tình với ý kiến của bạn nào? Vì sao?  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  GV dẫn dắt: Như vậy, việc lựa chọn từ ngữ hay cấu trúc câu trong tạo lập văn bản có vai trò rất quan trọng, thể hiện được nội dung, thông điệp mà người viết muốn truyền tải. Đồng thời, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ, dấu ấn cá nhân của người viết. Bài học hôm nay chúng ta cùng thực hành về cách lựa chọn từ ngữ, cấu trúc câu trong văn bản. | HS lựa chọn cách nói của bạn An. Từ “hi sinh” cũng đồng nghĩa với chết nhưng chỉ dùng cho những người chịu sự tổn hại về vật chất, tinh thần  nhằm một mục tiêu cao cả hoặc một lý tưởng tốt đẹp. |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu:** Nắm được cách lựa chọn từ ngữ phù hợp trong văn bản.

**b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Lựa chọn từ ngữ - Lựa chọn cấu trúc câu** | |
| **a)Mục tiêu**: HS nắm được cách lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu phù hợp trong văn bản.  **b)Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **NV1: Củng cố lý thuyết**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi, HS thảo luận theo nhóm:  *+ Trong nói và viết, em có thường xuyên câ nhắc, lựa chọn khi sử dụng từ ngữ không?*  *+ Theo em, muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp trong câu, ta cần phải làm gì?*  *+ Khi viết câu, em cần chú ý những yếu tố nào?*  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thực hiện nhiệm vụ  Dự kiến sản phẩm:  + Muốn lựa chọn từ ngữ phù hợp cần hiểu nghĩa của từ định dùng.  + Khi viết câu cần chú ý đúng ngữ pháp và mục đích của câu nói.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: Muốn sử dụng từ ngữ phù hợp với văn bản và đạt hiệu quả sử dụng cao, cần chú ý tới nghĩa của từ mà chúng ta định sử dụng. Đồng thời, lựa chọn cấu trúc câu trong văn bản cần chú ý tới ngữ cảnh, mục đích viết/nói, đặc điểm văn bản để chọn cấu trúc phù hợp.  **NV2: Bài tập 1**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1 và làm vào vở.  GV hướng dẫn HS giải nghĩa các từ để tìm ra nghĩa, hoàn cảnh sử dụng. Từ đó giải thích và lựa chọn từ phù hợp cho câu văn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  - Gv củng cố lại kiến thức về từ loại cho HS.  **NV3: Bài tập 2**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV yêu cầu HS làm bài tập 2.**  GV hướng dẫn HS: ghi câu trả lời vào vở bài tập. Thử đưa các từ vào câu văn và xem từ ngữ nào phù hợp nhất.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm: HS viết vào vở  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  **NV4: Bài tập 3**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc và suy nghĩ bài 3.  - GV hướng dẫn HS làm bài thông qua trả lời các câu hỏi:  + Trong câu (a), cụm từ in đậm đóng vai trò gì trong câu và tác dụng của nó? Từ đó, nếu bỏ cụm từ thì ý nghĩa của câu sẽ thay đổi ra sao?  + Trong câu (b) (c) nói đến thứ tự các hoạt động, nếu thay đổi thứ tự đó có ảnh hưởng đến nội dung, ý nghĩa của câu không?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  Dự kiến sản phẩm:  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **NV5: Bài tập 4**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 4.  GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm  Gv gợi ý HS để thực hiện bài tập số 4 có thể thực hiện theo các thao tác:  *- Nhận xét sự khác biệt về nghĩa của câu gốc và câu thay đổi cấu trúc.*  *- Đặt câu đã thay đổi cấu trúc vào vị trí câu gốc trong văn bản.*  *- Kiểm tra xem có phù hợp không*  *- Kiểm tra xem câu có phù hợp không?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng | **I. Lý thuyết**  ***1. Lựa chọn từ ngữ trong tạo lập văn bản***  - Cần lựa chọn, sử dụng từ phù hợp nhất trong nói và viết.  ***2. Lựa chọn cấu trúc câu trong tạo lập văn bản***  - Khi viết, cần chú ý những yếu tố: tạo câu đúng ngữ pháp, chú ý ngữ cảnh, mục đích viết/nói, đặc điểm văn bản.  **II. Luyện tập**  **Bài tập 1/ trang 61**  a. Trong câu: *“Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao ”,* không thể dùng từ *kiểu* để thay cho *vẻ* được. Hai từ này tuy gần nghĩa, nhưng vẫn có những nét khác nhau. Từ *kiểu* thường dùng để nói về hành động của con người (kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc,...) hoặc một dạng riêng của đối tượng (kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài,...), trong khi *vẻ* thường dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...).  b. Từ *khuất* được dùng trong câu: *“Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi củng đã lớn.”* phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: *mất, từ trần, hi sinh.* Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ *khuất* thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát.  c. Trong tiếng Việt, *xúc động, cảm động, xúc cảm* là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau. *Xúc động* biểu hiện **cảm xúc mạnh** hơn so với *cảm động* hay *xúc cảm.* Vì thế, từ *xúc động* là sự lựa chọn phù hợp nhất cho câu *“Tôi luôn nhớ về mẹ với niềm xúc động không nguôi”*  **Bài 2/ trang 62**  a. phản ứng  b. hoàn hảo  c. quan sát  d. nỗ lực  **Bài 3/ trang 62**  a. cụm từ : ***giờ đây khi hổi tưởng lại*** là trạng ngữ. Thành phần này thông báo về thời gian xảy ra sự việc. Nếu bỏ trạng ngữ, câu văn sẽ không còn cụ thể, vì không xác định rõ hành động đó xảy ra vào lúc nào.  b. Câu văn *“Cậu đã đứng lên trả lời câu hỏi.”* cho biết hành động đứng lên phải diễn ra trước khi trả lời câu hỏi. Nếu viết lại thành: “Cậu *đã trả lời câu hỏi và đứng lên.”* thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế.    Câu c: “Đến *cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng.”* miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “tiến lên phía trước” rồi mới có thể “bắt tay thầy giáo”, vì thầy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn HS, phía dưới. Nếu đổi cấu trúc: “Dến *cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thầm lặng và tiến lên phía trước.”* thì hoá ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, hành động “tiến lên phía trước” sẽ thành vô nghĩa.  **Bài 4/ trang 36**  a. Câu “Tôi *không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi.”* có hai vế, vế đẩu nêu băn khoăn về một điểu chưa rõ, vế sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên. Nếu đổi cấu trúc thành “Có *lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi; tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế.”* thì lời giải thích lại xuất hiện trước điểu băn khoăn. Đặt câu thay đổi cấu trúc vào VB sẽ thấy không hợp lí.  b.  Quan sát hai câu này, ta có thể nhận thấy sự khác biệt *về* nghĩa. Hai vế: *điều quá nghiêm trọng và “căn bệnh” hết cách chữa* được đặt trong quan hệ tăng tiến. Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn vế trước. Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, và đó là điều không ổn. |

**HĐ3: LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi(Thảo luận nhóm)

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

*- GV chia nhóm, yêu cầu HS thảo luận:*

*?* Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có phải chỉ có giá trị đối với lứa tuổi học sinh hay không? Vì sao?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các emthảo luận.

- HS xác định yêu cầu của bài tập và thảo luận.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách trả lời.

- HS trả lời các câu hỏi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

-  *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

GV chốt: Bài viết đúc kết những suy nghĩ của tác giả về một kỉ niệm tuổi học trò. Chỉ những người non trẻ mới tìm cách thể hiện sự khác biệt bằng những trò lố, những hành vi kì quặc, quái đản như thế. Nên bài học này có ý nghĩa thiết thực trước hết với lứa tuổi học sinh. Tuy nhiên, cần lưu ý: tác giả là một người tham gia giảng dạy ở Trường Đại học Kinh doanh Ha-vớt, một trường đại học danh tiếng hàng đầu của Hoa Kì. Bài này được trích từ cuốn sách “Khác biệt - thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh” của tác giả. Như vậy, theo tác giả, không riêng gì các bạn trẻ, mà cả những người trưởng thành nhiều khi cũng chuwaa nhận thức đầy đủ về sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có ý nghĩa, trong khi sự khác biệt là phương châm sống, là đòi hỏi bức thiết của mọi người. Vì vậy bài học được rút ra từ suy ngẫm của tác giả có giá trị đối với bất cứ ai.

- Yêu cầu HS nắm kiến thức về văn bản và thực hành Tiếng Việt.

**HĐ4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi qua trò chơi “Ngôi sao may mắn”.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

GV nêu luật chơi.

Luật chơi:

- Trò chơi này gồm có 6 ngôi sao. Ẩn chứa đằng sau các ngôi sao là những câu hỏi. Thời gian để trả lời cho mỗi câu hỏi là 5 giây. Trả lời đúng các câu hỏi các em sẽ được nhận những phần thưởng. Khi bạn trả lời bị sai, bạn khác có quyền giơ tay xin trả lời, nếu trả lời đúng vẫn được nhận thưởng.

- Điều đặc biệt, trong 6 ngôi sao trên có 2 ngôi sao may mắn, nếu chọn trúng ngôi sao may mắn, các em không phải trả lời mà sẽ nhận thưởng với 1 phần quà may mắn.Câu hỏi:

1. Ngôi sao may mắn.
2. Ngôi sao may mắn.
3. Người viết gọi sự khác biệt do bản thân mình và số đông học sinh trong lớp tạo ra là “sự khác biệt vô nghĩa” là vì:
4. Đó là sự khác biệt không có giá trị.
5. Đó là sự khác biệt thường tình.
6. Đó là sự khác biệt có tính chất hài hước
7. Đó là sự khác biệt không nghiêm túc.
8. Lí do người viết gọi sự khác biệt do J tạo ra là “sự khác biệt có ý nghĩa”:

A. Vì sự khác biệt ấy khiến người khác ngạc nhiên.

B. Vì sự khác biệt ấy tạo nên bởi một cá nhân.

C. Vì sự khác biệt ấy cho thấy nhận thức và bản lĩnh của một cá nhân.

D. Vì sự khác biệt ấy khiến người khác không thể làm theo.

5. Thái độ của người viết đối với “sự khác biệt có ý nghĩa” qua cách thể hiện của J:

A. Không quan tâm vì không phải là điều mình thích.

B. Kinh ngạc vì thấy J không giống ai.

C. Xem thường, vì J chẳng có biểu hiện gì nổi bật.

D. Ngạc nhiên và nể phục.

6. Có thể hoán đổi vị trí của hai từ “nghiêm khắc” và “nghiêm túc” ở câu sau được không? Vì sao?

Từ ánh mắt *nghiêm khắc* của thầy cô, hãy nghĩ đến những khuyết điểm mà ta chưa *nghiêm túc* sửa chữa.

Đáp án: 3. A, 4.C, 5.D, 6. Không thể hoán đổi vị trí của hai từ, vì hai từ này có nghĩa khác nhau.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em chơi trò chơi.

- HS xác định yêu cầu của bài tập và thực hiện cá nhân.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách trả lời.

- HS trả lời các câu hỏi.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

-  *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

- Yêu cầu HS nắm kiến thức về văn bản và thực hành Tiếng Việt.

**NS:**

**ND:**

**Tiết 106-107:VĂN BẢN 3**

**BÀI TẬP LÀM VĂN**

**(Trích Nhóc Ni - cô - la: Những chuyện chưa kể)**

**Rơ - nê Gô - xi - nhi và Giăng - giắc Xăng - pê**

**1. MỤC TIÊU**

***1.1 Kiến thức:***

- Nhận biết được đặc điểm nổi bật của truyện.

- HS hiểu được nội dung của đoạn trích.

- Học sinh hiểu được sự khác nhau căn bản giữa văn bản nghị luận và văn bản văn học, ngay cả khi chúng cùng đề cập đến một vấn đề nào đó trong cuộc sống.

- Tóm tắt được truyện.

***1.2 Năng lực:***

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực riêng biệt:***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bài tâp làm văn*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bài tập làm văn*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện và phân biệt được sự khác nhau căn bản giữa văn bản Nghị luận và văn bản Văn học.

***1.3. Phẩm chất:***

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng

**2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**-** SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:*

Từ khi vào lớp 1cho đến nay, hẳn có lúc em muốn nhờ người khác làm hộ bài, nhất là những bài khó hoặc khi cần nộp bài gấp. Em có thấy điều đó bình thường không?

Nếu gặp một đề văn yêu cầu tả/ kể về một người bạn thân nhất của em, em có cho rằng bài do người khác viết hộ sẽ nói đúng về người bạn hơn bài do em tự viết không?

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Trong học tập khi gặp những bài tập khó đôi khi chúng ta nảy ra ý định nhờ người khác làm bài giúp mình, nhưng chúng ta nhận ra rằng bản thân mình tự nỗ lực làm sẽ tốt hơn nhiều. Bài học hôm nay của chúng ta sẽ hiểu hơn về điều đó.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **I. TÌM HIỂU CHUNG** | |
| **a) Mục tiêu:** Nắm được các thông tin về tác giả, tác phẩm, cách đọc và hiểu nghĩa những từ khó.  **b) Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **HĐ của GVvà HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: đọc và giới thiệu về tác giả và tác phẩm.  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **NV2:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  *- GV hướng dẫn cách đọc.* GV yêu cầu HS đọc  *- GV lưu ý HS trong khi đọc:*   1. Chú ý những lời người kể chuyện và lời nhân vật để có giọng điệu phù hợp; 2. Chú ý từ ngữ phiên âm nước ngoài;   - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó.  - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi:  + *Thể loại?*  *+ Truyện có những nhân vật nào? Kể theo ngôi thứ mấy?*  - GV yêu cầu HS xác định phương thức biểu đạt?Bố cục của văn bản?  - HS lắng nghe.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **1.Tác giả:**  C:\Users\Huong Lan\Desktop\Untitled.png  - Nhà văn Rơ –nê Gô – xi – nhi (1926 -1977) là nhà văn Pháp, chuyên sáng tác truyện tranh,Viết kịch, làm phim.  - Họa sĩ Giăng- giắc Xăng – pê (Sinh năm 1932) là họa sĩ người Pháp, chuyên vẽ truyện tranh và tranh biếm họa.  **2.Tác phẩm**  - Bài tập làm văn trích trong Nhóc Ni - cô - la: những chuyện chưa kể, xuất bản lần đầu năm 2004.  - Thể loại: truyện ngắn;  -Nhân vật: Cậu bé Ni – cô – la, bố của cậu và bác hàng xóm;  -Ngôi kể: ngôi thứ nhất.  - Văn bản chia làm 2 phần  + P1: Từ đầu ….thế thì sẽ khó hơn bố tưởng rồi đấy, bố nói,  🡪 Ni – cô – la nhờ bố làm BT.  + P2: còn lại: Ni – cô- la tự làm bài tập |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | |
| **1.Lí do mà Ni – cô – la nhờ bố làm bài tập.** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tìm ra lí do mà Ni – cô –la muốn nhờ bố làm hộ bài tập.  -Dù là bất cứ lí do nào đi nữa, việc nhờ bố làm bài tập là không đúng.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng phương pháp đàm thoại  - HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.  - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **c) Sản phẩm:**  Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *Do đâu khi làm bài tập làm văn, Ni – cô – la phải nhờ đến bố?*  *Em nghĩ sao về việc Ni – cô – la nhờ bố làm hộ bài tập?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2 phút.  **GV** hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - HS lên trình bày .  - Các bạn khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | + Có thế:  - Ni – cô – la vốn học yếu về môn văn, không tự tin khi làm bài.  - Đề văn hơi khó, Ni – cô – la cảm thấy chật vật.  - Trong học tập, Ni – cô – la thường có thói quen dựa dẫm, không tự lực….  => Cho dù là lí do nào đi nữa thì việc nhờ bố làm hộ bài văn cũng là điều không thể chấp nhận được. |
| **2.Cuộc trò chuyện của hai bố con** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Tại sao bố của Ni – cô – la sẵn sàng làm hộ bài tập.  - Hiểu được tại sao bố của Ni – cô – la lại so sánh trước đây không làm mà bây giờ lại làm hộ bài tập.  - Giọng kể trang nghiêm hay hài hước  - Rút ra bài học cho bản thân từ nội dung bài học.  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **GV sử dụng kĩ thuật “Chia sẻ nhóm đôi”**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm (mỗi nhóm hai bạn).  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  1. Bố của Ni cô la có cho rằng, việc làm bài thay cho con là điều cần thiết không?  2. Bố có muốn tiếp tục làm bài thay cho con sau lần này nữa không?  3.Bố cho Ni – cô – la biết rằng, bố sẵn sàng làm bài văn giúp con, trong khi bố của bố trước đây, không bao giờ làm như vậy cả. Việc so sánh ấy nói lên điều gì?  4. Việc làm bài chỉ là để giúp con hay muốn con thấy mình rất giỏi văn?  5. Giọng kể chuyện ở đây nghiêm trang hay hài hước?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên bảng, chuyển dẫn sang mục sau. | ***a) Thái độ của bố Ni – cô – la khi được con nhờ làm hộ bài tập văn.***  - Cần thiết  - Chỉ làm giúp lần này thôi.  - Vì bố muốn thấu hiểu và làm bạn với con.  - Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Phát phiếu học tập số 2 & đặt câu hỏi:  *Vì sao bố của Ni – cô – la và ông Blê – đúc đều muốn biết ai là người bạn thân của Ni – cô – la?*  *Vì sao sau khi Ni – cô – la đã kể ra nhiều người bạn thân của mình mà bố của cậu ấy vẫn thấy khó viết?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK vàsuy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.  *Những người bạn mà Ni – cô –la kể tên không phải là bạn của bố. Bố của Ni – cô - la không thể hiểu gì về sinh hoạt hàng ngày, tính nết, sở thích, sở trường, hoàn cảnh gia đình và các mối quan hệ của họ. Chính vì thế không thể viết về một người hoàn toàn xa lạ được.* | **b) Ai là người bạn thân nhất của Ni – cô – la**  **-** Nếu không biết ai là người bạn thân nhất của Ni – cô – la mà bố hay ông Blê – đúc vẫn làm bài thì bài văn ấy nói về người nào chứ không phải bạn của Ni – cô – la.  - Không đáp ứng được yêu cầu của đề cô giáo giao.  - Cô giáo nhận ra bài văn đã viết về một nhân vật tưởng tưởng nào đó, chứ không phải nói về người bạn thân nhất của Ni – cô – la.  **=> Không thể làm bài văn hộ con.** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:  *“Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình”- nhân vật trong câu chuyện rút ra một kinh nghiệm như thế qua qua những gì đã xẩy ra khi nhờ bố làm bài. Em có đồng ý với điều đó không?Vì sao?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | **3. Bài học mà Ni – cô – la rút ra sau cuộc trò chuyện với bố.**  - Đồng ý với bài học mà Ni - cô - la rút ra được qua những gì đã xảy ra.  - Bài học này không chỉ đúng với Ni - cô – la mà đúng với mỗi chúng ta.  - Chỉ có làm bài bằng chính sức của mình, mới biết điểm mạnh, điểm yếu. Điểm mạnh phát huy, điểm yếu khắc phục.  =>**Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Nội dung – ý nghĩa của văn bản “Bài tâp làm văn”?  ? Ý nghĩa của văn bản.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ragiấy.   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗtrợ (nếu HS gặp khókhăn).  **B3: Báo cáo, thảoluận**  **HS**: lên báo cáo kết quả, Hs khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mụcsau. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Lời kể chuyện có giọng hài hước, vui nhộn.  - Lời đối thoại của các nhân vật có nhiều sắc thái.  **2. Nội dung – Ý nghĩa**  - Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên viết một bài TLV phải là hoạt động cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác.  - Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b) Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Nếu gặp một đề văn như của Ni – cô – la, theo em việc đầu tiên phải làm là gì?

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

+ Nếu gặp đề văn như Ni – cô – la chúng ta phải:

- Lựa chọn trong số bạn bè một người mà mình cảm thấy thân thiết, gần gũi, thấu hiểu nhất.

- Nhớ những đặc điểm riêng, những đức tính của bạn, những kỷ niệm giữa bạn với mình...

**Hoạt động 4: Hoạt động vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b) Nội dung:**Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.

**d) Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* Hãy miêu tả người bạn thân nhất của em.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

*Phiếu học tập số 1:*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Làm việc nhóm đôi**  ***Thái độ của bố Ni – cô – la khi được con nhờ làm hộ bài tập văn.***  Việc làm bài tập thay có cần thiết không?  …………………………………………………………………………………………………………  Bố của Ni – cô – la có tiếp tục làm thay BT cho những lần tiếp theo không?  ………………………………………………………………………………………………………….  Việc bố của Ni – cô – la so sánh bố của bố không giúp bao giờ, bố thì khác, nói lên điều gì?  …………………………………………………….  Lời kể?..................................................................... |

*+ Phiếu học tập số 2*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tại sao cả bố Ni – cô – la và bác Blê – đúc đều muốn biết bạn thân nhất của Ni – cô - la**  ……………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………… | C:\Users\Huong Lan\Desktop\1.png |

*+ Phiếu học tập số 3*

|  |  |
| --- | --- |
| **Bài học mà Ni – cô – la rút ra sau cuộc trò chuyện với bố?**  ……………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………… | C:\Users\Huong Lan\Downloads\lớp thầy phương\Hoc powerpoint-20210613T122944Z-001\Hoc powerpoint\2 Tao hoat hinh don gian trong powerpoint\animated-farm-image-0150.gif |

**NS:**

**ND:**

**Tiết 108 +109 :**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ)**

**MÀ EM QUAN TÂM**

**I.MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm của văn bản nghị luận.

- Hiện tượng (vấn đề) bàn luận.

- Ý kiến, suy nghĩ của bản thân về vấn đề đặt ra.

- Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp.

***2 Năng lực:***

- Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.

- Thể hiện được ý kiến của bản thân.

- Biết dùng lí lẽ, bằng chứng và hình thức biểu đạt phù hợp.

- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

***3 Phẩm chất:***

Trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| a)**Mục tiêu:**  Biết được kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống.  **b)Nội dung:**  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV hỏi:**  ? Tác giả viết văn bản “Xem người ta kìa!” nhằm mục đích gì?  ?Em có tán thành với ý kiến được tác giả trình bày trong văn bản không? Vì sao?  ? Trong cuộc sống, có những hiện tượng (vấn đề) nào mà em quan tâm?  GV trình chiếu bổ sung 1 số hình ảnh, về các hiện tượng (vấn đề) đáng được quan tâm.  ? Theo em, để trình bày một hiện tượng (vấn đề) nào đó thì phải sử dụng những yếu tố cơ bản nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ(GV và HS)**  **HS:**  - Đọc lại văn bản “Xem người ta kìa”.  - Suy nghĩ cá nhân  **B3: Báo cáo, thảo luận (GV và HS)**  - GV gọi HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét câu trả lời của HS  - Kết nối với mục “*Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề)*”. | ***Vb*:**“Xem người ta kìa”  - Thế giới này muôn hình, muôn vẻ. Mỗi người cần được tôn trọng với với tất cả những cái khác biệt vốn có.  - Em tán thành với ý kiến được trình bày trong văn bản vì tác giả của bài viết đã đưa ra được những lí lẽ và bằng chứng thuyết phục cho thấy mỗi một cá nhân đều có đặc điểm, thế mạnh khác nhau. Chúng ta cần tôn trọng điều đó đồng thời phải biết phát huy thế mạnh của bản thân mình.  - Các hiện tượng như: bắt nạt trong trường học, thái độ đối với người khuyết tật, hút thuốc lá, nghiện game,…  - Lí lẽ và bằng chứng. |

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**  **TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ)** | |
| a)**Mục tiêu:** HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề):  - Xác định được vấn đề bàn luận.  - Biết cách thể hiện ý kiến riêng của bản thân về một vấn đề.  - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng có sức thuyết phục.  b) **Nội dung:**  - GV chia cặp, giao nhiệm vụ.  - Cho HS làm việc theo cặp.  **c) Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia cặp và giao nhiệm vụ:  ? 1. Văn bản “ Xem người ta kìa” và “ Hai loại khác biệt” thuộc kiểu bài gì?  ? 2. Với kiểu bài trên, yêu cầu chúng ta phải làm như thế nào?  ? 3. Người viết bày tỏ thái độ gì trước vấn đề đặt ra?  ? 4. Vai trò những lí lẽ, bằng chứng đối với kiểu bài văn nghị luận?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  - HS nhớ lại văn bản “Xem người ta kìa” và “Hai loại khác biệt”.  - Làm việc theo cặp 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu.  **B3: Báo cáo, thảo luận(GV và HS)**  - GV yêu cầu đại diện HS lên trình bày sản phẩm.  - HS:  + Trình bày sản phẩm nhóm.  + Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau | - Kiểu bài: Nghị luận (Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề).  + Văn bản 1: Ý nghĩa về những cái chung của mọi người và cái riêng biệt của mỗi người.  + Văn bản 2: Sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt làm nên giá trị riêng cũng như bản sắc của mỗi người.  - Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  - Phải thể hiện suy nghĩ, ý kiến riêng của bản thân.  - Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc. |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Nắm được bài viết tham khảo “Câu chuyện đồng phục”  - Tán thành với ý kiến của người viết: quy định mặc đồng phục đối với học sinh.  - Mục đích của việc sử dụng lí lẽ và bằng chứng trong văn nghị luận.  **b)Nội dung:**  - HS đọc SGK, làm việc cặp đôi.  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **GV mời HS đọc bài viết tham khảo**  -GVphát phiếu học tập và giao nhiệm vụ.   1. Bài viết trình bày ý kiến về hiện tượng (vấn đề) gì? Nhờ đâu e nhận ra điều đó?   2. Người viết đồng tình hay phản đối hiện tượng (vấn đề)?  3.Người viết đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)?  4. Người viết nêu những bằng chứng gì để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề)?   1. Như vậy, lí lẽ và bằng chứng được người viết đưa ra để khẳng định điều gì?   **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  HS:  - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 1’, trao đổi với nhóm 2’, hoàn thành phiếu học tập 2’  GV:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS  **B3: Báo cáo thảo luận (GV và HS)**  HS:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện HS trình bày (mỗi đại diện có thể trả lời 1 câu hỏi)  - Những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  GV: Hướng dẫn HS cách trình bày sp  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV:  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS  + Sản phẩm của HS  - Chốt kiến thức qua màn hình chiếu và kết nối với mục sau. | **Bài mẫu**: *Câu chuyện đồng phục*  - Bài văn nêu vấn đề: mặc đồng phục của học sinh khi đến trường.  - Người viết đồng tình với vấn đề đặt ra.  - Lí lẽ:  + Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hòa.  + Đồng phục góp phần tạo nên bản sắc riêng của từng trường.  + Đồng phục xóa cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo.  + Đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người.  - Dẫn chứng: (HS nêu từng dẫn chứng kèm các lí lẽ)  - Đồng phục tạo ra vẻ đẹp hài hòa; đồng phục góp phần tạo nên bản sắc riêng của từng trường; đồng phục xóa cảm giác về sự phân biệt giàu nghèo; đồng phục không làm mất đi cá tính của từng người. |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên mời HS lên trình bày bài của mình

Bài tập: Bắt nạt học đường.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Rác thải nhựa lời kêu gọi nhức nhối.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- GV trình chiếu dàn ý tham khảo.

**NS:**

**ND:**

**Tiết 110+ 111: THỰC HÀNH**

**VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ)**

**MÀ EM QUAN TÂM**

**I.MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức:***

- Đặc điểm của văn bản nghị luận.

- Hiện tượng (vấn đề) bàn luận.

- Ý kiến, suy nghĩ của bản thân về vấn đề đặt ra.

- Lí lẽ, dẫn chứng phù hợp.

***2 Năng lực:***

- Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.

- Thể hiện được ý kiến của bản thân.

- Biết dùng lí lẽ, bằng chứng và hình thức biểu đạt phù hợp.

- Bước đầu biết viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.

***3 Phẩm chất:***

Trung thực, thể hiện đúng những suy nghĩ riêng của bản thân; có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Bài trình bày của HS.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| a)**Mục tiêu:**  Biết được kiểu bài trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) trong đời sống.  **b)Nội dung:**  - HS trả lời câu hỏi của GV  **c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của hs.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **THỰC HÀNH VIẾT THEO CÁC BƯỚC** | |
| **a)Mục tiêu:** HS  - Biết viết bài theo các bước.  - Lựa chọn đề tài để viết, tìm ý, lập dàn ý.  - Thể hiện ý kiến của bản thân trước vấn đề nghị luận.  - Sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.  **b)Nội dung:**  **-** HS lựa chọn đề tài thông qua hướng dẫn của GV.  - HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài làm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  GV yêu cầu HS đọc SGK để tham khảo các đề tài được giới thiệu (HS cũng có thể tự tìm đề tài mới)  - Hiện tượng (vấn đề) gần gũi với thực tế học tập và sinh hoạt của em hay không?  - Em có hiểu biết gì về hiện tượng (vấn đề) đó?  - Bản thân em đã trải nghiệm, quan sát, suy nghĩ như thế nào về hiện tượng (vấn đề) ấy?  - Tìm ý, lập dàn ý và viết bài theo dàn ý cho đề tài mà em lựa chọn  - Sửa lại bài sau khi đã viết xong  **B2: Thực hiện nhiệm vụ (GV và HS)**  GV:  - Đặt câu hỏi hướng dẫn HS chọn đề tài.  - Phát phiếu học tập, hướng dẫn HS đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện phiếu tìm ý.  - Phát phiếu học tập hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết của bạn sau khi nghe bạn trình bày.  HS:  - Tham khảo đề tài trong SGK và lựa chọn đề tài sau đó trả lần lượt trả lời câu hỏi dưới sự gợi ý của GV.  - Tìm ý bằng việc hoàn thiện phiếu học tập.  - Lập dàn ý ra giấy  - Nêu lưu ý khi viết bài.  - Viết bài theo dàn ý.  - Chỉnh sửa bài viết cho bạn vào phiếu học tập sau khi nghe bạn trình bày.  - Sửa lại bài sau khi được góp ý.  **B3: Báo cáo thảo luận (GV và HS)**  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả tìm ý  - HS trình bày  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) vào phiếu học tập.  - GV trình chiếu dàn ý mẫu.  - GV hướng dẫn HS lập dàn ý theo 3 phần: MB, TB, KB.  - Lưu ý khi viết bài?  - HS hoàn thiện bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS.  - GV dẫn dắt và chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Trước khi viết**  **a) Lựa chọn đề tài**  **b) Tìm ý**   |  |  | | --- | --- | | Hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn luận |  | | Ý kiến của bản thân về hiện tượng (vấn đề) |  | | Cần đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)? |  | | Cần nêu những bằng chứng nào để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề)? |  |   **c) Lập dàn ý**  - *Mở bài*: Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.  - *Thân bài*: Đưa ra ý kiến bàn luận.  + Ý 1 (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)  + Ý 3 (lí lẽ, bằng chứng)  +…  - *Kết bài*: Khẳng định lại ý kiến của bản thân.  **2. Viết bài**  - Viết theo dàn ý.  - Có thể mở bài trực tiếp: nêu thẳng hiện tượng (vấn đề) hoặc gián tiếp bằng cách kể một câu chuyện.  - Mỗi ý trình bày thành 1 đoạn văn, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  - Đọc và sửa lại bài viết. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| a)**Mục tiêu:** HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho bản thân và cho bạn.  b)**Nội dung:**  - GV phát phiếu học tập yêu cầu HS chỉnh sửa bài viết cho bạn.  - GV trả bài, yêu cầu HS đối chiếu với các yêu cầu đã nêu và góp ý của bạn để chỉnh sửa bài viết của mình.  - HS đọc bài viết, đối chiếu và chỉnh sửa.  **c) Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và bài làm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS và yêu cầu HS đọc, chỉnh sửa và nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ(GV và HS)**  - GV giao nhiệm vụ.  - HS làm việc cá nhân.  **B3: Báo cáo thảo luận (GV và HS)**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn vào phiếu học tập.  - HS nhận xét bài viết.  - HS hoàn thiện bài viết sau khi được góp ý.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.  *- Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.* | Bài viết đã được sửa của HS |

**Phiếu chỉnh sửa bài viết cho bạn:**

Họ tên người chỉnh sửa:…………………………..

Họ tên tác giả bài viết:……………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Gợi ý chỉnh sửa** | **ND nhận xét/chỉnh sửa** |
| Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận | Đọc lại phần MB, nếu chưa thấy hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận thì phải nêu cho rõ. |  |
| Thể hiện được ý kiến (tình cảm, thái độ, cách đánh giá,…) của người viết về hiện tượng (vấn đề) | Bổ sung những câu tình cảm, thái độ, cách đánh giá về hiện tượng (vấn đề) nếu thấy còn thiếu. |  |
| Đưa ra được những lí lẽ, bằng chứng để bài viết có sức thuyết phục. | Kiểm tra các lí lẽ bằng chứng, nếu lí lẽ chưa chắc chắn, bằng chứng chưa tiêu biểu hoặc còn thiếu thì phải chỉnh sửa,thay thế, bổ sung. |  |
| Đảm bảo các yêu cầu về chính tả và diễn đạt | Phát hiện lỗi về chính tả và diễn đạt để sửa lại cho phù hợp |  |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

Giáo viên cho HS theo dõi đoạn video liên quan đến vấn đề nghiện game online.

Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập: Hiện tượng nghiện game online trong giới trẻ hiện nay.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS lập dàn ý

- HS xem video, suy nghĩ và lập dàn ý

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét tinh thần làm việc của HS.

**-** GV nhận xét bài làm của HS.

- GV trình chiếu dàn ý tham khảo.

**DÀN Ý THAM KHẢO:**

**I. MỞ BÀI**

Dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng nghiện game của học sinh trong xã hội hiện nay. Khái quát suy nghĩ, nhận định của bản thân về vấn đề này (nghiêm trọng, cấp thiết, mang tính xã hội,…)

**II.THÂN BÀI**

- Giải thích:

+ Game là gì? => Cách gọi chung của các trò chơi điện tử có thể tìm thấy trên các thiết bị như máy tính, điện thoại di động,… nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của con người ngày nay.  
+ Nghiện là gì? =>Là trạng thái tâm lý tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó.  
+ Nghiện game là gì? => Là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến những tác hại không mong muốn.  
- Thực trạng:  
+ Nhiều học sinh, sinh viên dành phần lớn thời gian mỗi ngày cho việc chơi game.  
+ Nhiều tiệm net vẫn hoạt động ngoài giờ cho phép do nhu cầu chơi game về đêm của học sinh.  
+ Ngày càng nhiều hậu quả tiêu cực xảy ra trong xã hội có liên quan đến nghiện game  
- Nguyên nhân:  
+ Các trò chơi ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều tính năng thu hút giới trẻ.  
+ Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo.  
+ Nhu cầu chứng tỏ bản thân và ganh đua với bè bạn do tuổi nhỏ.  
+ Phụ huynh và nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ.  
- Hậu quả:  
+ Học sinh bỏ bê việc học, thành tích học tập giảm sút.  
+ Ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lí, hao tốn tiền của.  
+ Dễ bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội.  
- Lời khuyên:  
+ Bản thân học sinh nên tự xây dựng ý thức học tập tốt, giải trí lành mạnh.  
+ Cần có biện pháp giáo dục, nâng cao ý cho học sinh đồng thời tuyên truyền tác hại của việc nghiện game trong nhà trường, gia đình và xã hội.  
+ Các cơ quan nên có biện pháp kiểm soát chặt chẽ vấn đề phát hành và phổ biến game.  
**III. KẾT BÀI**

- Khẳng định lại vấn đề (tác hại của nghiện game online, vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết kịp thời,…).  
- Đúc kết bài học kinh nghiệm, đưa ra lời kêu gọi, nhắn nhủ.

**HĐ 4: Vận dụng**

1. **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS.
2. **Nội dung:**GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm học tập:**HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:

GV giao bài tập

Bài tập : Lập dàn ý cho đề bài sau: *Thái độ đối với người khuyết tật.*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề và thực hiện.

- HS xác định yêu cầu của bài tập và thực hiện cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV vào tiết học tiếp theo.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS

- Yêu cầu HS hoàn thiện bài viết để chuẩn bị cho phần luyện nói tiết sau.

**PHIẾU TÌM Ý**

Nhóm / Họ tên: ……………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| Hiện tượng (vấn đề) được nêu để bàn luận |  |
| Ý kiến của bản thân về hiện tượng (vấn đề) |  |
| Cần đưa ra những lí lẽ gì để bàn về hiện tượng (vấn đề)? | - Lí lẽ 1: ……………………………………….  ….……………………………………  - Lí lẽ 2: ……………………………………….  ……………………………………….  - Lí lẽ 3: ……………………………………….  ……………………………………….  - .………………………………………………………………………………. |
| Cần nêu những bằng chứng nào để làm sáng tỏ hiện tượng (vấn đề)? | ….……………………………………………………………………………. |

**NS:**

**ND:**

**Tiết 112:**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) ĐỜI SỐNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Học sinh chọn được một vấn đề gần gũi, có ý nghĩa trong đời sống để trình bày ý kiến của mình.

***2. Về năng lực:***

- Biết tóm tắt được nội dung của bài nói, tham gia trao đổi về nội dung của bài nói và kĩ năng của người trình bày.

***3. Về phẩm chất:***

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.

- Trách nhiệm: Có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá tiêu chí.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:**HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.

**-**  HS quan sát bức tranh về bạo lực học đường , lắng nghe vấn đề được đề cập và trả lời câu hỏi của GV.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là nói về một hiện tượng trong đời sống.

**d) Tổ chứcthực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Vấn đề trong đoạn video đề cập đến điều gì?

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **CHUẨN BỊ NỘI DUNG BÀI NÓI** | |
| **a)Mục tiêu:**  - Giúp HS trình bày bài nói không phải chỉ là đọc lại bài mang tính thuần túy mà bài nói hay hơn, hấp dẫn.  **b)Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS đánh dấu những từ ngữ, câu văn quan trọng.  - Câu văn giải thích thế nào là bắt nạt học đường?  - Tác hại của bắt nạt học đường.  - Ghi lại những câu văn quan trọng để hỗ trợ bài nói của mình.  **c) Sản phẩm:**Sản phẩm viết của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS trình bày phần đánh dấu của mình, đâu là những điều cần chú ý khi nói.  - Trình chiếu phiếu bài viết của học sinh yêu cầu HS đọc những phần mình đánh dấu..  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại bài viết của mình  - GV hướng dẫn HS.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu:  + Chỉ ra những từ ngữ, câu văn quan trọng (Bàn luận về một hiện tượng trong đời sống).  + Ý kiến  + Lí lẽ  + Bằng chứng |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | | | | | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | | | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | | | **Nội dung cần đạt** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét phần trả lời của HS và kết nối sang hoạt động sau. | | | | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS | |
| **PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ** | | | | | | | |
| **Nhóm**:………. | | | | | | | |
| **Tiêu chí** | | ***Mức độ*** | | | | | |
| ***Chưa đạt*** | ***Đạt*** | | | ***Tốt*** | |
| 1.Vấn đề đưa ra mang tính thời sự, hay | | Không đưa ra được  vấn đề mang tính thời sự | Vấn đề mang tính thời sự | | | Vấn đề nóng bỏng trong XH hiện nay | |
| 2. Nội dung | | ND sơ sài, không nêu được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng thuyết phục | HS đưa ra lí lẽ, bằng chứng thuyết phục | | | Có sức thuyết phục sử dụng lí lẽ và bằng chứng từ thực tế trong đời sống | |
| 3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm. | | Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng… | Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng 1 vài câu. | | | Nói to, truyền cảm, hầu như không lặp lại hoặc ngập ngừng. | |
| 4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp. | | Điệu bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp. | Điệu bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện. | | | Điệu bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động. | |
| 5. Mở đầu và kết thúc hợp lí | | Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói. | Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói. | | | Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn. | |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | | | | | | | | | |
| **a)Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  **b)Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:**Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | | | | | | | | |
| **HĐ của GV & HS** | | | | | **Nội dung cần đạt** | | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | | | | | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (Bàn luận về một hiện tượng trong đời sống).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. | | | | |

**HĐ 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên mời HS lên trình bày bài của mình

Bài tập: Bắt nạt học đường.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Rác thải nhựa lời kêu gọi nhức nhối.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- GV trình chiếu dàn ý tham khảo.

**DÀN Ý THAM KHẢO:**

**I. Mở bài:** Giới thiệu về bắt nạt học đường.

- Là vấn nạn hiện nay trong xã hội

- Tình trạng ngày càng lan rộng hơn đặc biệt trong thời đại công nghệ số

**II. Thân bài:**

**1.Giải thích vấn đề**

- Bắt nạt học đường là những hành vi thô bạo, thiếu đạo đức với bạn mình.

- Cách cư xử thiếu văn minh, không có giáo dục của thế hệ học sinh.

- Xúc phạm đến tinh thần và thể xác người khác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng.

- Hành vi này càng ngày càng phổ biến.

**2. Hiện trạng.**

- Lăng mạ, xúc phạm, chửi bậy đối với người khác.

- Làm tổn thương đến tinh thần bạn bè.

- Học sinh có thái độ không đúng với thầy cô.

**3. Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng băt nạt học đường:**

- Do ảnh hưởng của môi trường bạo lực, thiếu văn hóa.

- Chưa có sự quan tâm từ gia đình.

- Sự phát triển chưa toàn diện của học sinh.

**4. Hậu quả của bắt nạt học đường:**

***a. Với người bị bạo lực:***

- Bị ảnh hưởng về tinh thần và thể chất.

***b. Với người gây ra bạo lực:***

- Phát triển không toàn diện.

- Mọi người chê trách.

- Mất hết tương lai, sự nghiệp.

**5. Cách khắc phục nạn bắt nạt học đường:**

- Nhà trường cần nâng cao nhận thức và dạy bảo học sinh hiệu quả nhất.

- Cha mẹ nên chăm lo và quan tâm đến con cái.

- Tự bản thân có trách nhiệm xa lánh tình trạng bắt nạt học đường.

**III. Kết bài:** Nêu cảm nghĩ của em về bắt nạt học đường.

- Đây là một hành vi không tốt.

- Em sẽ làm gì để ngăn chặn tình trạng này.

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:**Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:**HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:**Bài làm của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Đề 1: Cái riêng của con người luôn là điều cần thiết.

Hãy viết đoạn văn 5-7 câu nêu suy nghĩ của em về vấn đề trên(có sử dụng trạng ngữ trong đoạn văn).

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

- viết đoạn.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách viết và nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

GV nhận xét thái độ làm việc và bài làm của HS.

**HĐ 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:**Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:**Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài 1: Sự thấu hiểu và sẻ chia trong cuộc sống.

Bài 2/trang 71, sgk

* Nêu yêu cầu của bài tập.
* Chia nhóm và phát phiếu học tập.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

- Hoàn thành vào phiếu học tập

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Đọc thêm văn bản: *Tiếng cười không muốn nghe* (HS đọc ở nhà)

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Phiếu học tập:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Những vấn đề cần xác định** | **Đoạn (a)** | **Đoạn (b)** |
| ND của đoạn văn là gì? |  |  |
| Mục đích của đoạn văn (kể chuyện, bộc lộ cảm xúc, miêu tả, thuyết phục, thuyết minh) là gì? |  |  |
| Văn bản có đoạn văn được trích thuộc loại nào (văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin)? |  |  |

KÍ DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

Ngày……tháng ……năm……2025

TTCM

Nguyễn Duy Tuyến

**BÀI 9: TRÁI ĐẤT – NGÔI NHÀ CHUNG**

**Số tiết: 13 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức***

- Tri thức Ngữ văn: Khái niệm văn bản, đoạn văn trong văn bản, các yếu tố và cách triển khai của văn bản thông tin, văn bản đa phương thức.từ mượn và hiện tượng vay mượn từ.

- Giúp học sinh hiểu biết về văn bản thông tin và cách truyền đạt thông tin, thông qua những văn bản cụ thề nói về sự sống trên Trái Đất, về trách nhiệm của chúng ta đối với việc bảo vệ Trái Đất - ngôi nhà chung.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được đặc điểm chức năng của văn bản và đoạn văn; biết cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn văn trong văn bản thông tin trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.

- Nhận biết được các chi tiết trong văn bản thông tin; chỉ ra được các mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản;

- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dung cho phù hợp.

- Viết được biên bản đúng qui cách, tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã học.

***3. Về phẩm chất:***

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình khi là thành viên của ngôi nhà chúng- Trái đất.

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng sự sống của muôn loài.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 115,116,117: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN**

**VĂN BẢN 1:**

**TRÁI ĐẤT - CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG**

**(Hồ Thanh Trang)**



**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Hiểu được trái đất là một trong tám hành tinh của hệ mặt trời.

- Nước là vị thần hộ mệnh của sự sống trên trái đất.

- Trái đất nơi cư ngụ của muôn loài.

- Tình trạng trái đất hiện nay.

***2. Về năng lực:***

- Nhận biết được các thành phần của văn bản thông tin gồm: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn, tranh ảnh.

- HS phân tích được trình tự văn bản: vừa theo trình tự thời gian, vừa theo trình tự nhân quả.

- HS thấy được những nhân tố đe dọa môi trường trên trái đất.

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng sự sống của muôn loài, có ý thức bảo vệ môi trường sống trên trái đất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh liên quan đến bài học

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a) Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b) Nội dung**: GV hỏi, HS trả lời.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

*? Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất? Chúng đã gợi lên trong em ấn tượng, cảm xúc gì? Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này, chúng ta còn cần phải tìm đến những nguồn thông tin hay loại tài liệu nào khác?*

*? Người ta thường nói: “Sự sống muôn màu”. Em hiểu điều này như thế nào?*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân**

**B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV**

- Em từng nghe, đọc hay đã thuộc những ca khúc, bài thơ nào viết về Trái Đất: Bài hát Trái đất này là của chúng mình (Trương Quang Lục); Bài thơ Trái đất còn quay (Huy Cận). Những bài thơ, bài hát này đã gợi lên trong em hình ảnh trái đất là một hành tinh xanh rộng lớn, quay mãi.

- Theo em, để hiểu biết và yêu quý hơn hành tinh xanh này, chúng ta còn cần phải tìm đến những nguồn thông tin nghiên cứu khoa học về trái đất, lịch sử hình thành trái đất,...

- Người ta thường nói: “Sự sống muôn màu”. Em hiểu điều này là: Trên Trái đất không biết có ba nhiêu sự sống của con người, loài vật, cây cỏ hoa lá,...Mỗi một sự sống đều là một câu chuyện từ lúc xuất hiện, được sinh ra cho đến lúc trưởng thành. Mỗi một sự vật lại mang một nét riêng biệt khác nhau, không sự vật nào giống sự vật nào. Vì thế, nên người ta đó là cuộc sống muôn màu muôn vẻ, muôn hình vạn trạng.

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

- Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

1. **Mục tiêu**: Giúp HS nắm được các khái niệm về văn bản, đoạn văn trong văn bản, VB thông tin, VB đa phương tiện. Nội dung nghệ thuật của văn bản 1.
2. **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
3. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
4. **Tổ chức thực hiện:**

**Tiết 115**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV: yêu cầu học sinh đọc phần tri thức ngữ văn bài 9.  HS nêu nhiệm vụ giao về nhà  HS nêu  *1.Nêu khái niệm về văn bản thông tin và khái niệm về đoạn văn trong văn bản?*  *2: Hãy chỉ ra các yếu tố cấu thành và cách triển khai văn bản thông tin? Các văn bản truyện hay thơ mà em đã học ở các bài học trước có phải là văn bản thông tin không?*  *3: Văn bản đa phương thức là loại văn bản như thế nào? Hãy lấy ví dụ về văn bản đa phương thức mà em đã từng đọc?*  *4: Thế nào là từ mượn và hiện tượng vay mượn từ?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS lên tóm tắt theo các ý mục *phần tri thức ngữ văn*  - HS thảo luận theo nhóm  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm báo cáo nội dung đã thảo luận  **B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập:**  GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các nhóm  GV: chốt vấn đề  Một số hình ảnh minh họa cho thông tin tri thức Ngữ văn về văn bản đa phương thức  http://ncov.quangnam.gov.vn/QTIUpload/QTIImagev2/thumbnail/1366Nhom4.jpgGần 1 triệu thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2021 trong tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV: yêu cầu học sinh so sánh văn bản thông tin với VB đa phương thức?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - HS hoạt động cá nhân tự hoàn thiện phần nội dung đã tìm hiểu ở hoạt động 2  **B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày phần so sánh giữa 2 kiểu văn bản.  **B4: Đánh giá kết quả nhiệm vụ học tập:**  GV: tổ chức HS đánh giá và nhận xét các sản phẩm  GV: Sửa chữa hoàn chỉnh, tuyên dương các em có cách trình bầy lưu loát, rõ ràng | **A. Giới thiệu tri thức ngữ văn**  **1. Văn bản thông tin:**  - Là một đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Dùng để trao đổi thông tin trình bầy suy nghĩ, cảm xúc…  **2. Đoạn văn trong văn bản:**  - Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản,  có sự hoàn chỉnh tương đổi vẻ ý nghĩa và hình thức,  **3. Các yếu tố và cách triển khai văn bản thông tin**  - Một văn bản thông tin thường có các yêu tổ như: nhan để (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phân). đoạn văn, tranh ảnh,...  - Mỗi văn bản thông tin có một cách triển khai riêng như thời gian hoặc nhân quả  **4. Văn bản đa phương thức**  - Văn bản đa phương thức là loại văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như ki hiệu. sơ đổ. biểu đồ, hinh ảnh...  **5. Từ mượn và hiện tượng vay mượn từ.**  - Từ mượn là từ có nguồn gốc từ một ngôn ngữ khác. Tiếng Việt từng vay mượn nhiều từ của tiếng Hán và tiếng Pháp. Hiện nay, tiếng Việt có xu hướng vay mượn nhiều từ của tiếng Anh.  **\* So sánh**  **- Giống nhau:**  + Đều là thẻ loại văn bản  **- Khác nhau:**  **+ Văn bản thông tin:** Là một đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức, tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói. Dùng để trao đổi thông tin trình bầy suy nghĩ, cảm xúc…  **+ Văn bản đa phương thức:**  Là loại văn bản có sử dụng phối hợp phương tiện ngôn ngữ và các phương tiện phi ngôn ngữ như ki hiệu. sơ đổ. biểu đồ, hinh ảnh... |

**B. Đọc hiểu văn bản VĂN BẢN 1:**

**TRÁI ĐẤT - CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG**

**(Hồ Thanh Trang)**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS:

- Biết được văn bản thông tin gồm: nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn, tranh ảnh.

- Xác định được các yếu tố cấu thành và bố cục văn bản.

**b) Nội dung**:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho hs thảo luận nhóm.

- HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc.  *? Văn bản thuộc thể loại nào?*  *? Các yếu tố tạo lên văn bản là gì??*  *? Liệt kê những thông tin chủ yếu mà văn bản đã đưa đến cho người đọc? HS liệt kê theo cách gạch đầu dòng các sự việc chính.*  *? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?*  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau . | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1) Đọc và tìm hiểu chú thích**  - HS đọc đúng.  **2) Tìm hiểu chung**  - Thể loại: Văn bản thông tin.  - Các thành phần: nhan đề, sa pô, đề mục, tranh ảnh.  - Yếu tố cấu thành  + Trái đất là một trong tám hành tinh của hệ Mặt Trời.  + Nước chiếm 2/3 bề mặt Trái đất.  + Trái đất là nơi cư ngụ của muôn loài.  + Con người là đỉnh cao ỳ diệu của sự sống trên trái đất.  + Tình trạng của Trái đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương.  - Văn bản chia làm 3 phần  + Phần 1 từ đầu đến “365,25 ngày”, giới thiệu về trái đất.  + Phần 2: Tiếp đến “sự sống trên trái đất” Vai trò của trái đất.  + Phần 3: còn lại Thực trạng của trái đất. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NS :**  **ND:**  **Dự kiến Tiết 116**  **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | |
| 1. **Giới thiệu về trái đất** | | |
| **HĐ của GV và HS** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  *? Đoạn văn Trái đất trong hệ mặt trời tập trung giới thiệu thông tin gì?*  *? Thông tin đó có ý nghĩa như thế nào?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK và tìm các thông tin được tác giả giới thiệu trong đoạn văn.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo kết quả**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  *? Đoạn văn vị thần hộ mệnh của trái đất tập trung giới thiệu thông tin gì?*  *? Chỉ ra những thông tin về sự hiện diện của nước trên trái đất?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | - Trái đất là một trong 8 hành tinh của hệ mặt trời  - Bao gồm sao thủy, sao kim, sao mộc, sao thổ, sao hảo, trái đất, sao Thiên Vương, sao Hải Vương.  - Hoạt động: vừa quay quanh trục của nó, vừa quay quanh hệ mặt trời.  -> Hiểu sơ lược về cấu tạo của trái đất  **2.Vai trò của trái đất**  **a) Vị thần hộ mệnh của sự sống trên trái đất.**  - Đoạn văn: (“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đắt) tập trung thông tin về vấn đề:  + Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống.  + Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất.  + Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi.  + Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Phát phiếu học tập số 2 & đặt câu hỏi:  *? Sự sống trên trái đất phong phú như thế nào?*  *? Lấy ví dụ minh họa?*  *? Bức tranh minh hoạ làm sáng tỏ thông tin gì trong văn bản?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm chi tiết trong văn bản.  **HS**:  - Đọc SGK và tìm chi tiết chứng tỏ là sự kì diệu của sự sống để hoàn thiện phiếu học tập.  - Suy nghĩ cá nhân.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Yêu cầu hs trả lời và hướng dẫn (nếu cần).  **HS** :  - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức, kết nối với mục sau. | | **b) Trái đất - Nơi cư ngụ của muôn loài**  - Trái đất có muôn loài tồn tại  + Có loài bé nhỏ chỉ nhìn được bằng kính hiểm vi.  + Có loài to lớn không lồ  -> Chúng sống ở khắp mọi nơi trên trái đất.  -> Chúng đều tồn tại và phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Phát phiếu học tập số 3  - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ:  *? Khi khẳng định con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống tác giả đã xuất phát từ góc nhìn nào?*  *? Theo em điều gì có ở con người khiến con người có thể được xem là đỉnh cao kì diệu?*  *? Bức tranh trong trang 92 gợi lên trong em suy nghĩ gì về khát vọng và khả năng của con người? ? Hãy nhắc lại những câu chuyện mà trong đó có kể về cách thượng đế hay chúa trời tạo ra con người?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Làm việc cá nhân 2’ (đọc SGK, tìm chi tiết)  - Làm việc nhóm 3’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày ( nếu cần).  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình.  - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | | **c) Con người trên trái đất**  - Tác giả xuất phát từ góc nhìn sinh học.  - Con người là động vật bậc cao, có bộ não và thần kinh phát triển nhất, có ý thức, có tình cảm có ngôn ngữ, biết tổ chức cuộc sống theo hướng tích cực.  - Con người cải tạo lại trái đất khiến cho nó người hơn, thân thiện hơn.  - Con người khai thác thiên nhiên bừa bãi gây ảnh hưởng xấu đến quá trình tồn tại và phát triển của sự sống trên trái đất. |
| **NS :**  **ND:**  **Dự kiến Tiết : 117**  **3) Thực trạng của trái đất.** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hỏi học sinh.  *? Hiện tại trái đất của chúng ta đang từng ngày từng giờ bị tổn thương như thế nào?*  *? Vì sao trái đất lại bị tổn thương như vậy?*  *? Câu hỏi cuối cùng của văn bản: “Trái đất có thể chịu đựng đến bào giờ” có ý nghĩa gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe lĩnh hội suy nghĩ để trả lời  **B3: Báo cáo, kết quả**  **GV:**  - Yêu cầu HS trả lời câu hỏi, nhận xét, đánh giá.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ của học sinh  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. | - Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người.  - Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấm chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muốn loài.  - Câu hỏi nhức nhối: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Con người đứng trước thách thức lớn. | |
| **III. TỔNG KẾT** | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 4  - Giao nhiệm vụ nhóm:  *? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?*  *? Nội dung chính của văn bản “Trái đất cái – nôi của sự sống”?*  *? Ý nghĩa của văn bản.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy.  - Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).  **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | | **1. Nghệ thuật**  - Nghệ thuật vừa theo trình tự thời gian vừa theo trình tự nhân quả giữa các phần trong văn bản. Cái trước làm nẩy sinh cho cái sau chúng có quan hệ rằng buộc với nhau  **2. Nội dung**  Trái đất là cái nôi của sự sống con người phải biết bảo vệ trái đất. Bảo trái đất là bảo vệ sự sống của chính mình.  **3. Ý nghĩa**  Kêu gọi mọi người luôn phải có ý thức bảo vệ trái đất. |

**3.3. Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn Để hành tinh xanh mãi xanh

- Viết theo trình tự thời gian

**b) Nội dung***:* Hs viết đoạn văn

**c) Sản phẩm:**  Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

Viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) trình bầy ý kiến của mình về hành tinh xanh mãi mãi

GV gợi ý: em sẽ viết như thế nào? về ND, HT

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS viết đoạn văn

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS đọc đoạn văn

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần). Chuyển giao nhiệm vụ mới. về xem trước bài thực hành TV

**NS :**

**ND:**

**Tiết 118: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Văn bản và đoạn văn** | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Nhận biết được đặc điểm và chức năng của văn bản và đoạn văn.  - Thực hiện được một số thao tác, yêu cầu (như nhận diện, phân tích, tóm tắt, sơ đồ hoá…) khi đối diện với đoạn văn hay văn bản.  **b) Nội dung**: GV chia nhóm, nêu câu hỏi; HS trả lời  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chia nhóm, yêu cầu HS nhắc lại khái niệm văn bản, sau đó GV đặt câu hỏi:  ? Qua văn bản *“Trái Đất – cái nôi của sự sống”*, em hãy nêu những bằng chứng cụ thể để khẳng định nó là một văn bản?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: thảo luận đưa ra câu trả lời.  - GV: quan sát các nhóm, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức. Chuyển dẫn sang câu hỏi 2. | **A. Nhận biết kiến thức tiếng Việt**  **1. Văn bản (SGK/Trang 77)**  **\* Bài 1/ trang 81:** Các bằng chứng cụ thể để khẳng định “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là một văn bản:  - Hoàn chỉnh về nội dung và hình thức.  - Tồn tại ở dạng viết.  - VB dùng để trao đổi thông tin: Tác giả đã nêu ra 5 đề mục có các thông tin tới người đọc như vị trí của TĐ trong hệ MT, vai trò của nước, sự sống của sinh vật trên TĐ và hiện trạng TĐ.  - Qua văn bản, tác giả trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình: suy nghĩ về trách nhiệm của loài người trước hiện trạng của TĐ hiện nay. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *? Căn cứ vào những yếu tố nào để xác định tính chất của văn bản?*  *? Dựa vào đâu để xác định loại văn bản?*  *? Theo em những yếu tố nào không thể thiếu trong mọi trường hợp tạo lập văn bản?*  *-* GV yêu cầu HS thảo luận câu hỏi: Văn bản “*Trái Đất – cái nôi của sự sống”**thuộc thể loại văn bản nào? Liệt kê những bộ phận cấu tạo của văn bản?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: thực hiện nhiệm vụ  - GV: quan sát các nhóm, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức. Chuyển dẫn sang câu hỏi 3. | **2**. **Đặc điểm và loại văn bản (SGK/Trang 81)**  **\* Bài 2/Trang 81**  VB “*Trái Đất – cái nôi của sự sống”*thuộc loại văn bản thông tin, chức năng chính là cung cấp thông tin tới người đọc. Các bộ phận cấu tạo của văn bản:  - Nhan đề: *Trái Đất – cái nôi của sự sống*  - Sa-pô: Vì sao Trái Đất …. Bảo vệ Trái Đất?  - Đề mục:  + Trái Đất trong hệ Mặt Trời.  + “Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất.  + Trái Đất – nơi cư ngụ của muôn loài.  + Con người trên Trái Đất.  + Tình trạng Trái Đất hiện nay ra sao?  - Các đoạn văn:  - Tranh minh hoạ: |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin, thông điệp mà em tiếp nhận được từ văn bản Trái đất - cái nôi của sự sống:  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS: thực hiện nhiệm vụ  - GV: quan sát các nhóm, hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày kết quả thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS.  - Chốt kiến thức. Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới | **\*Bài 3/Trang 81**  - VB Trái Đất – cái nôi của sự sống là một văn bản hoàn chỉnh do chứa đựng thông điệp rõ ràng và tất cả các thông tin đều tập trung vào vấn đề chính.  - Thông tin từ văn bản:  + Trái đất hành tinh duy nhất trong hệ Mặt trời có sự sống.  + Nước là tài nguyên bao phủ 2/3 bề mặt Trái Đất. Nhờ có nước sự sống trên Trái Đất được duy trì, phát triển phong phú.  + Trái Đất là nơi cư trụ của muôn loài động vật từ bậc thấp đến bậc cao.  + Con người trên Trái Đất khai thác tài nguyên thiên nhiên một các bừa bãi  + Trái Đất đang từng ngày từng giờ bị tổn thương nghiêm trọng  - Thông điệp từ văn bản: Con người cần có những suy nghĩ nghiêm túc và hành động tích cực để bảo vệ hành tinh xanh. Đó là vấn đề cần thiết và cấp bách. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS về vị trí; 1 HS đọc yêu cầu bài tập 4.  - GV hướng dẫn HS kẻ bảng vào vở và thống kê  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình kết quả  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.  - Chốt kiến thức lên màn hình.  - Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thứ tự đoạn văn trong văn bản | Điểm mở đầu và điểm kết thúc của đoạn văn | Ý chính của đoạn văn | Chức năng của đoạn văn trong văn bản | | Đoạn 3 (Trái đất - nơi cư ngụ của muôn loài ) | Điểm mở đầu: Muôn loài tồn tại trên Trái đất; Điểm kết thúc: Tất cả sự sống trên Trái đất đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học bí ẩn, lạ lùng) | Sự sống trên Trái Đất thật phong phú, muôn màu | Làm rõ nét thêm nội dung của văn bản: Trái đất là cái nôi của sự sống đối với muôn loài | |

**Hoạt động 3. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS hoạt động nhóm.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả thảo luận của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

*-* So sánh văn bản thông tin và VB đa phương thức?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

- Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ độc lập, trả lời câu hỏi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- Em hãy nêu vai trò của văn bản thông tin trong đời sống của con người?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thực hiện nhiệm vụ

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình kết quả

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS.

- Chốt kiến thức.

- Chuyển dẫn sang nhiệm vụ mới

**NS :**

**ND:**

**VĂN BẢN 2:**

**Tiết 119,120: CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?**

**(Ngọc Phú)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh của một văn bản thông tin.

- Mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

- Tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức cùng chung sống với nhau trên hành tinh này.

***2. Về năng lực:***

- Biết thu thập thông tin liên quan đến văn bản Các loài cùng chung sống với như thế nào?

- Trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Các loài cùng chung sống với như thế nào?

- Phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

***3. Về phẩm chất:***

**-** Đoàn kết, thật thà, lương thiện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, giáo án điện tử

- Máy chiếu, máy tính.

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm. Phiếu học tập.

+ Phiếu học tập số 1

|  |
| --- |
| **CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?** |
| 1. Văn bản được chia ra làm ….. đoạn: Cụ thể:  …………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………… |
| 2. Thể loại vản bản: …………………………………………………………………… |

+ Phiếu học tập số 2

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số lượng các loài sinh vật | | Ý nghĩa |
| Có trên trái đất |  | ……………………………………  ……………………………………  …………………………………… |
| Số lượng các loài SV con người đã biết | Động vật: |
| Thực vật: |

+ Phiếu học tập số 3

|  |  |
| --- | --- |
| Tính trật tự trong đời sống của muôn loài | |
| Biểu hiện | ……………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………..  …………………………………………………………………………….. |
| Mục đích | ……………………………………………………………………………..  ……………………………………………………………………………..  …………………………………………………………………………….. |

+ Phiếu học tập số 4

|  |  |
| --- | --- |
| Tổng kết | |
| Nội dung | Văn bản đề cập đến vấn đề: ………………………………………………  ……………………………………………………………………………..  …………………………………………………………………………….. |
| Ý nghĩa | VB đã đặt ra cho con người vấn đề: ………………………………………  ……………………………………………………………………………..  …………………………………………………………………………….. |
| Nghệ thuật | - Số liệu dẫn chứng: ……………………………………………………….  ……………………………………………………………………………..  - Cách mở đầu - kết thúc văn bản: ………………………………………...  …………………………………………………………………………….. |

**II. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b) Nội dung:** GV nêu câu hỏi, HS chia sẻ

**c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV chiếu các hình ảnh trong phim Vua sư tử và đặt cho HS câu hỏi:

+ Những hình ảnh trên các em thấy ở bộ phim nào? Bộ phim ấy nói về vấn đề gì?

+Em biết những chương trình nào trên các phương tiện truyền thông cung cấp nhiều thông tin thú vị, bổ ích về đời sống của muôn loài trên Trái Đất? Em yêu thích chương trình nào nhất?

+ Em suy nghĩ gì về việc chúng ta phải thường xuyên tìm hiểu các tài liệu nói về sự đa dạng của thế giới tự nhiên?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trả lời câu hỏi

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV dẫn dắt: Trong Trái Đất rộng lớn và bao la, có hàng triệu loài sinh vật cùng sinh sống. Mỗi loài đều có vai trò và đóng góp riêng vào sự phát triển chung của vũ trụ. Vậy các loài cùng chung sống và chia sẻ như thế nào để trái đất có thể phát triển hoà bình, ổn định? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu:** HS nhận biết được những thông tin chung của văn bản: bố cục, thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản. - Vai trò quan trọng của số liệu và hình ảnh của một văn bản thông tin.

- Mối quan hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản.

- Tầm quan trọng của việc xây dựng ý thức cùng chung sống với nhau trên hành tinh này.

**b) Nội dung:** HS sử dụng sgk, trao đổi cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 1

**c) Sản phẩm học tập:** Những hiểu biết của HS về bố cục, thể loại của văn bản.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV lần lượt chuyển giao các nhiệm vụ cho HS)**  *-* GV hướng dẫn cách đọc, chú ý khi đọc theo dõi cột bên phải để nhận biết một số ý được bàn luận.  - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ khó, dựa vào chú giải trong SGK: *tiến hoá, quần xã, kí sinh.*  - GV yêu cầu HS trao đổi cặp hoàn thành phiếu học tập số 1.  *? Văn bản có thể chia ra làm mấy đoạn? Nội dung của mỗi đoạn?*  *? Văn bản thuộc thể loại gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, giải thích từ khó  - HS trao đổi hoàn thành phiếu HT.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đưa ra câu trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức và chuyển dẫn vào hoạt động tiếp theo. | | **I. TÌM HIỂU CHUNG** 1. Đọc, hiểu chú thích: (sgk)  2. Bố cục: 3 phần  - Đoạn 1: Từ đầu đến “tổn thương của nó”: đặt vấn đề (đời sống của muôn loài trên TĐ và sự cân bằng rất dễ tổn thương của nó)  - Đoạn 2: Tiếp theo đến “đẹp đẽ này”: nội dung vấn đề (Sự đa dạng của các loài, tính trật tự trong đời sống của muôn loài, vai trò của con người trên TĐ)  - Đoạn 3: Phần còn lại: Kết luận vấn đề.  3. Thể loại: Văn bản thông tin | |
| **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? *Trong phần mở đầu tác giả đã dẫn vào bài bằng cách nào? Cách vào bài này có tác dụng gì?*  *? Vấn đề tác giả đặt ra trong phần này là gì? Theo em, đây có phải là vấn đề đáng quan tâm hiện nay không? Vì sao?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi và trả lời từng câu hỏi:  + HS: Tác giả đã kể lại cuộc hội thoại ngắn giữa hai nhân vật trong bộ phim hoạt hình nổi tiếng Vua sư tử để nói về vấn đề mà tác giả muốn đề cập 🡪 Cách vào bài này khiến cho vấn đề bàn luận trở nên nhẹ nhàng, lôi cuốn, vì phim này đã được nhiều người biết tới.  + Vấn đề tác giả đặt ra:đời sống của muôn loài trên trái đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó 🡪 Là một vấn đề cấp thiết  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, chốt lại kiến thức và chuyển dẫn vào hoạt động tiếp theo. | | | ***1. Đặt vấn đề***  - Đời sống của muôn loài trên Trái Đất và sự cân bằng rất dễ bị tổn thương của nó.  🡪 Là một vấn đề cấp thiết trong hoàn cảnh hiện nay khi con người đang can thiệp ngày càng nhiều vào thiên nhiên. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu các hình ảnh giới thiệu về sự đa dạng sinh học  - Phát phiếu học tập số 2, yêu cầu HS làm việc theo cặp.  ? *Hãy tìm những dẫn chứng trong đoạn (2) để thể hiện sự phong phú của các loài trên TĐ?*  *? Sự chênh lệch giữa số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế và con số về số lượng loài đã đã nhận biết nói với chúng ta điều gì?*  - GV đặt tiếp câu hỏi tìm hiểu đoạn (3): Hãy quan sát ảnh minh hoạ và dựa vào việc quan sát thực tế của em, hãy cho biết:  *? Kể về một du lịch sinh thái hay khu bảo tồn thiên nhiên mà em biết. Ở đó em thấy các loài sinh vật nào và chúng sống với nhau ra sao?Từ đó em hiểu gì về quần xã sinh vật?*  *? Số lượng các loài ở mỗi quần xã có giống nhau không? Chúng phụ thuộc vào điều gì?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận hoàn thành phiếu học tập số 2 và trả lời từng câu hỏi.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số lượng các loài sinh vật | | Ý nghĩa | | Có trên trái đất | 1.400.000 | Sinh vật đa dạng và phong phú … | | Số lượng các loài SV con người đã biết | Động vật: 1.000.000 | | Thực vật: 300.000 |   + Các loài sinh vật vật cùng chung sống với nhau rất đông đúc, chúng ảnh hưởng và tác động đến nhau.  + Sự đa dạng ở mõi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố: sự cạnh tranh giữa các loài, mối quan hệ con mồi – vật ăn thịt, mức độ thay đổi các yếu tố vật lí – hoá học của môi trường…  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Có nhiều số liệu thống kê khác nhau, tuy nhiên, người đọc cần lưu ý số liệu thường chỉ có giá trị thời điểm, đòi hỏi người đọc phải thường xuyên nhớ về mốc ra đời của văn bản ấy. Vì vậy, khi đọc một văn bản thông tin, người đọc cần lưu ý về những dẫn chứng được thống kê trong văn bản.  - Chuyển giao nhiệm vụ mới. | | | ***2. Nội dung vấn đề***  *a. Sự đa dạng của các loài*  - Các loài sinh vật trên TĐ rất đa dạng, phong phú.  - Con người chưa khám phá hết số lượng các loài trên TĐ.  - Giữa các loài có sự phụ thuộc lẫn nhau.  - Mỗi quần xã giống như một thế giới riêng, trong đó các loài cùng chung sống với số lượng cá thể khác nhau.  - Sự đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV yêu cầu HS đọc đoạn (5) và đặt câu hỏi:  *? Em hiểu thế nào về tính trật tự? “Trật tự” có đồng nghĩa với “ổn định” không?*  - GV phát phiếu học tập số 3. Yêu cầu HS trao đổi cặp.  *? Tính trật tự trong đời sống của muôn loài được biểu hiện như thế nào? Mục đích của sự trật tự này?*  *? Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ trong quần xã sinh vật thì điều gì sẽ xảy ra*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi và trả lời từng câu hỏi  - GV quan sát, hỗ trợ HS  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận:  + Tính trật tự có thể được hiểu là sự sắp xếp theo một thứ tự, một quy tắc nhất định, có tổ chức, có kỉ luật trong một tập thể, tổ chức nào đó. Trật tự có thể hiểu là tình trạng ổn định.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, chuyển giao nhiệm vụ mới. | *b. Tính trật tự trong đời sống của muôn loài*   |  |  | | --- | --- | | Tính trật tự trong đời sống của muôn loài | | | Biểu hiện | - Tính trật tự thể hiện ở số lượng các loài trong một quần xã: loài ưu thế, loài chủ chốt, loài thứ yếu, loài ngẫu nhiên, loài đặc trưng…  - Sự phân bố các loài trong không gian sống chung: theo chiều thẳng đứng hoặc chiều ngang | | Mục đích | Nhằm giảm bớt sự cạnh tranh giữa các loài và giúp từng loài sử dụng nguồn sống của môi trường hiệu quả nhất. |   - Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng hoặc quan hệ hỗ trợ thì sự cân bằng trong đời sống của các loài trong một quần xã lập tức bị phá vỡ. | | |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV hướng dẫn HS đọc tiếp đoạn (7) trong văn bản và trả lời câu hỏi:  *? Những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài không? Ảnh hưởng như thế nào?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Con người chúng ta cũng như vô vàn các loại sinh vật khác có mặt trên TĐ này, tất cả cùng thở chung một bầu không khí, cùng ăn thức ăn và uống nguồn nước từ thiên nhiên. Nhưng với trí óc phát triển nhanh chóng, những sáng tạo đã giúp con người cải thiện cuộc sống của mình tốt hơn, trở thành bá chủa trong muôn loài. Chính điều đó khiến cho con người trở nên tự kiêu, tự cho mình quyền sắp đặt lại trật tự, can thiệp một cách thô bạo vào sự phát triển của thiên nhiên khiến cho đời sống muôn loài bị xáo trộn, nhiều loài đã biến mất. Những điều đó sẽ có tác động xấu ngược lại tới sự sống trên hành tinh của chúng ta và với trực tiếp loài người. Vì vậy con người cần tỉnh ngộ, biết cách chung sống hài hoà với muôn loài để xây dựng lại cuộc sống bình yên vốn có trước đây của TĐ.  **-** Chuyển giao nhiệm vụ mới. | | | *c. Vai trò của con người trên TĐ*  - Con người cho rằng mình là chúa tể của thế giới, đã tuỳ ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá gây dựng  🡪 Đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ do chịu tác động xấu từ con người. |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? *Đoạn văn thứ (8) đã đề cập đến vấn đề gì?*  *? Theo em, cách mở đầu và kết thúc của văn bản có gì đặc sắc?*  *? Nếu bỏ đi đoạn mở và đoạn kết, chất lượng của VB thông tin này sẽ bị ảnh hưởng như thế nào ?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày: Mở bài và kết bài đều nhắc đến câu thoại của nhân vật Vua sư tử Mu-pha-sa trong phim hoạt hình Vua sư tử.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Cách mở-kết hô ứng, giàu sắc thái cảm xúc đã giúp cho VB này trở nên hấp dẫn người đọc, tránh đi sự khô khan vốn có trong các VB thông tin. Đồng thời, gợi cho người đọc nhiều suy nghĩ không chỉ là vấn đề khoa học được đề cập mà còn là bài học ý nghĩa cho loài người được gợi lên từ tác phẩm nghệ thuật lừng danh thế giới “Vua sư tử”. | | | ***3. Kết thúc vấn đề:***  - Con người cần hiểu và có cách ứng xử đúng đắn với muôn loài trên TĐ. |
| **B1: chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV phát phiếu học tập số 4  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4  ? *Văn bản có ý nghĩa gì?**Nêu những đặc sắc nghệ thuật của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  1. Nội dung: Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên TĐ và trật tự trong đời sống muôn loài.  2. Ý nghĩa: VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên TĐ.  3. Nghệ thuật:  - Số liệu dẫn chứng phù hợp, cụ thể, lập luận rõ ràng, logic có tính thuyết phục.  - Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB. | | |

**3.2.2 Viết kết nối với đọc**

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học trong bài để viết đoạn văn với câu mở đầu cho trước.

**b) Nội dung:** HS làm việc cá nhân, thực hành viết đoạn văn vào vở.

**c) Sản phẩm học tập:** Bài làm của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

- GV yêu cầu HS: viết đoạn văn (5-7 câu) với câu mở đầu: ***Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài luôn cần thiết cho nhau.***

- GV đưa ra hướng dẫn: nhấn mạnh ý “chung sống” và đề cao trách nhiệm của con người với vấn đề này,

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS viết đoạn văn theo yêu cầu.

**B3: Báo cáo, thảo luận (nếu có thời gian)**

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- GV nhận xét, đánh giá. Chuyển giao hoạt động mới.

**NS :**

**ND:**

**Tiết 121: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT.**

**NHẬN BIẾT VÀ SỬ DỤNG TỪ MƯỢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt**

- HS nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn và thực tế sử dụng từ mượn hiện nay.

- HS hình thành được nguyên tắc ứng xử thích hợp đối với việc mượn từ, sử dụng từ mượn trong nói, viết và rộng ra là trong giao tiếp xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng:**

- Năng lực nhận biết, phân tích được hiện tượng vay mượn từ, đặc điểm của từ mượn.

- Năng lực sử dụng từ mượn phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp và nghĩa của từ.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học và trong đời sống.

- Yêu tiếng mẹ đẻ và biết tiếp thu ngôn ngữ thế giới một cách hợp lý.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Phiếu học tập của HS

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

SGK, SBT, Vở thực hành Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, làm trước bài tập 1, 5 Vở thực hành, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng vốn kiến thức có sẵn để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS. HS để ý và nhận ra cách dùng từ lạ và việc vận dụng chúng.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời:* Em ấn tượng đặc biệt với từ nào trong 2 câu sau. Theo em những từ đó được dùng đã phù hợp với văn cảnh chưa? Em có thể thay thế từ đó bằng từ nào? Vì sao?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ của bản thân.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới và ghi tên bài lên bảng.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là từ mượn**

**a. Mục tiêu:**Nhận biết được từ mượn, nguyên nhân dẫn đến việc mượn từ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức, phiếu học tập và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV giới thiệu: Bài học gồm hai nội dung: Thế nào là từ mượn, nguyên nhân dẫn đến việc mượn từ và những lưu ý về sử dụng từ mượn.  NV1: GV yêu cầu HS đọc lại tri thức Ngữ văn về phần từ mượn SGK/77.  HS lắng nghe  NV2: ? Từ tiếng Việt có thể chia ra làm mấy loại dựa theo nguồn gốc từ?  HS trả lời, nhận xét  NV3: (GV HD HS nhận biết từ mượn): HD HS đọc đoạn văn VD SGK/86 và trả lời các câu hỏi 1a, b, c SGK:  NV4: Cho HS thảo luận nhóm tổ (trong 5 phút) để thực hiện PHT số 1: ? Các từ mượn so với từ thuần Việt có gì khác biệt?  NV5: ? Từ việc thực hiện PHT trên, em hiểu thế nào là từ mượn? Tại sao chúng ta cần sử dụng từ mượn?  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS nghe và thực hiện nhiệm vụ. Có thể đặt câu hỏi để GV hướng dẫn thực hiện.   * Dự kiến sản phẩm:  |  |  |  | | --- | --- | --- | | PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1 – Nhận biết từ mượn | | | |  | *Từ mượn (kế hoạch, phát triển...ô nhiễm)* | *Từ thuần Việt* | | 1. Ý nghĩa | *Nhiều yếu tố lạ, cần giải thích* | *Đọc lên ta hiểu ngay ý mà không cần giải thích* | | 1. Cấu tạo | *Từ đơn và từ phức.* |  | | 1. Hình thức | * *Có thể viết như từ thuần Việt* * *Có thể có dấu gạch nối* | *Viết như nhau* | | 1. Tác dụng | *Diễn đạt những s/vật, ht chưa được đặt tên hoặc tên chưa phù hợp, làm trang trọng hơn.* |  | | 1. Nguồn gốc | *Đi vay mượn nước ngoài như Hán, Pháp, Anh, Nga...* | *Ông cha tự sáng tạo ra* |   **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. Ghi lên bảng  HS chủ động ghi chép bài, dán PHT số 1 đã chữa vào vở. | * Từ tiếng Việt :   + Từ thuần Việt  + Từ mượn   * Từ tiếng Việt :   + Từ thuần Việt (do ông cha ta sáng tạo ra, đọc lên có thể hiểu ngay)  + Từ mượn (là các từ có nguồn gốc từ ngôn ngữ khác như Hán, Âu – Mỹ, Nga và các nước khác, biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm… mà từ TV chưa có từ thích hợp để biểu thị.)   * Từ mượn có thể có cấu tạo từ đơn hoặc từ phức * Từ mượn được Việt hóa hoàn toàn: Được dùng phổ biến, nhiều người rõ nghĩa, viết giống từ thuần Việt. Từ mượn chưa được Việt hóa cao: Có dấu gạch nối hoặc giữ nguyên nguyên dạng trong ngôn ngữ gốc. Tùy quy định ở mỗi hoàn cảnh sử dụng mà chọn cách viết cho phù hợp. |

**Hoạt động 2: Tìm hiểu những lưu ý về sử dụng từ mượn**

**a. Mục tiêu:**Chỉ ra được ưu nhược điểm của việc mượn từ, từ đó rút ra lưu ý khi mượn từ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK cùng vốn hiểu biết cá nhân để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - NV1: GV yêu cầu HS thực hiện câu 1c SGK theo hình thức thảo luận nhóm 4 người trong 3 phút.  ? Tìm các từ có chứa yếu tố Hán “không” và giải thích nghĩa của chúng.  ? Tìm các từ có chứa yếu tố Hán “nhiễm” và giải thích nghĩa của chúng.  -NV2: ? Từ mượn có ý nghĩa như thế nào đối với vốn từ tiếng Việt?  -NV3: Yêu cầu HS quan sát lại VD đầu bài. Nếu lạm dụng từ mượn thì sẽ ra sao? Từ đó ta phải lưu ý điều gì khi sử dụng từ mượn?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  \* Dự kiến sản phẩm:  - Yếu tố Hán “không”: không trung, không gian, không quân, không tưởng, hư không  - Yếu tố Hán “nhiễm”: miễn nhiễm, lây nhiễm, truyền nhiễm, nhiễm bệnh, nhiễm khuẩn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng  **GV bổ sung:** | * Từ mượn có ý nghĩa quan trọng, là quy luật tự nhiên trong quá trình tiếp xúc giao lưu giữa các dân tộc và làm giàu ngôn ngữ dân tộc mình. * Tránh lạm dụng từ mượn |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS thực hiện cá nhân 5 phút, thảo luận nhóm đôi 5 phút:* Hoàn thiện bài tập 1,5 Vở thực hành Ngữ văn

? Đọc câu văn sau đầy và phân tích cách dùng từ mượn của tác giả:

*Có một nhịp điệu chung trong quá trình tiến hoá của các loài, mà sự sinh sôi mạnh mẽ hay suy giảm số lượng của loài này dẫn đến sự phát triển theo hướng nhiều thêm hay bớt đi tương ứng của loài kia.*

*(Ngọc Phú,* trích *Các loài chung sống với nhau như thê nào?)*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập 3, 4 Vở thực hành, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để giải bài tập 3, 4 Vở thực hành

? Viết một đoạn tin nhắn đăng ký mua hàng qua mạng có sử dụng từ mượn thích hợp. Hãy gạch chân và giải nghĩa.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** |
| - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Gắn với thực tế  - Tạo cơ hội thực hành cho người học | - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Phù hợp với mục tiêu, nội dung | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |

**NS :**

**ND:**

**Văn bản 3: Tiết 122 : TRÁI ĐẤT**

**– *RA- XUN GAM – DA- TỐP* –**

**1. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Biết được thái độ của nhà thơ với những kẻ đang hủy hoại Trái đất và thái độ của nhà thơ với Trái đất.

- Học sinh xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta

***2. Về năng lực:***

- Phân biệt được sự khác biệt giữa văn bản văn học và văn bản thông tin.

- Nhận biết được nét đặc sắc của kiểu đối thoại trữ tình trong bài thơ.

- Học sinh xây dựng ý thức trách nhiệm với cuộc đời, với Trái đất – ngôi nhà chung của tất cả chúng ta

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái: Tình yêu thương giữa con người với con người, sự giúp đỡ lẫn nhau…để bảo vệ Trái đất, bảo vệ môi trường sống.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với môi trường sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Tranh ảnh về nhà thơ và Trái đất.

- Giấy A4 để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập.

*+ Phiếu số 1:*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Những cách hành xử đối với Trái đất*** | ***Điểm chung*** |
|  |  |
| ***=> Thái độ của tác giả:*** | |
| ***Nhận ra thái độ ấy vì:*** | |

*+ Phiếu học tập số 2*

|  |
| --- |
| - Nhà thơ đã hình dung trái đất , đã xưng hô: |
| - Nhìn/nghĩ về Trái đất nhà thơ đã thấy:  - Hình ảnh “máu”, “nước mắt” thường được dùng với ngụ ý: |
| - Chuyển ngôn ngữ hình ảnh của nhà thơ thành ngôn ngữ thông tin mang tính chất trực tiếp và đơn giản: |
| **=> Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất:** |

*+ Phiếu học tập số 3*

|  |
| --- |
| - Ưu thế của văn bản thông tin khi thể hiện chủ đề này là:  - Ưu thế của văn bản văn học khi thể hiện chủ đề này là:  - Để bày tỏ bằng VB quan niệm của mình về vấn đề bảo vệ Trái đất, em chọn hình thức biểu đạt (thể loại): |

*+ Phiếu học tập số 4*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** |  |
| **Nội dung** |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

1. **Mục tiêu**: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
2. **Nội dung**: - Xem video: Giật mình con người hủy hoại Trái đất

**-** GV hỏi, HS trả lời.

1. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
2. **Tổ chức thực hiện**:

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**

? Cảm nhận của em sau khi xem video?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV):**

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS nêu được những nét chính về tác giả Ra - xun Gam - da - tốp. Tìm được những cách ứng xử đối với Trái đất được nhắc tới trong khổ thơ, tìm được điểm chung của cách ứng xử đó

**b) Nội dung**:

- GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi.

- Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và trả lời câu hỏi  ? Nêu những hiểu biết của em về tác giả Ra - xun Gam- da -tốp?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS đọc và tìm thông tin.  **HS** quan sát SGK.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời.  **HS** trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **? Với văn bản này chúng ta nên đọc như thế nào?**  - Hướng dẫn cách đọc, GV đọc mẫu & yêu cầu 2 HS đọc.  - Chia nhóm lớp, giao nhiệm vụ:  ? Em hãy cho biết xuất xứ của bài thơ?  ? Em hãy nhắc lại khái niệm văn bản thông tin?  ? Em hãy tóm tắt thông tin có trong văn bản?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Đọc to, lưu loát, giọng có phẫn nộ, thương xót, dịu dàng  - Đọc văn bản  - Làm việc cá nhân 2’, nhóm 5’  + 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.  + 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.  **GV**:  - Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).  - Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**: Trình bày sản phẩm của nhóm mình. Theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **GV***:*  - Nhận xét cách đọc của HS.  - Hướng dẫn HS trình bày bằng cách nhắc lại từng câu hỏi  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ:  1. Những cách hành xử nào đối với Trái đất được nhắc tới trong khổ thơ?  2. Chúng có điểm chung gì với nhau?  3. Thái độ của tác giả đối với chúng là gì?  4. Vì sao em có thể nhận ra thái độ ấy?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 2 phút làm việc cá nhân  - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến khó khăn: câu hỏi số 3  - Tháo gỡ khó khăn ở câu hỏi (3) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Thái độ đó được biểu hiện qua từ ngữ nào?).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang mục 2 | **I. TÌM HIỂU CHUNG**  **1. Tác giả**  - Ra -xun Gam- da -tốp (1923 – 2003)  - Người dân tộc A-va, nước cộng hòa Đa -ghe-xtan thuộc Liên bang Nga.  - Thơ ông tràn đầy tình yêu thương đối với quê hương, con người, sự sống và luôn hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc.  - Các tác phẩm chính: *Năm tôi sinh,*  2. văn bản:  a) Đọc và tìm hiểu chú thích  - HS đọc đúng.  b) Tìm hiểu chung  - Viết năm 1967 bằng tiếng Avar. Bản dịch ra tiếng Việt của Minh Tâm được thực hiện dựa trên bản dịch Tiếng Nga của Na-um Grep-nhi - ốp.  - Thông tin có trong bài thơ *Trái đất*: truyền dạt thông tin: Hãy bảo vệ Trái đất.  - Văn bản chia làm 2 phần  + P1 (khổ 1): Thái độ của nhà thơ với những kẻ đang hủy hoại Trái đất.  + P2 (khổ 2): Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất.  **II. TÌM HIỂU CHI TIẾT**  **1.Thái độ của nhà thơ với bọn hủy hoại Trái đất**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | |  |  | | --- | --- | | ***Những cách hành xử đối với Trái đất*** | ***Điểm chung*** | | - Xem là quả dưa: bổ, cắn thành muôn mảnh nhỏ.  - Xem như quả bóng trên sân: giành giật, lao vào đá. | Đều phá hủy Trái đất. | | => Thái độ của tác giả: căm phẫn, khinh bỉ, lên án những kẻ hủy hoại Trái đất. | | | => Vì tác giả gọi những kẻ xấu là “bọn”, “lũ”. | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm.  - Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:  1. Nhà thơ đã hình dung trái đất , đã xưng hô ra sao và làm gì?  2. Nhìn/nghĩ về Trái đất nhà thơ đã thấy những gì? Trong văn học, thậm chí trong đời sống các hình ảnh “máu”, “nước mắt” thường được dùng với ngụ ý gì?  3. Hãy chuyển ngôn ngữ hình ảnh của nhà thơ thành ngôn ngữ thông tin mang tính chất trực tiếp và đơn giản?  4.Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - 3 phút làm việc cá nhân  - 5 phút thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập.  **GV**: Dự kiến KK: câu hỏi số 3  - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (3) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Ngôn ngữ hình ảnh trong bài thơ là gì? ).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:**  - Yêu cầu HS trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS** - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm.  - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau. | |  |  |  | | --- | --- | --- | | - Nhà thơ đã hình dung trái đất: quả bóng, quả dưa. Trái đất bị con người cắn, xé thành nhiều mảnh, tranh giành nhau những mảnh đất màu mỡ, tươi tốt.  - Nhà thơ xưng hô: Gọi Trái đất là người. | - Nhìn/nghĩ về Trái đất nhà thơ đã thấy: Sự xót xa, tổn thương, đau đớn mà Trái đất đang gánh chịu.  - Hình ảnh “máu”, “nước mắt” thường được dùng với ngụ ý: Đau xót, chết chóc… | Chuyển ngôn ngữ hình ảnh của nhà thơ thành ngôn ngữ thông tin mang tính chất trực tiếp và đơn giản: | | **=> Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất: thương xót, vỗ về những tổn thương, đau đớn mà Trái đất đang gánh chịu.** | | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **-** Phát phiếu học tập số 3 & đặt câu hỏi:  **?** Theo em, ưu thế riêng của mỗi loại VB (thông tin, văn học) khi thể hiện chủ đề này là gì?  **?** Nếu phải bày tỏ bằng VB quan niệm của mình về vấn đề bảo vệ Trái đất, em muốn chọn hình thức biểu đạt (thể loại) nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** hướng dẫn HS tìm câu trả lời.  **HS**: - Suy nghĩ cá nhân.  - Hoàn thiện phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV:** Hướng dẫn HS  **HS** : - Trả lời câu hỏi của GV.  - Theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức. |  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Tổ chức trò chơi: *thử làm* *phóng viên*  - Cách chơi như sau: Một vài học sinh trong lớp thay phiên nhau đóng vai phóng viên Đài truyền hình, đài phát thanh, hoặc Báo thiếu niên tiền phong…và phỏng vấn các bạn theo các câu hỏi  ( câu hỏi có thể các em tự nghĩ ra hoặc GV gợi ý trước cho các em):  *1. Có ý kiến cho rằng: loài người đang ăn Trái đất, bạn có suy nghĩ gì về ý kiến này?* *2. Bạn đã làm gì để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ Trái đất của chúng ta?* *3.Vì sao chúng ta phải bảo vệ Trái đất?* *4. Theo bạn, bảo vệ Trái đất có phải là trách nhiệm của một quốc gia nào đó không?Vì sao bạn lại cho rằng như vậy?....*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  Tiến hành chơi trò chơi  **GV:** Hướng theo dõi, quan sát HS hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS** bày tỏ suy nghĩ cá nhân.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  -Nhận xét thái độ và kết quả của hoạt động.  - Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau. |  |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Chia nhóm lớp theo bàn  - Phát phiếu học tập số 4  - Giao nhiệm vụ nhóm:  ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản?  ? Nội dung chính của văn bản “Trái đất”?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:   * Suy nghĩ cá nhân 2’ và ghi ra giấy. * Làm việc nhóm 5’ (trao đổi, chia sẻ và đi đến thống nhất để hoàn thành phiếu học tập).   **GV** hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn).  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **HS**:  - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **GV**:  - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm.  - Chuyển dẫn sang đề mục sau. | **III. TỔNG KẾT**  **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ tự do, các biện pháp nghệ thuật: điệp từ, liệt kê, ẩn dụ..  **2. Nội dung**  - Tác giả thể hiện thái độ lên án với những kẻ làm hại Trái đất, đồng thời thương xót, vỗ về những đau đớn của Trái đất. |

**NS :**

**ND:**

**Tiết 123: VIẾT BIÊN BẢN MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN**

**1. MỤC TIÊU**

***1. Kiến thức***

- Hiểu thế nào là biên bản cuộc họp, thể thức của biên bản, nội dung, tác dụng của biên bản.

***2. Năng lực***

- Viết được biên bản ghi chép đúng quy cách.

***3. Phẩm chất***

- Trung thực, trách nhiệm của bản thân trong việc viết biên bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV, máy chiếu, máy tính.

- Phiếu học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  - Biết được cách viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.  **b) Nội dung:**  - GV hỏi, HS trả lời.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV** ? Em đã bao giờ được chọn làm người viết biên bản cho một cuộc họp, cuộc thảo luận chưa?  HS: TL  ? Tại sao người ta phải cân nhắc khi chọn người viết biên bản?  - Vì người viết biên bản cần có sự trung thực, khách quan.  - Biên bản đòi hỏi được viết đúng thẻ thưc, theo một quy cách riêng.  ? Hãy nêu một dẫn chứng cho thấy trong cuộc sống của chúng ta, biên bản đôi khi rất cần thiết?  - VD: Lưu lại như một hồ sơ, lúc cần được đưa ra như một bằng chứng để đánh gía một vụ việc, vấn đề nào đó  **HS: Suy nghĩ trả lời các câu hỏi.**  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:**  - Quan sát phần kênh chữ trong SGK – 88  - Suy nghĩ cá nhân  - Trả lời câu hỏi GV đưa ra.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV chỉ định 1 – 2 HS trả lời câu hỏi  - HS trả lời  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét câu trả lời của HS |  |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BIÊN BẢN** | |
| **a) Mục tiêu:**  - HS biết được các yêu cầu đối với kiểu bài viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.  - Biết cách viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận.  **b) Nội dung:**  - GV chia nhóm lớp  - Cho HS làm việc nhóm trên phiếu học tập  **c) Sản phẩm**: Phiếu học tập sau khi HS đã hoàn thành.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **HS: -** Đọc phần *Thể thức của biên bản thông thường:*  GV: Chia nhóm lớp & giao nhiệm vụ:  ? Từ những gì được trình bày trong phần viết này, hãy nêu lên những tiêu chuẩn mà biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận cần phải đảm bảo?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS trao đổi, nêu lên ý kiến và thống nhất về tiêu chuẩn đối với một biên bản (như đã nêu ở trên).  - Làm việc cá nhân 2’.  - Làm việc nhóm 3’ để thống nhất ý kiến và ghi vào phiếu học tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau |  |

|  |
| --- |
| **ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** |
| **a) Mục tiêu:**  - Biết được cách thức viết biên bản .  - Chỉ ra được các phần cần thiết phải có của một biên bản.  **b) Nội dung:**  - HS đọc SGK  - Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời và sản phẩm nhóm của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** |

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS:** Đọc biên bản tham khảo.  **GV** chia nhóm lớp và giao nhiệm vụ cho nhóm:  1. Nêu nhận xét chung về việc tuân thủ thể thức biên bản trong văn bản trên?  2. Vì sao biên bản phải có tên gọi và phải ghi đủ thời gian, địa điểm, thành phần tham dự, người chủ trì, người thư kí?  3. Khi làm biên bản, nội dung nào cần được ghi chi tiết, cụ thể hơn cả?  4. Vì sao dưới biên bản cần có chữ kí của người chủ trì, người thư kí?  5. Ngôn ngữ của biên bản có đặc điểm gì dễ nhận biết?  **HS:** Chú ý đối chiếu với những tiêu chuẩn đã xác định trước đó để đánh giá mức độ “đạt chuẩn” của biên bản này.  GV lưu ý HS: Biên bản được đem ra tham khảo ở đây thuộc loại biên bản thông thường. Đối với những biên bản của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội , thể thức của chúng còn được quy định chặt chẽ, phức tạp hơn do phải tuân thủ nghị định của chính phủ về vấn đề này.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**: - Đọc SGK và trả lời câu hỏi  - Làm việc cá nhân 2’  - Làm việc nhóm 5’ để hoàn thiện nhiệm vụ mà GV giao.  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - Đại diện nhóm báo cáo sp của nhóm, những HS còn lại quan sát sp của nhóm bạn, theo dõi nhóm bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sp nhóm  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc nhóm  + Sản phẩm của các nhóm  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau |  |

**NS :**

**ND:**

**Tiết 124: THỰC HÀNH VIẾT BIÊN BẢN**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Ghi chép trung thực nội dung, diễn biến của cuộc họp, cuộc thảo luận nhằm xây dựng hồ sơ đáng tin cậy về cuộc họp cuộc thảo luận nào đó.

**b) Nội dung:**

**-** GV sử dụng KT để hỏi HS về việc lựa chọn nội dung viết biên bản.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV-HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Hình dung những cuộc họp, cuộc thảo luận của lớp, xác định tên gọi biên bản?  ? Thực hành viết biên bản?  ? Sửa lại bài sau khi đã viết xong?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: Đọc các gợi ý trong SGK và hoàn thiện biên bản.  HS:  - Đọc những gợi ý trong SGK và lựa chọn tên biên bản (nội dung cuộc họp, cuộc thảo luận).  - Viết biên bản theo nội dung đã lựa chọn, chú ý thể thức biên bản đã được quy định.  - Sửa lại biên bản sau khi viết.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: Báo cáo sản phẩm.  - Đọc sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | **1. Trước khi viết**  - Hình dung lại các cuộc họp. thảo luận cần được ghi biên bản (cuộc họp bàn kế hoạch tổ chức hoạt động; cuộc họp kiểm điểm , tình hình thực hiện một dự án chung của lớp…)  - Xác định tên gọi của biên bản.  **2. Viết biên bản**  - Viết phần mở đầu theo đúng thể thức.  - Viết phần chính của biên bản dựa theo trình tự hợp lý cần có trong cuộc họp, thảo luận với những nội dung cụ thể (có đánh số rõ ràng).  - Viết chi tiết về những nội dung quan trọng của cuộc họp, thảo luận như kế hoạch triển khai, giải pháp dự kiến, phân công công việc…  - Thuật lại đầy đủ các ý kiến đi vào trọng tâm của buổi họp, thảo luận, nhất là những ý kiến có giá trị.  - Viết đầy đủ nội dung kết luận của người chủ trì.  - Ghi thời gian kết thúc cuộc họp, thảo luận và viết đầy đủ họ tên của người có trách nhiệm kí vào biên bản.  **3. Chỉnh sửa biên bản**  Dựa vào phần thể thức của biên bản thông thường để tự kiểm tra và chỉnh sửa:  - Xem xét lại sự phù hợp giữa nội dung biên bản và tên biên bản.  - Kiểm tra tính chính xác, đầy đủ của việc ghi chép những vấn đề quan trọng nhất được bàn bạc, triển khai trong cuộc họp, cuộc thảo luận.  - Lược bỏ những ghi chép về các chi tiết không liên quan tới vấn đề chính của cuộc họp, cuộc thảo luận.  - Sửa lại ngôn ngữ diễn đạt nhằm đảm bảo sự chính xác và tính khách quan. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  **b) Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c) Sản phẩm:** Bài đã sửa của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV: Giao nhiệm vụ  HS: Làm viện theo nhóm  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết. | Bài viết đã được sửa của HS |

**NS :**

**ND:**

**Tiết 125: TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG CỦA MỘT**

**VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐÈ**

|  |  |
| --- | --- |
| **GIỚI THIỆU KIỂU BÀI** | |
| **a) Mục tiêu:**  - Biết được thực hành tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.  **b) Nội dung:**  - GV hỏi, HS trả lời.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **GV gợi mở:** Giữa thời bộn bề thông tin. Trí nhớ của chúng tathường phải làm việc quá tải với nhiều tài liệu phải xử lý, nhiều nội dung không được phép quên. Làm sao vượt lên thử thách này, để những gì đã đọc không bị tuột trôi vô tăm tích? Hãy cùng nghĩ đến một giải pháp đơn giản mà hiệu quả, đó là tóm tắt văn bản đã đọc bằng một sơ đồ…  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS:** Nghe cô giáo gợi mở.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **B4: Kết luận, nhận định** |  |

**Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a) Mục tiêu:**

HS biết được các yêu cầu đối với bản tóm tắt bằng sơ đồ nội dung một văn bản đơn giản.

**b) Nội dung:**

- GV cho HS làm việc tập thể.

**c) Sản phẩm: câu trả lời của HS**

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  **HS: -** Đọc phần *Ý nghĩa của việc tóm tắt VB bằng sơ đồ* trong SHS.  ? Một bản tóm phải như thế nào để có thể được gọi là đạt/tốt?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV hướng dẫn HS xác định những tiêu chuẩn phải đạt được của một bản tóm tắt bằng sơ đồ trên các phương diện: Tính trực quan; tính lô gic, tính khoa học; tính khái quát; tính thẩm mĩ?  HS: Ghi vào vở những nhiệm vụ này.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - **GV** yêu cầu HS lên trình bày sản phẩm.  **HS:**  - Trình bày sản phẩm nhóm.  - Các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét sản phẩm của HS và chốt kiến thức.  - Kết nối với đề mục sau  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **HS:** Tự xem lại văn bản *Trái đất* - *cái nôi của sự sống*GV nêu vấn đề thảo luận:  ? *Là người đã đọc, đã học văn bản”Trái đất – cái nôi của sự sống”, em thấy bản tóm tắt này đã phản ánh đúng những gì được cập nhật trong văn bản chưa?*  *? Đối chiếu với các yêu cầu được xác định ở trên, bản tóm tắt đã bộc lộ được những ưu điểm và nhược điểm gì?*  **GV:** Khuyến khích HS thực hiện những cách tóm tắt khác về văn bản nêu trên, tổng hợp các ý kiến nhận xét để chuẩn bị cho các bước thực hành tiếp sau.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS**:  - Làm việc cá nhân 2’  - Thảo luận với bạn bên cạnh 5’  **GV**:  - Hướng dẫn HS trả lời  - Quan sát, theo dõi HS thảo luận  **B3: Báo cáo thảo luận**  **HS**:  - Trả lời câu hỏi của GV  - HS còn lại quan sát sp của bạn, theo dõi bạn trình bày và nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **GV**: Hướng dẫn HS cách trình bày sản phẩm.  **B4: Kết luận, nhận định**  **GV:**  **-** Nhận xét  + Câu trả lời của HS  + Thái độ làm việc của HS khi làm việc vói bạn bên cạnh.  - Chốt kiến thức và kết nối với mục sau | **1.TÌM HIỂU CÁC YÊU CẦU ĐỐI VỚI BẢN TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**  **2.ĐỌC VÀ PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO** |

**NS :**

**ND:**

**Tiết 126: THỰC HÀNH TÓM TẮT BẰNG SƠ ĐỒ NỘI DUNG**

**MỘT VĂN BẢN ĐƠN GIẢN**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS

- Tóm tắt được văn bản đơn giản bằng sơ đồ.

**b) Nội dung:**

**-** GV hướng dẫn HS về quy trình tóm tắt một văn bản đơn giản bằng sơ đồ.

- HS suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d) Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  HS: - Đọc phần quy trình thực hành tóm tắt văn bản bằng sơ đồ (phần chữ màu đen) (SGK-91)  - Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản. (SGK-91)  HS: Tự lựa chọn văn bản để tóm tắt bằng sơ đồ.  GV lưu ý HS: Trong quá trình tóm tắt văn bản bằng sơ đồ, để khỏi quyên một số công đoạn hay thao tác cần thiết, các em có thể lật lại xem hướng dẫn của SHS.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS: Đọc theo yêu cầu của GV.  HS: Thực hành tóm tắt bằng một văn bản đơn giản tự lựa chọn.  **B3: Báo cáo thảo luận**  HS: Báo cáo sản phẩm.  - Nộp sản phẩm của mình.  - Theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho bài của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập và sản phẩm của HS. Chuyển dẫn sang mục sau. | \* Yêu cầu của việc tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản. (SGK-91) |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRẢ BÀI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.  - Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.  b) **Nội dung:**  - GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.  - HS đọc bài viết, làm việc nhóm.  **c) Sản phẩm:** Bài đã sửa của HS.  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  GV: Giao nhiệm vụ.  HS: Làm viện theo nhóm.  **B3: Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.  - HS nhận xét bài viết.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của sơ đồ. | Bài viết đã được sửa của HS |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

***a) Mục tiêu:***

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc thực hành viết biên bản và tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản để khắc sâu kiến thức

***b) Nội dung:***

- GV giao bài tập cho HS.

- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

***c) Sản phẩm:*** Đáp án đúng của bài tập

***d) Tổ chức thực hiện***

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Viết một biên bản cuộc họp, cuộc thảo luận do em tự chọn.

Bài tập 2: Tóm tắt một sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản do em tự chọn.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.

- GV hướng dẫn HS cách làm.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:**

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học

- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

**b) Nội dung:**

- GV ra bài tập

- HS làm bài tập

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Em hãy tìm một số trường hợp cần viết biên bản?

Bài tập 2: Nêu ý nghĩa của việc tóm tắt sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

**NS :**

**ND:**

**Tiết 127:. NÓI VÀ NGHE**

**THẢO LUẬN VỀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NẠN**

**Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Về kiến thức:***

- Chia sẻ mối quan tâm chung về giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường.

***2. Về năng lực:***

- Biết cách tham gia thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất, biết lắng nghe và đối thoại với ý kiến hay đề xuất của người khác trên tinh thần tôn trọng , hiểu biết lẫn nhau.

***3. Về phẩm chất:***

- Nhân ái, trách nhiệm với cuộc sống, với Trái đất.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1: Xác định vấn đề**

**a) Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

**b) Nội dung:**

**-** GV nêu vấn đề.

**-**  HS trả lời câu hỏi của GV.

**c) Sản phẩm:**

- HS xác định được nội dung của tiết học là thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường là tìm ra một giải pháp tối ưu, khả thi có thể thực hiện ngay để cải thiện tình hình.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV giao nhiệm vụ cho HS:

? Khi tham gia thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường, điều chúng ta cần hướng đến là gì? Ai là người sẽ nghe ta trình bày ý kiến hay nêu đề xuất?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ cá nhân.

- GV nhắc nhở những HS chưa tập trung suy nghĩ (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

**HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỚC KHI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - HS xác định được mục đích nói và người nghe  - Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói  b) **Nội dung:**  - GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.  - HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  ? Mục đích nói của bài nói là gì?  ? Những người nghe là ai?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ câu hỏi của GV.  - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi.  - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ.  ? Em sẽ nói về nội dung gì?  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS trả lời câu hỏi của GV.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b. | **1. Chuẩn bị nội dung**  - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK).  - Khi nói phải bám sát mục đích (nội dung) nói và đối tượng nghe để bài nói không đi chệch hướng.  **2. Tập luyện**  - HS nói một mình trước gương.  - HS nói tập nói trước nhóm/tổ. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRÌNH BÀY NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:**  - Luyện kĩ năng nói cho HS  - Giúp HS nói có đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông.  b) **Nội dung:** GV yêu cầu :  - HS nói theo dàn ý có sẵn ở tiết HĐ viết & nhận xét HĐ nói của bạn.  **c) Sản phẩm:** Sản phẩm nói của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS nói theo dàn ý của HĐ viết  - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - HS nói (4 – 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau. | - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp. |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI** | |
| a) **Mục tiêu:** Giúp HS  - Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  **b) Nội dung:**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.  - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.  **Sản phẩm:** Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.  **Tổ chức thực hiện** | |
| **HĐ của GV & HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Treo phiếu đánh giá:**phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí.**  - Yêu cầu HS đánh giá  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí.  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **B3: Thảo luận, báo cáo**  - **GV** yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - **HS** nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Trình bày ý kiến của em về một vấn đề môi trường.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS trình bày ý kiến của mình về một vấn đề môi trường .

- GV hướng dẫn HS: ô nhiễm không khí, nguồn nước, rác thải ùn ứ, cống rãnh tắc nghẽn....

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**Hoạt đông 4: VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

Bài tập: Hãy trình bày ý kiến về vấn đề môi trường nơi em sinh sống và đưa ra giải pháp để bảo vệ môi trường.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)…

**NS :**

**ND:**

***Tiết 128: ĐỌC MỞ RỘNG***

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ Yêu cầu cần đạt**

- HS trình bày, trao đổi kết quả đọc mở rộng ngay tại lớp. HS biết vận dụng hiểu biết, trải nghiệm, kỹ năng được học trong bài 8.

- HS nêu được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của văn nghị luận

**2. Năng lực**

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v…

**3. Phẩm chất**

- Những phẩm chất được gợi ra từ nội dung của VB đọc;

- Ý thức tự giác, tích cực của HS.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

**c. Sản phẩm:** Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ***: GV gợi dẫn và đặt câu hỏi:*

+ Trong các bài học vừa qua, chúng ta đã được thầy/cô hướng dẫn đọc 1 VB cụ thể. Trong tiết học hôm nay, các em sẽ tự chọn ra các VB đã được yêu cầu để tiến hành đọc mở rộng.

+ Các em đã lựa chọn ra những VB nào?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi;*

**B2: Thực hiện nhiệm vụ***- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.*

- HS quan sát, lắng nghe và nêu suy nghĩ cá nhân

- **B3: Báo cáo kết quả**- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

*- GV nhận xét, đánh giá.*

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung cơ bản của VB vừa đọc; trình bày được một số yếu tố của truyện (cốt truyện, nhân vật, ngôi kể, lời người kể chuyện, lời nhân vật), phân tích được một số đặc điểm của nhân vật; nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ, yếu tố tự sự và miêu tả, v.v...

**b. Nội dung:** HS sử dụng các VB có cùng đặc điểm thể loại ( văn bản nghị luận)

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu: *Mỗi nhóm chọn một VB có cùng đặc điểm thể loại và cùng chủ đề với các VB đã học trong những bài trước, tiến hành đọc và trình bày nội dung và nghệ thuật của VB.*  - Ví dụ : tiếng cười không muốn nghe  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | Gv gợi ý văn bản đọc tiếng cười không muốn nghe :Có thể chia văn bản thành 3 phần:  - Phần 1 (Từ đầu đến ***...hôm sau người cười***): Giới thiệu vấn đề  - Phần 2 (Tiếp theo đến ***…thái độ thán phục***): Chứng minh vấn đề  - Phần 3 (Còn lại): Khẳng định vấn đề  **1. Sự vô lí của hành động cười nhạo.**  - Người cười cảm thấy mình ở một vị trí rất cao, tự cho mình cái quyền phán xét, cợt nhạo kẻ khác.  - Lí do để cười thì muôn hình vạn trạng: 1 sai phạm, 1 lỗi lầm, 1 dị tật, 1 tính cách, 1 sở thích,… của người nào đó. Hay đơn giản cười vì người khác có những điều không giống ta.  **2. Mục đích chính mà văn bản hướng tới.**  *“Tiếng cười không muốn nghe”* là bài văn nghị luận phê phán những nụ cười nhạo báng, mỉa mai, chê bai người khác. Đồng thời nhấn mạnh thái độ đúng đắn trước những khiếm khuyết của người khác và coi lòng nhân ái là "phương thuốc" trị "căn bệnh" chê bai người khác. |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

**b) Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

**c) Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Hãy viết đoạn văn khoảng 5-7 câu nêu ý kiến của em về vai trò của tình bạn

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ làm việc cá nhân

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

**B4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**4. Hoạt động 4: vận dụng**

**a) Mục tiêu:**  vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống

**b) Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

**c) Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

**d) Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**: (GV giao bài tập)

? Em hãy về sưu tầm một văn bản nghị luận

Nêu luận điểm và dẫ chứng trong bài văn nghị luận đó?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV

**B4: Kết luận, nhận định (GV)**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Kí duyệt:

**Bài 10:CUỐN SÁCH TÔI YÊU**

Thời gian thực hiện: 8 tiết

*Thiên nhiên và sách thuộc về những đôi mắt thấy chúng.*

Ơ-mơ-sơn (R.W. Emerson)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nắm được tri thức ngữ văn (văn bản nghị luận văn học, lí lẽ và dẫn chứng trong bài nghị luận văn học).

- Nêu được ấn tượng chung về cuốn sách yêu thích.

- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật trong cuốn sách.

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ.

- Nhận ra được đặc điểm của bài văn nghị luận văn học (bàn về một tác giả)

- Viết được đoạn văn giới thiệu về một nhân vật trong cuốn sách yêu thích

- Biết trình bày ý kiến, thảo luận về một cuốn sách hoặc trình diễn một nội dung trong cuốn sách đó dưới hình thức: đóng kịch, ngâm thơ...

**2. Về năng lực**

**- Năng lực chung**: năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác,năng lực tự học và tự chủ, năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân.

- **Năng lực đặc thù môn học:**

+ Phát triển kĩ năng tự đọc sách trên cơ sở vận dụng những điều đã học.

+ Biết kể lại tóm tắt nội dung cuốn sách.

+ Xác định được đề tài, chủ đề, thái độ và tình cảm của tác giả thể hiện qua văn bản.

+ Viết được đoạn văn giới thiệu về cuốn sách, về nhân vật yêu thích trong cuốn sách.

+ Biết trình bày ý kiến, thảo luận về cuốn sách yêu thích hoặc về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

+ Đưa ra được các ý tưởng, sáng tạo được các poster giới thiệu về cuốn sách có tính thẩm mỹ.

+ Nhận ra được đặc điểm của bài nghị luận văn học.

+ Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

**3. Về phẩm chất**

-Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

- Học hỏi và trau chuốt ngôn ngữ để vận dụng vào việc thuyết trình dự án đọc sách.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**-** SGK, SGV

- Các cuốn sách liên quan đến chủ đề: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất - ngôi nhà chung.

- Máy chiếu, máy tính

- Các phương tiện dạy học khác: màu vẽ, giấy vẽ, tư liệu hình ảnh minh hoạ (tranh ảnh và phim ngắn),...

- Phiếu đọc sách

- Góc đọc sách của lớp

- Thư viện nhà trường

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu**:

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Hệ thống lại các tác phẩm văn học đã học theo chủ đề.

- Giúp học sinh tự khám phá thế giới và cảm nhận niềm vui của việc đọc sách.

**b) Nội dung:**

- HS tự đọcphần Giới thiệu bài học, theo dõi câu hỏi của GV, suy nghĩ và trình bày theo cách hiểu của mình.

- HS kể tên 10 cuốn sách mà em biết (kèm tên tác giả) phù hợp với chủ đề dự án lựa chọn như: *Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất - ngôi nhà chung.*

**c) Sản phẩm**:

- Hệ thống lại được các tác phẩm văn học đã học theo chủ đề.

- HS nêu được

+ Sách đầu tiên là của người Ai Cập, xuất hiện vào khoảng thế kỉ XXV trước Công nguyên. Ban đầu sách được khắc trên đá, thân cây, xương, đất sét, gỗ hoặc viết vẽ trên lá cây, vải... - Những kỉ lục liên quan đến sách: cuốn sách có kích thước lớn nhất là cuốn viết về vương quốc Bu-tan do nhà khoa học Mỹ Ha-li vận động quỹ để làm ra. Cuốn sách dày 112 trang, nặng 59kg. Cuốn sách nhỏ nhất là cuốn Ti-ni Tét ở thị trấn Tơ-nip có kích thước 0,1 mm × 0,07 mm.

+ Thư viện đầu tiên là thư viện A-lếch-xan-đri-a ở Ai Cập. Thư viện này tồn tại từ thế kỉ thứ III trước Công nguyên, gồm khoảng 7000000 bản chép tay về các lĩnh vực khác nhau như: văn học, nghệ thuật, tôn giáo, triết học. lịch sử, khoa học...

- Kể được chính xác tên 10 cuốn sách và tác giả.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

GV chia lớp thành 3 nhóm và giao nhiệm vụ:

+ Nhóm 1: Sách có từ bao giờ? Sách được làm bằng những cách nào? Kể tên 10 cuốn sách em yêu thích (kèm tên tác giả).

+ Nhóm 2: Hãy nêu những kỉ lục về sách mà em biết? Kể tên 10 cuốn sách em yêu thích (kèm tên tác giả).

+ Nhóm 3: Thư viện nào được coi là thư viện đầu tiên trên thế giới? Vì sao trong giai đoạn đó, thư viện này được coi là thư viện lớn nhất? Kể tên 10 cuốn sách em yêu thích (kèm tên tác giả).

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS thảo luận theo nhóm và ghi lại kết quả thảo luận (thời gian: 4 phút)

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết quả, nhận định:**

GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt

**2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**NS:**

**ND:**

**Tiết 129 : *THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH***

**2. 1. Mục tiêu**

***a, Kiến thức:***

- Nêu được các thông tin về cuốn sách (tên sách, tác giả, nhà xuất bản...)

- Tóm tắt nội dung, xác định được: đề tài, bố cục, nhân vật, sự kiện, chi tiết tiêu biểu trong cuốn sách.

- Nêu được khái niệm văn bản nghị luận văn học và lí lẽ trong nghị luận văn học.

- Xác định được câu văn mang luận điểm trong bài nghị luận văn học.

***b, Năng lực***

- Xác định được những điểm hấp dẫn mà cuốn sách gợi ra.

- Xây dựng cây đọc sách với các mẫu nhật kí đọc sách, mẫu phiếu ghi chép về sách của nhóm,

- Tự thiết kế một sản phẩm minh họa cho cuốn sách như: poster, fanpage, sơ đồ...

- Tự giới thiệu được về cuốn sách, một tác giả yêu thích.

- Phân tích và so sánh để thấy những điểm tương đồng và khác biệt giữa nội dung, hình thức của phim và sách.

***c, Phẩm chất***

- Yêu quý và trân trọng sách.

- Có ý thức giữ gìn sách.

**2.2. Thiết bị dạy học và học liệu**

- SGK, SGV

- Máy chiếu, máy tính

- Tư liệu và tranh ảnh về tác giả Lò Ngân Sủn

- Tranh ảnh, phim *Hoàng tử bé*

- Các phương tiện dạy học khác: màu vẽ, giấy vẽ...

**2. 3. Tiến trình dạy học**

***a, Mở đầu***

- Mục tiêu: HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

- Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

- Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

- Tổ chức thực hiện:

+ **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):**

GV hướng dẫn HS tạo không gian đọc sách mở; GV đưa yêu cầu: Chia sẻ những điều thú vị nhất mà em cảm nhận được từ cuốn sách mới đọc; Kể tên một cuốn sách em cho là cần đọc trong tuần này và thuyết phục các bạn cùng đọc.

+ **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

HS suy nghĩ

+ **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

Báo cáo, thảo luận: HS trả lời các câu hỏi của GV

+ **Bước 4: Kết quả, nhận định:**

GV nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

***b, Hình thành kiến thức mới***

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** |
| ***Hoạt động 1: SÁCH HAY CHUNG ĐỌC***  **- Mục tiêu**: HS lựa chọn chủ đề định hướng cho việc đọc sách, tìm cuốn sách có nội dung liên quan đến chủ để, cùng đọc và giới thiệu về cuốn sách đó.  **- Nội dung**: HS chọn hai trong số các chủ đề: Tôi và các bạn, Gõ cửa trái tim, Yêu thương và chia sẻ, Quê hương yêu dấu, Những nẻo đường xứ sở, Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái đất – ngôi nhà chung. HS tìm tên cuốn sách, đọc, giới thiệu về cuốn sách.  **- Sản phẩm:** câu trả lời của HS, các poster, fanpage, vieo giới thiệu về cuốn sách.  **- Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1:Chuyển giao nhiệm vụ**:  GV chia lớp thành 6 nhóm, các nhóm bốc thăm chủ đề. Tìm một cuốn sách thuộc chủ đề đó, cùng đọc và viết lời giới thiệu ngắn. Yêu cầu: nêu rõ tên sách, tên tác giả, nhà xuất bản; tóm tắt nội dung, đề tài, chủ đề, nhân vật, sự kiện, chi tiết; liệt kê những câu văn, đoạn văn yêu thích; tự thiết kế một sản phẩm minh họa. (***Nhiệm vụ này cần được giao trước, thời gian trên lớp chỉ dành để các nhóm báo cáo).***  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**  HS chia nhóm và thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo và thảo luận:**  Treo lời giới thiệu về cuốn sách của các nhóm,Các nhóm cử đại diện trình bày. Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.  **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét | **I. Sách hay chung đọc**  - Các nhóm lựa chọn được một cuốn sách theo chủ đề, viết nhật ký đọc sách, trao đổi, viết lời giới thiệu, trình bày sản phẩm. |

**NS:**

**ND:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 130: *THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH***  - **Mục tiêu**:  Khuyến khích việc đọc cá nhân. Kết hợp đọc và ghi chép những điều thú vị trong sách. HS trình bày ý kiến, bộc lộ cảm nghĩ, sở thích cá nhân về cuốn sách yêu thích; rút ra bài học từ những trang sách.  **- Nội dung**:  HS đọc và ghi chép các nội dung:  + Nhan đề và giải thích nhan đề cuốn sách  + Những điều lý thú từ trang sách? Vì sao em thấy lý thú?  + Thế giới từ trang sách: em gặp ai và đến những đâu qua trang sách?  + Bài học từ trang sách? Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này?  **- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  - **Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  Giao phiếu học tập. Mỗi HS chọn một cuốn sách yêu thích, đọc và ghi chép lại những điều thu hoạch được vào phiếu học tập:   |  |  | | --- | --- | | Tên cuốn sách |  | | Tên tác giả |  | | Giải thích nhan đề |  | | Điểm lý thú, hấp dẫn trong tác phẩm? vì sao? |  | | Em đã gặp những ai, đã đến những đâu qua trang sách? |  | | Bài học rút ra từ cuốn sách? Những gì còn đọng lại trong tâm trí em? Vì sao em thích cuốn sách này? |  |   **- Thực hiện nhiệm vụ:** HS hoàn thành phiếu học tập.  **- Báo cáo và thảo luận:** 3, 4 HS chia sẻ về cuốn sách yêu thích.  **- Kết luận và nhận định:** GV nhận xét.  Hết tiết 2 | **II. Cuốn sách yêu thích**  - Học sinh nộp phiếu học tập qua việc đọc, ghi chép lại từ việc đọc cuốn sách yêu thích |
| \ **NS:**  **ND:**  ***Tiết 131: THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH***  **- Mục tiêu:** HS biết được khái niệm văn bản nghị luận văn học, lí lẽ trong nghị luận văn học; từ văn bản *Nhà thơ Lò Ngân Sún – người con của núi* HS xác định được câu chủ đề, cách nêu dẫn chứng, mối quan hệ giữa câu kết và câu mở đầu; HS giới thiệu được về một tác giả yêu thích.  **- Nội dung:** HS trả lời các câu hỏi:  + Vì sao Lò Ngân Sún được coi là người con của núi  + Xác định câu văn nêu luận điểm  + Vai trò của các câu trích dẫn  + Mối quan hệ giữa câu kết và câu mở đầu.  + Giới thiệu về một tác giả yêu thích  **- Sản phẩm:** Câu trả lời của HS  - **Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Chuyển giao nhiệm vụ 1:**  **-** HS đọc phần tri thức văn học. Đọc văn bản: *Nhà thơLò Ngân Sủn – người con của núi.*  - GV chiếu hình ảnh tác giả Lò Ngân Sún và các câu hỏi trắc nghiệm.  - HS trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:  Câu 1: *Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sún được tác giả gọi là “người con của núi”?*  a, Vì nhà thơ có nhiều bài thơ viết về núi rừng, cỏ cây, hoa lá của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.  b, Vì nhà thơ sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và từ nhỏ đã đắm mình trong hơi thở của núi rừng.  c, Vì trước khi trở thành nhà thơ, Lò Ngân Sún đích thực là một “người con của núi”, của Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.  d, Vì Lò Ngân Sún là tác giả của những bài thơ tiêu biểu về núi rừng như *Chiều biên giới, Trời và đất, Đi trên chín khúc Bản Xèo, Ngôi nhà rông.*  Câu 2: *Xác định câu văn nêu luận điểm trong bài?*  a, Đọc thơ Lò Ngân Sún ta như được khám phá những đỉnh núi xa thơ mộng và mãnh liệt.  b, Núi không chỉ là hình ảnh thường được nói đến trong thơ ông mà còn như một phần hồn thơ Lò Ngân Sún.  c, Những bài thơ tiêu biểu của Lò Ngân Sún như *Chiều biên giới, Trời và đất, Đi trên chín khúc Bản Xèo, Ngôi nhà rông* đều mang âm vọng của núi, mênh mang lời của núi.  d, Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong thơ ông?  *Câu 3: Những câu thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết?*  a, Bằng chứng  b, Lí lẽ  *Câu 4: Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ như thế nào với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu?*  a, Giải thích rõ và chứng minh cho vấn đề được nêu ra để bàn luận.  b, Làm bằng chứng cho vấn đề được bàn luận.  c, Nêu cảm xúc của người viết  d, Tổng hợp và kết luận về vấn đề đã được nêu và bàn luận.  **Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ  **Báo cáo nhiệm vụ:** HS trả lời và nhận xét  **Kết luận, nhận định:** GV chốt ý  **Chuyển giao nhiệm vụ 2:** HS tìm kiếm thông tin về một tác giả em yêu thích và giới thiệu với các bạn.  **Thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm thông tin  **Báo cáo nhiệm vụ:** HS trình bày. Các HS khác nhận xét.  **Kết luận, nhận định:** GV chốt ý  Hết tiết 3 | **III. Gặp gỡ tác giả**  1***.Tìm hiểu văn bản “Nhà thơ Lò Ngân Sủn-người con của núi”***  -HS phân tích được ngữ liệu  -Biết cách giới thiệu về một tác giả  ***2.Giới thiệu về tác giả yêu thích***  -Học sinh lựa chọn giới thiệu một tác giả liên quan đến văn bản chọn ở phần Cuốn sách tôi yêu. |
| **NS:**  **ND:**  **ND:**  ***Tiết 132: THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN: MỖI NGÀY MỘT CUỐN SÁCH***  **- Mục tiêu:** HS làm quen và bước đầu thấy được mối quan hệ giữa các loại hình nghệ thuật: văn học và nghệ thuật, văn học và hội họa; thiết kế poster hoặc vẽ lại bìa cuốn sách yêu thích.  **- Nội dung:**  **+** HS xem một đoạn trong bộ phim hoạt hình *Hoàng tử bé*  + Nhận thấy sự tương đồng và khác biệt giữa truyện và phim  + Thiết kế một poster hoặc vẽ lại bìa sách  - **Sản phẩm:**  **+** Câu trả lời của HS  + Poster giới thiệu phim hoặc tranh vẽ lại trang bìa sách.  **- Tổ chức thực hiện:** | |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **- Chuyển giao nhiệm vụ:**  **+** GV chiếu một đoạn trong bộ phim *Hoàng tử bé.* GV chia lớp thành 4 nhóm  *+* Thảo luận và so sánh chỉ ra những điểm tương đồng và khác biệt giữa phim và sách  + Các nhóm thiết kế poster hoặc vẽ lại trang bìa sách.  - **Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm xem phim, thảo luận và thực hiện nhiệm vụ.  - **Báo cáo nhiệm vụ:** Treo tranh hoặc poster của các nhóm. Các nhóm cử đại diện báo cáo  - **Kết luận, nhận định:** GV nhận xét. | **IV. Phiêu lưu cùng trang sách**  ***1.So sánh sự khác biệt giữa sách và phim chuyển thể***  -Phân tích, trao đổi, lập bảng so sánh sự tương đồng và khác biệt.  -Báo cáo ý kiến theo nhóm.  ***2. Trưng bày sản phẩm*** |

**3.HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

**a) Mục tiêu:** HS nắm được lí thuyết và vận dụng bài tập.

**b)Nội dung:**HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** Kết quả của nhóm bằng phiếu học tập, câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**

GV giới thiệu, yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

? Tự đánh giá, em thấy mình đã nắm được các đơn vị kiến thức nào?

**- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- Nghe câu hỏi

- GV nhận xét câu trả lời của HS.

- GV định hướng:

**- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

**- Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, GV chuẩn kiến thức

+ Giáo viên cần cho học sinh nắm chắc nội dung của phần 1: Vẻ đẹp phong cách văn hoá HCM là sự kết hợp hài hoà giữa truyền thống văn hoá dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Vẽ bản đồ tư duy khái quát nội dung bài học.

**\* HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

+ Nắm chắc về tác giả, tác phẩm, nội dung phần phân tích.

+Em học tập gì về phương pháp thuyết minh của tác giả?

+ Soạn tiếp phần còn lại: Đọc, tìm hiểu tác phẩm, soạn bài tiếp: Nét đẹp trong lối sống giản dị mà thanh cao của chủ tịch Hồ Chí Minh, Nghệ thuật, Nội dung của văn bản,

-Tìm những câu chuyên nói về sự giản dị của Bác: câu chuyện chiếc gối, nấu cháo bằng cơm nguội, câu chuyện về đôi dép cao su của Bác....

**NS:**

**ND:**

**Tiết 133 : THÁCH THỨC THỨ HAI: SÁNG TẠO CÙNG TÁC GIẢ**

**Sáng tạo sản phẩm nghệ thuật**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** HS thể hiện kết quả thưởng thức, cảm nhận, sáng tạo cùng cuốn sách và tác giả yêu thích với hình thức phù hợp ( viết đoạn văn, sáng tạo sản phẩm nghệ thuật, dựng hoạt cảnh)

- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực thẩm mĩ…

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực viết đoạn văn, minh họa những chi tiết yêu thích, sáng tạo sản phẩm nghệ thuật từ cuốn sách đã đọc.

- Năng lực trình bày sản phẩm một cách khoa học.

**3. Phẩm chất**

Qua bài học, giúp học sinh hình thành và phát triển được những phẩm chất tốt đep: Yêu sách, thích đọc sách; làm việc có trách nhiệm; biết đoàn kết, hợp tác với bạn bè; trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo án; SGK, SGV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh vẽ minh hoạ sách, truyện tranh;

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  Họ và tên: ................................................Lớp .............  Nhiệm vụ: Dựa vào bài tham khảo “Nhóc Ni-cô-la người bạn của tôi”, em hãy tìm chi tiết phù hợp trong ghi vào ô bên cạnh. | |
| Tên nhân vật, tên sách và tác giả |  |
| Hình dáng |  |
| Tính nết |  |
| Hành động |  |
| Suy nghĩ |  |
| Suy nghĩ, tình cảm của người viết |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  Họ và tên: ................................................Lớp .............  Nhiệm vụ: Dựa vào nhân vật mình yêu thích , em hãy tìm chi tiết phù hợp trong ghi vào ô bên cạnh. | |
| Tên nhân vật, tên sách và tác giả |  |
| Hình dáng |  |
| Tính nết |  |
| Hành động |  |
| Suy nghĩ |  |
| Suy nghĩ, tình cảm của người viết |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi trên phiếu bài tập.

**c. Sản phẩm:**HS cần trình bày được:

- Tên những cuốn sách mình đã đọc.

- Chi tiết ấn tượng nhất của cuốn sách.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:***

* GV phát phiếu học tập cho học sinh.
* GV yêu cầu học sinh điền tên những cuốn sách mình đã đọc và ghi lại chi tiết mình ấn tượng nhất ở mỗi cuốn sách.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS làm việc cá nhân, điền vào phiếu học tập

- GV quan sát, hỗ trợ.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- GV gọi môt số HS trình bày phần làm việc của mình.

- Một số HS khác nhận xét.

**B4: Kết luận, nhận định:**

* GV kết luận phần làm việc của học sinh. Từ chi tiết ấn tượng của học sinh

qua mỗi cuốn sách, giáo viên dẫn vào bài mới.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. HOẠT ĐỘNG 1: GIỚI THIỆU VỀ MỘT NHÂN VẬT TRONG CUỐN SÁCH YÊU THÍCH**

**a. Mục tiêu:** HS biết viết đoạn văn giới thiệu nhân vật trong cuốn sách mình yêu thích.

**b. Nội dung**

- Nêu được tên nhân vật, tên sách, tên tác giả.

- Trình bày được đặc điểm cảu nhân vật: hình dáng, tính nết, hành động, suy nghĩ.

- Nêu suy nghĩ, tình cảm của người viết đối với nhân vật.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **-** GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo trong SGK/121, chú ý các thẻ nhớ bên cạnh.  - GV yêu cầu HS gạch chân những từ ngữ, chi tiết quan trọng ( được nhắc đến trong thẻ nhớ).  - GV phát phiếu học tập số 1, HS trả lời câu hỏi bằng cách điềm vào phiếu học tập.  ? Chỉ ra tên nhân vật, tên sách, tên tác giả được nhắc đến trong bài?  ? Tìm những chi tiết miêu tả hình dáng, tính nết, hành động, suy nghĩ của nhân vật?  ? Suy nghĩ, tình cảm của người viết đối với nhân vật được thể hiện như thế nào?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc bài tham khảo, gạch chân từ ngữ, chi tiết quan trọng.  - HS điền vào phiếu học tập.  - GV quan sát, hỗ trợ học sinh.  **B3: Báo cáo kết quả**  - HS hoàn thiện phiếu học tập.  - GV gọi HS lên bảng trình bày, bổ sung.  **B4: Đánh giá, kết luận**  - GV đánh giá chung về thái độ, kết quả làm việc của học sinh.  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc kĩ các bước thực hành viết trong SGK/121:  ? Có mấy bước cần thực hiện?  ? Nội dung từng bước như thế nào?  - GV yêu cầu HS hoàn thiện dàn ý đoạn văn vào phiếu học tập.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc kĩ các bước khi viết đoạn.  - HS nêu nội dung các bước.  - HS hoàn thiện phiếu học tập số 2  - GV quan sát, hỗ trợ.  **B3: Báo cáo kết quả**  - HS hoàn thiện phiếu học tập.  - GV gọi HS lên bảng trình bày.  - Các HS cùng nhân vật có thể nhận xét, bổ sung.  **B4: Đánh giá, kết luận**  - GV đánh giá chung về thái độ, kết quả làm việc của học sinh. | **1.Phân tích bài viết tham khảo: Nhóc-ni-cô-la**  **a. Đọc**  **b. Hoàn thành phiếu bài tập số 1**  -Nhân vật Ni-cô-la trong Những chuyện chưa kể, Nhóc Ni-cô-la và các bạn,..của nhà văn Rơ-nê Gô-xi-nhi và họa sĩ Giăng-giắc Xăng-pê.  -Đặc điểm:  + Hình dáng: cái đầu dài và mái tóc dựng đứng, gầy nhom.  + Tính nết: rất hài hước, hồn nhiên, chân thành,..  + Hành động: hay nghịch ngầm.  + Suy nghĩ: luôn cố gắng, muốn làm gì đó tốt hơn.  -Suy nghĩ, tình cảm với nhân vật: Tuy hơi nghịch ngợm nhưng rất đáng yêu.  **2.Thực hành viết đoạn văn ( sgk/21)**  **a. Các bước tiến hành**  - Trước khi viết:  + Lựa chọn đề tài.  + Tìm ý  + Lập dàn ý  - Viết bài:  + Mở đoạn  + Thân đoạn  + Kết đoạn.  - Chỉnh sửa bài viết.  **b. Hoàn thiện phiếu bài tập số 2** |

**2. HOẠT ĐỘNG 2: SÁNG TẠO SẢN PHẨM NGHỆ THUẬT**

**a. Mục tiêu:** HS biết cách sáng tạo sản phẩm nghệ thuật: thiết kế pô-xtơ,vẽ tranh, dựng mô hình cho các nội dung của sách.

**b. Nội dung:** HS cần:

- Chọn cuốn sách minh họa.

- Chọn chi tiết, nhân vật định minh họa.

- Nêu ý tưởng minh họa.

- Lựa chọn hình thức minh họa phù hợp ( vẽ tranh, dựng mô hình,..)

**c. Sản phẩm học tập:**  pô –xtơ minh họa, truyện tranh,…

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS quan sát một số sản phẩm của các bạn học sinh và nhận xét:  ? Sản phẩm minh họa gồm mấy phần?  ? Phần tranh vẽ có ý nghĩa gì?  ? Hãy chọn chi tiết và đưa ra những ý tưởng để minh họa cho nhân vật em yêu thích?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát sản phẩm minh họa, nhận xét.  - HS chọn chi tiết, lên ý tưởng minh họa cho nhân vật mình đã chọn.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **B3: Báo cáo kết quả**  - HS ghi ra giấy chi tiết, đặc điểm cần minh họa.  - GV gọi HS trình bày ý tưởng của mình.  **B4: Đánh giá, kết luận**  - GV đánh giá chung về thái độ, kết quả làm việc của học sinh. | **1.Tham khảo sản phẩm**  - Hai phần: Phần viết và phần minh họa  - Tranh vẽ minh họa cho nội dung.  **2. Lựa chọn ý tưởng minh họa**  **-** Chi tiết  - Nhân vật |
| **DỰNG HOẠT CẢNH ĐỂ BIỂU DIỄN**  ( Phần này GV chỉ hd, HS thực hiện khi có thời gian phù hợp)  - GV giới thiệu mẫu đề cương để dựng hoạt cảnh (sgk/122)  - HS có thể cùng một số bạn trong lớp, nhóm phân vai và tập luyện để biểu diễn một hoạt cảnh được dựng từ câu chuyện đã học, đã đọc. | |

**C. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành sáng tạo sản phẩm.

**b. Nội dung:**

- Viết đoạn văn giới thiệu nhân vật.

- Minh họa chi tiết, nhân vật trong một cuốn sách.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả làm việc của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV cho HS viết đoạn văn, minh họa cho chi tiết, nhân vật mình đã chọn

- HS có thể làm việc cá nhân ( Viết đoạn văn) hoặc làm việc nhóm (vẽ tranh hoặc ,thiết kế pô-xtơ,..)

- GV quan sát, hỗ trợ.

- HS hoàn thiện sản phẩm của cá nhân, nhóm.

- GV đánh giá, kết luận.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để tiếp tục sáng tạo, giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS viết đoạn văn giới thiệu về một người có mối quan hệ thân thiết, gần gũi với em và vẽ tranh minh họa cho người đó.

**c. Sản phẩm học tập:**Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS.

- HS làm bài ở nhà.

- GV kiểm tra sản phẩm của HS vào tiết học sau.

**\* Chuẩn bị cho tiết học sau:**

- HS hoàn thiện sản phẩm sáng tạo của mình: các đoạn văn, tranh vẽ minh họa, truyện tranh.

- Xem lại các bước viết bài văn nghị luận về một hiện tượng.

- Đọc lại một số tác phẩm văn học đề cập đến hiện tượng đời sống.

- Tìm hiểu hiện tượng đời sống được gợi ra từ sách.

**NS:**

**ND:**

**Tiết 134 : THÁCH THỨC THỨ HAI: SÁNG TẠO CÙNG TÁC GIẢ**

**Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống**

**được gợi ra từ cuốn sách đã đọc**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

**-** HS xác định được hiện tượng đời sống mà cuốn sách gợi ra, biết liên hệ thực tế và biết đánh giá, nhận xét về hiện tượng đời sống ấy.

- HS nắm được yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống; biết trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống.

- Yêu thích đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực cảm thụ thẩm mĩ…

b. Năng lực đặc thù

- Năng lực nhận diện hiện tượng đời sống từ những cuốn sách đã đọc và từ thực tế cuộc sống.

- Năng lực viết đoạn văn, bài văn về một hiện tượng đời sống.

- Năng lực thể hiện quan điểm cá nhân trước một hiện tượng đời sống.

**3. Phẩm chất**

Qua bài học, giúp học sinh hình thành và phát triển được những phẩm chất tốt đẹp: Yêu sách, thích đọc sách, yêu cuộc sống; làm việc có trách nhiệm; trung thực trong học tập cũng như trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- Giáo án; SGK, SGV

- Phiếu tìm ý

- Bài viết tham khảo.

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU TÌM Ý**  Họ và tên: ................................................Lớp .............  Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng gợi ra từ sách. Ghi vào cột bên phải. | |
| Hiện tượng đó là gì? |  |
| Ý kiến của em như thế nào? |  |
| Hiện tượng đó xảy ra như thế nào? |  |
| Hiện tượng đó tác động gì đến cuộc sống của em và những người khác? |  |
| Cần làm gì để khắc phục ( hiện tượng xấu) hoặc phát huy(hiện tượng tốt)? |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi của GV

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ**

-GV chia lớp thành ba nhóm, cho HS chơi trò chơi tiếp sức ( 3 phút)

? Em hãy kể tên những hiện tượng đời sống được gợi ra từ cuốn sách mình đã đọc?

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS lên bảng trình bày theo cột của nhóm mình.

**B3: Báo cáo, thảo luận**

-GV cùng HS đánh giá kết quả làm việc của mỗi nhóm.

**B4: Kết luận, nhận định**

- GV tuyên dương, động viên các nhóm. Từ những hiện tượng đời sống đã được gợi ra, giáo viên dẫn vào bài mới.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Hoạt động 1: Yêu câu đối với bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được yêu cầu của dạng nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**b. Nội dung:** HS nêu được yêu cầu của bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu của bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận bàn.  - Gv theo dõi, hỗ trợ HS  **B3: Báo cáo, thảo luận**  -HS trình bày cá nhân  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức. | **\* Yêu cầu**  - Xác định hiện tượng.  - Thể hiện được ý kiến của người viết  - Dùng dẫn chứng và lí lẽ để thuyết phục người đọc. |

**2. Hoạt động 2: Tìm hiểu bài viết tham khảo: Nỗi đau của Ken-ga và trách nhiệm của con người với môi trường**

**a. Mục tiêu:** HS đọc bài tham khảo, nắm vững hơn các nội dung cơ bản trong bài nghị luận trình bày ý kiến về hiện tượng đời sống.

**b. Nội dung:** HS đọc và nhắc lại dàn ý chính cả bài viết.

**c. Sản phẩm:**Câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS đọc bài viết tham khảo và trả lời câu hỏi:  ? Hiện tượng được nói đến trong bài viết là gì? Dựa vào chi tiết nào em biết được điều đó?  ? Quan điểm của người viết trước hiện tượng đó?  ? Chỉ ra những lí lẽ, dẫn chứng được sử dụng trong bài?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS đọc văn bản, trả lời câu hỏi.  - Gv theo dõi, hỗ trợ HS  **B3: Báo cáo, thảo luận**  -HS trình bày, nhận xét, bổ sung.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức. | **1. Xác định hiện tượng:** tràn dầu trên biển ( Ken-ga bị dính váng dầu)  **2. Bày tỏ ý kiến:** Là hiện tượng đáng lên án gây nhiều hậu quả xấu đối với thiên nhiên và con người.  **3. Lí lẽ, dẫn chứng**  **+** Ảnh hưởng xấu đến môi trường biển (DC)  + Ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của con người (DC)   * Cần ngăn chặn |

**3. Hoạt động 3: Các bước viết bài**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được các bước viết bài.

**b. Nội dung:** HS xác định hiện tượng, tìm ý, lập dàn ý và viết bài.

**c. Sản phẩm:**Phần làm việc của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS nhắc lại các bước viết bài.  - GV yêu cầu HS hoàn thiện phiếu tìm ý  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận bàn.  **B3: Báo cáo kết quả**  -HS trình bày kết quả.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá, kết luận, chốt kiến thức. | + Xác định hiện tượng đời sống mà cuốn sách ( văn bản) gợi ra (thông qua các chi tiết, câu văn, sự việc, đoạn văn cụ thể)  + Tìm ý:  ./ Hiện tượng đó là gì?  ./ Ý kiến của em như thế nào?  ./ Hiện tượng đó xảy ra như thế nào?  ./ Hiện tượng đó tác động gì đến cuộc sống của em và những người khác?  ./ Cần làm gì để khắc phục hoặc phát huy hiện tượng?  + Lập dàn ý:  ./ MB: Giới thiệu hiện tượng  ./TB: Đưa ra các ý kiến bản luận.  ./ KB: Khẳng định lại ý kiến bản thân |

**C. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** HS thực hành viết bài

**b. Nội dung:**bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống gợi ra từ cuốn sách.

**c. Sản phẩm học tập:**Bài viếtcủa HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**-** GV chia nhóm cho HS viết phần mở bài, kết bài và một đoạn trong phần thân bài.

- HS có thể làm việc cá nhân.

- GV quan sát, hỗ trợ.

- GV đánh giá, kết luận.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để tiếp tục sáng tạo, giải quyết vấn đề trong thực tiễn cuộc sống.

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu những hiện tượng trong cuộc sống. Viết đoạn văn trình bày ý kiến của mình và lí gải tại sao.

**c. Sản phẩm học tập:**Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS.

- HS làm bài ở nhà.

- GV kiểm tra sản phẩm của HS vào tiết học sau.

**\* Chuẩn bị cho tiết học sau:**

- Chuẩn bị cây đọc sách của nhóm, lớp.

- Nhật kí đọc sách của cá nhân.

- Các cuốn sách đã đọc trong dự án.

- Bài giới thiệu sách của cá nhân, tập san của nhóm, lớp;

**NS:**

**ND:**

**Tiết 135: Nói và nghe**

**VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH**

**Thuyết minh, giới thiệu sản phẩm minh hoạ sách**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS tiếp tục thực hiện hoạt động báo cáo kết quả: thuyết minh, giới thiệu sản phẩm minh hoạ sách.

- HS biết trưng bày sản phẩm của mình đẹp, khoa học.

- HS biết cách nói và nghe phù hợp:

+ Biết thuyết trình về sản phẩm của nhóm/ cá nhân, tạo sự lôi cuốn người nghe và tiếp thu các ý kiến đánh giá, nhận xét.

+ HS biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày và đưa ra nhận xét đúng/ Phản hồi tích cực.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực thẩm mĩ…

**b. Năng lực chuyên môn**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực thẩm mỹ.

- Năng lực ngôn ngữ

**3. Phẩm chất**

- Ý thức đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

- Ý thức hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án; SGK, SGV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.

- Kế hoạch đánh giá hs của GV

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**2. Chuẩn bị của HS:**

- Tranh vẽ minh hoạ sách, truyện tranh;

- Cây đọc sách của nhóm, lớp;

- Nhật kí đọc sách của cá nhân;

- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm;

- Các cuốn sách đã đọc trong dự án;

- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức khác nhau: bài viết của cá nhân, tập san của nhóm, lớp;...

- Bài nói nêu lên ý kiến của mình về một vấn để trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV chiếu video bài hát ***Trang sách em yêu*** do Ái Khanh biểu diễn (*Vào youtube*) và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào video (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS trả lời câu hỏi của GV

**B4: Kết luận, nhận định:**GV nhận xét và kết nối vào bài

Qua các tiết học trước, các em đã phần nào hiểu rằng đọc sách có thể nuôi dưỡng tình cảm, mở mang trí tuệ, làm cho con người trở nên ưu tú hơn. Trên đường đời, chúng ta cần phải có những quyển sách hay dẫn lối. Qua việc đọc sách, qua việc học tập và giáo dục, con người sẽ có đức tính tốt, từ đó có được tương lai tốt đẹp. Vàbài học hôm nay của chúng ta với nội dunglà báo cáo về kết quả/ sản phẩm mà các em đã tích cực làm trong các tiết học trước. Sự thành công của tiết học sẽ thể hiện tình yêu sách của các em. Nào ta cùng bắt đầu tiết nhé.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**HOẠT ĐỘNG 1: GIỚI THIỆU SẢN PHẰM MINH HOẠ SÁCH**

(Hoạt động này có thể thực hiện trong phạm vi một lớp, khối, trường)

**Hoạt động 1.1: Trưng bày sản phẩm minh họa sách**

**a. Mục tiêu:** HSđược trải nghiệm, được thể hiện sự sáng tạo của mình qua các sản phẩm cụ thể.

**b. Nội dung:** HS sắp xếp, trưng bày sản phẩm sáng tạo của cá nhân và các nhóm về tranh minh họa, cây đọc sách, nhật kí đọc sách, sưu tập các loại sách theo chủ đề đã được học, bài giới thiệu pô-xtơ…

**c. Sản phẩm học tập**

- Tranh vẽ minh họa sách, truyện tranh;

- Cây đọc sách của nhóm, lớp;

- Nhật kí đọc sách của cá nhân;

- Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình của một số cá nhân, nhóm;

- Các cuốn sách đã đọc trong dự án;

- Bài giới thiệu sách dưới các hình thức khác nhau: bài viết của cá nhân, tập san của nhóm, lớp.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  Nhiệm vụ (qua bốc thăm) của các nhóm đã được phân công ở các tiết học trước.  - GV nêu rõ yêu cầu: GV cho các nhóm/ cá nhân thời gian 10 Phút để chuẩn bị/ trưng bày sản phẩm của cá nhân/ nhóm mình.  - GV yêu cầu học sinh nào được giao nhiệm vụ thuyết trình cũng chuẩn bị bài nói.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm tiến hành trưng bày sản phẩm.  - HS thuyết trình luyện nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  - HS báo cáo đã trưng bày xong.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét. | **1. HS trưng bày sản phẩm minh họa sách**  ***Nhóm 1:***  ***Nhóm 2:***  ***Nhóm 3:***  ***Nhóm 4:***  ***Nhóm 5:***  ***Nhóm 6:***  ***Cá nhân:***  **(***Lưu ý: nhiệm vụ theo bốc thăm, đăng kí từ tiết học trước***)** |

**Hoạt động 1.2: Thuyết trình sản phẩm minh họa sách**

**a. Mục tiêu:** HS thể hiện được khả năng giới thiệu, thuyết trình về sự am hiểu cuốn sách yêu thích qua sản phẩm minh họa sách.

**b. Nội dung:** HS thuyết trình được về sản phẩm sáng tạo của cá nhân, nhóm về tranh minh họa, cây đọc sách, nhật kí đọc sách, sưu tập các loại sách theo chủ đề đã được học, bài giới thiệu pô-xtơ…

**c. Sản phẩm học tập:** Các bài thuyết trình về sản phẩm minh họa sách.

**d. Tổ chức thực hiện.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV cho các nhóm/ cá nhân bốc thăm thứ tự thuyết trình của nhóm mình.  - Bầu ra một bạn làm thư kí tổng hợp điểm.  - GV đưa ra yêu cầu  + Đối với HS đại diện nhóm khi đứng ra thuyết trình.  Ngắn gọn, nhấn mạnh chỗ quan trọng, có giải thích, minh họa thêm bên ngoài (nếu có)  Tự tin, giọng nói dễ nghe  Có công cụ hỗ trợ  + Đối với các học sinh nhóm khác: chú ý lắng nghe để thảo luận trao đổi, nhận xét và cho điểm cho kết quả nhóm bạn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  - Phát phiếu tiêu chí chấm điểm.  (Gv khuyến khích, động viên, hoặc cho cả lớp động viên bằng tràng pháo tay… )  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - Đại diện học sinh các nhóm lần lượt trình bày theo thứ tự bốc thăm.  - HS nhóm khác nghe  **Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**  - HS thảo luận kết quả của các nhóm, đưa ra câu phản biện yêu cầu đội trình bày trả lời.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - HS nhóm khác cho điểm và GV cho điểm.  - GV nhận xét, tiếp tục khuyến khích.  - GV yêu cầu thư kí tổng hợp điểm và công bố điểmvào đầu giờ sau.  (Điểm cộng của cả hai tiết báo cáo và lấy  điểm theo nhóm/cá nhân.) | **2. Thuyết trình sản phẩm minh họa sách**  **\* Yêu cầu:**  - Thời gian trung bình: 3 phút (tùy đối tượng học sinh)  - Ngắn gọn, nhấn mạnh chỗ quan trọng, có giải thích, minh họa thêm bên ngoài (nếu có)  - Tự tin, giọng nói dễ nghe  - Có công cụ hỗ trợ (que chỉ, bút bấm tia laze) |

**TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM NHÓM/CÁ NHÂN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | | **Điểm tối đa** | **Điểm giáo viên dạy** | **Điểm nhóm khác**  **(Hoặc GV dự giờ)** |
| Tranh vẽ minh họa sách | Bố cục, trang trí, màu sắc |  |  |  |
| Nội dung |  |  |  |
| Sáng tạo |  |  |  |
| Thuyết trình(*Tự tin, lôi cuốn*) |  |  |  |
| Nhóm……… | Tổng (10đ) |  |  |  |
| Cây đọc sách | Hình thức(*trang trí, màu sắc*) |  |  |  |
| Nội dung |  |  |  |
| Sáng tạo |  |  |  |
| Thuyết trình |  |  |  |
| Nhóm………. | Tổng (10đ) |  |  |  |
| Nhật kí | Hình thức (*trang trí bìa, trang giấy, chữ viết đẹp…)* |  |  |  |
| Nội dung |  |  |  |
| Sáng tạo |  |  |  |
| Thuyết trình |  |  |  |
| Nhóm……… | Tổng (10đ) |  |  |  |
| Trưng bày sách | Hình thức(*Cân đối, bắt mắt, sinh động, phong phú…)* |  |  |  |
| Nội dung |  |  |  |
| Sáng tạo |  |  |  |
| Thuyết trình |  |  |  |
| Nhóm ……... | Tổng (10đ) |  |  |  |
| Bài giới thiệu sách  (*bài viết của cá nhân, tập san của nhóm*) | Hình thức (*trình bày rõ ràng, dễ hiểu, cụ thể, hình minh họa có không?*) |  |  |  |
| Nội dung (*sách hay, hữu ích không?*) |  |  |  |
| Phong cách thuyết trình (*lôi cuốn người nghe không?)* |  |  |  |
| Sáng tạo |  |  |  |
| Nhóm ……... | Tổng (10đ) |  |  |  |
| Đoạn băng hình ghi hình ảnh thuyết trình | Hình thức |  |  |  |
| Nội dung |  |  |  |
| Sáng tạo |  |  |  |
| Thuyết trình |  |  |  |
| Nhóm……… | Tổng (10đ) |  |  |  |

Nhóm/ Cá nhân đánh giá: ………………………….

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành thuyết trình lại, chỉnh sửa lại sản phẩm (Nếu có) dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- HS thực hiện*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức đã học và niềm đam mê với sách, hs tích cực tìm đọc sách để học hỏi, tăng thêm hiểu biết, bồi dưỡng tư tưởng tình cảm

**b. Nội dung:**HS đọc thêm nhiều cuốn sách hay, bổ ích, phù hợp với lứa tuổi .

**c. Sản phẩm học tập:**HS nắm được nội dung, kiến thức và bài học rút ra từ cuốn sách đã đọc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:*

1. Tìm đọc thêm các cuốn sách có chủ đề về tình bạn, tình thầy trò, tình cảm gia đình, về các tri thức khoa học tự nhiên, xã hội…

2. Tự làm sản phẩm minh họa sách mà em yêu thích.

*- HS thực hiện*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**\* Dăn dò:**

- Chuẩn bị bài nói ý kiến của mình về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách mà em đã đọc, yêu thích.

- GV cho HS tự hoàn thành các nội dung *Củng cố, mở rộng* ở nhà.

**NS:**

**ND:**

**Tiết 136: Nói và nghe**

**VỀ ĐÍCH: NGÀY HỘI VỚI SÁCH**

**Trình bày ý kiến về một vấn để trong đời sống**

**được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- HS tiếp tục thực hiện hoạt động báo cáo kết quả: trình bày ý kiến về một vấn để trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

- Biết trình bày ý kiến sao cho hấp dẫn và thuyết phục, thảo luận về một cuốn sách hoặc trình diễn một nội dung trong cuốn sách đó dưới hình thức: đóng kịch, ngâm thơ,...

- Biết lắng nghe các ý kiến nhận xét, phản hồi từ phía người nghe;

- Biết chú ý lắng nghe để nắm đầy đủ, chính xác các ý tưởng của người nói; tham gia trao đổi tích cực về vấn đề được trình bày.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác.

**b. Năng lực chuyên môn**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

*- Năng lực ngôn ngữ*

**3. Phẩm chất**

- Ý thức đọc sách và có ý thức giữ gìn sách.

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án; SGK, SGV

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Kế hoạch đánh giá học sinh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.  - Hình thức nói – nghe (thuyết trình sản phẩm của mình và nghe người khác thuyết trình). | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói.



**2. Chuẩn bị của HS:**

- Bài nói nêu lên ý kiến của mình về một vấn để trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

- Tác phẩm kịch, bài thơ thể hiện nội dung từ cuốn sách e đã đọc, hiểu.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động sự hiểu biết về cuốn sách đã đọc để xây dựng tác phẩm kịch, thơ, ca…

**c. Sản phẩm:**Tiết mục của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**B1: Chuyển giao nhiệm vụ*:*** GV yêu cầu HS biểu diễn tác phẩm kịch hoặc bài thơ, bài hát… thể hiện nội dung cuốn sách đã đọc.

**B2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS thể hiện

- HS nhóm khác quan sát, lắng nghe

- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung vào tác phẩm của các bạn (nếu có).

**B3: Báo cáo, thảo luận**

- HS báo cáo hoàn thành xong

**B4: Kết luận, nhận định:** Học sinh khác nhận xét, GV nhận xét, cho điểm

Ở tiết học trước, các em đã rất thành công trong việc thuyết minh, giới thiệu sản phẩm minh hoạ sách và đạt được kết quả rất tốt. Ở tiết học này, cô hi vọng các em sẽ nối tiếp sự thành công đó và đem đến cho tiết học này những bài nói thật hay, hấp dẫn khi trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**HOẠT ĐỘNG 2: TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SÓNG ĐƯỢC GỢI RA TỪ CUỐN SÁCH ĐÃ ĐỌC**

**Hoạt động 2.1: Chuẩn bị bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xác định mục đích nói, bám sát mục đích nói và đối tượng nghe.  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói.  - GV hướng dẫn HS luyện nói theo nhóm, góp ý cho nhau về nội dung, cách nói.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - Các nhóm luyện nói  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức Ghi lên bảng. | **1. Chuẩn bị bài nói**  **2. Các bước tiến hành**  - Lựa chọn đề tài, nội dung nói;  - Tìm ý, lập ý cho bài nói;  - Chỉnh sửa bài nói;  - Tập luyện.  + HS nói một mình trước gương.  + HS tập nói trước nhóm/tổ. |

**Hoạt động 2.2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** Hs trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói củaHS, HS kháclắng nghe

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIÊN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV gọi 1 số HS trình bày trước lớp, các HS còn lại thực hiện hoạt động nhóm: theo dõi, nhận xét, đánh giá điền vào phiếu;  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi thảo luận**  - HS trình bày bài nói  - Giáo viên theo dõi, hỗ trợ  - Các HS khác theo dõi để nhận xét, đánh giá vào phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **Gv**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  (có thể thu hút sự chú ý của người nghe bằng các sản phẩm minh hoạ sinh động đã chuẩn bị.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại. | **2. Trình bày bài nói**  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (kể lại một trải nghiệm).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp.  - HS nói trước lớp |

**Hoạt động 2.3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, đánh giá về bài nói của các nhóm.

**c. Sản phẩm học tập:** HS điền phiếu tiêu chí đánh giá.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo phiếu đánh giá.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện đánh giá theo phiếu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV điều phối:  + HS trình bày sản phẩm thảo luận;  + HS tương tác, nhận xét, đặt câu hỏi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại.  Thư kí tổng hợp điểm của các nhóm.  Gv công bố kết quả điểm của các nhóm, cá nhân. Chúc mừng nhóm/ cá nhân có điểm cao. | **3. Đánh giá bài nói**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.  - Nhận xét của HS |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo đam mê đọc sách cho HS và HS hiểu được ý nghĩa của các cuốn sách đã đọc.

**b. Nội dung:**Đọc – hiểu cuốn sách sưu tầm được.

**c. Sản phẩm học tập:**Hs hiểu biết về cuốn sách đã đọc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**THỰC HÀNH ĐỌC**

GV cho HS tự thực hành đọc sách*Nhật kí rưởng thành của những đứa trẻ ngoan* (Haohaizi Chengzhang Riri) ở nhà, gợi ý HS chú ý đến chủ yếu là những bài học được rút ra từ các mẩu chuyện nhỏ theo từng chủ đề của mỗi cuốn.

**\* Dăn dò:**

Chuẩn bị bài ***Ôn tập và kiểm tra*** (2 tiết)

**NS:**

**ND:**

**Tiết 137 +138 : ÔN TẬP KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**(Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

***1. Về kiến thức:***

- Có cái nhìn tổng hợp và toàn diện lại các tri thức ngữ văn đã học trong trương trình văn 6 kì II

- Điểm lại và ghi nhớ giá trị nội dung và giá trị nghệ thuật các văn bản đã học theo các chủ đề: Chuyện kể về những người anh hùng, Thế giới cổ tích, Khác biệt và gần gũi, Trái Đất – ngôi nhà chung.

- Nhắc lại và tổng hợp kiến thức về từ vựng và biện pháp tu từ.

***2.Về năng lực:***

- Có khả năng nhận biết và phân biệt các thể loại văn học đã được tìm hiểu.

- Nhận biết và phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

- Nhận biết được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy), hiểu được tác dụng của việc sử dụng từ láy trong văn bản.

- Tạo lập một văn bản theo yêu cầu: văn tự sự, văn nghị luận...

- Kể được và nêu được ý kiến, quan điểm của mình về một vấn đề nào đó.

***3.Về phẩm chất:***

- Nhân ái, chan hoà, khiêm tốn; trân trọng cuộc sống, tôn trọng sự khác biệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- SGK, SGV.

- Một số video, tranh ảnh liên quan đến nội dung bài học.

- Máy chiếu, máy tính

- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.

- Phiếu học tập:

+ Phiếu số 1:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Đọc** | **Viết** | **Nói và nghe** |
| *Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng* |  |  |  |
| *Bài 7.Thế giới cổ tích* |  |  |  |
| *Bài 8. Khác biệt và gần gũi* |  |  |  |
| *Bài 9. Trái Đất - ngôi nhà chung* |  |  |  |
| *Bài 10. Cuốn sách tôi yêu* |  |  |  |

+ Phiếu bài tập số 2:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thể loại/ loại văn bản** | **Văn bản lựa chọn** | **Đặc điểm thể loại/ loại văn bản** |
| **1** | Truyển thuyết |  |  |
| **2** | Truyện cổ tích |  |  |
| **3** | Văn bản nghị luận |  |  |
| **4** | Văn bản thông tin |  |  |

+ Phiếu bài tập số 3:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kiểu bài viết** | **Mục đích** | **Yêu cẩu** | **Các buớc thực hiện** | **Để tài nêu thêm** |
| Bài 6. *Chuyện kể về những người anh hùng* |  |  |  |  |
| *Bài 7.Thế giới cổ tích* |  |  |  |  |
| *Bài 8. Khác biệt và gần gũi* |  |  |  |  |
| *Bài 9. Trái Đất - ngôi nhà chung* |  |  |  |  |
| *Bài 10. Cuốn sách tôi yêu* |  |  |  |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

|  |
| --- |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Gợi nhắc kiến thức đã học thông qua các trò chơi.  **b) Nội dung**:  **- GV** tổ chức trò chơi khởi động.  - **HS** quan sát và tham gia trò chơi.  **c) Sản phẩm:**HS nêu/trình bày được  - Nhắc lại được tên các bài học.  - Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).  - Ôn tập khái quát tri thức ngữ văn đã được học trong chương trình.  **d) Tổ chứcthực hiện:**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - **GV** hướng dẫn luật chơi và phân chia đội chơi.  - **HS** lắng nghe và thực hiện yêu cầu của giáo viên.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV:**  - Gv trình chiếu một số hình ảnh liên quan đến các chủ đề đã học và phát phiếu bài tập số 1.  - Các đội chơi sẽ thi xem đội nào kể được nhiều vấn đề đã học có liên quan đến hình ảnh.  - Đội nào kể được nhiều hơn sẽ giành chiến thắng.  **HS:**  **-** Tham gia trò chơi.  **-** Dựa vào hình ảnh để thảo luận và đưa ra đáp án một cách nhanh nhất có thể.  **B3: Báo cáo thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lêntrình bày phiếu bài tập số 1.  - Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).  **HS**:  -Trả lời câu hỏi của GV thông qua phiếu bài tập số 1.  - Đại diện báo cáo.  - HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc  - Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn. |

**3.2 HĐ 2: Hình thành kiến thức mới**

**3.2.1 Đọc – hiểu văn bản**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **I. KIẾN THỨC CƠ BẢN** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS ôn tập được kiến thức đã học trong chương trình ngữ văn 6 tập hai.  **b) Nội dung**:  - GV hướng dẫn HS ôn tập và gợi nhắc kiến thức.  - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV.  **c) Sản phẩm**: Câu trả lời của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | **Sản phẩm dự kiến** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và hoàn thành phiếu bài tập số 2  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV** chia lớp thành bốn nhóm. Mỗi nhóm thực hiện một thể loại/ loại văn bản:  + Nhóm 1: Truyền thuyết  + Nhóm 2: Truyện cổ tích  + Nhóm 3: Văn bản nghị luận  + Nhóm 4: Văn bản thông tin  **HS** quan sát SGK, thảo luận nhóm và thực hiện phiếu bài tập.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  **HS** cử đại diện thảo luận trước lớp.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **Bài tập 1:**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Stt** | **Thể loại/**  **Loại văn bản** | **Văn bản lựa chọn** | **Đặc điểm thể loại/ loại văn bản** | | 1 | Truyền thuyết | *Thánh Gióng* | - Là thể loại văn học dân gian.  - Nội dung: kể và các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ thông qua đó thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện, nhân vật được nhắc đến.  - Nghệ thuật: có yếu tố hoang đường, kì ảo. | | 2 | Truyện cổ tích | *Thạch Sanh* | - Là thể loại văn học dân gian.  - Nội dung: kể về những kiểu nhân vật như:  + Nhân vật bất hạnh  + Nhân vật có tài năng kì lạ  + Nhân vật thông minh/ Nhân vật ngốc nghếch  + Nhân vật là động vật  🡪 Qua đó thể hiện niềm tin và ước mơ của nhân dân về công lí, công bằng xã hội, cái thiện chiến thắng cái ác…  - Nghệ thuật: có yếu tố hoang đường kì ảo. | | 3 | Văn bản nghị luận | *Xem người ta kìa!* | - Nội dung: văn bản nghị luận thường bàn về một hiện tượng, một vấn đề nhằm khẳng định ý kiến của người viết (người nói) về hiện tượng (vấn đề) đó.  - Nghệ thuật: để có sức thuyết phục, người viết (người nói) cần sử dụng lí lẽ và bằng chứng. Lí lẽ là những lời diễn giải có lí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình. Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ. | | 4 | Văn bản thông tin | *Trái Đất – cái nôi của sự sống* | - Một văn bản thông tin thường có các yếu tố như: nhan đề (một số văn bản có sa-pô dưới nhan đề), đề mục (tên gọi của các phần), đoạn văn, tranh ảnh,...  - Mỗi văn bản thông tin có một cách triển khai riêng. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian, văn bản thông tin có thể được triển khai theo quan hệ nhân quả, nguyên nhân được nêu trước, tiếp sau đó là kết quả, tất cả tạo thành một chuỗi liên tục. | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và xem lại phiếu bài tập số 1 phần nói và nghe.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- GV:**  **+** Yêu cầu HS hoàn thành phiếu bài tập số 1 vào vở.  + So sánh mục đích của hoạt động nói ở bài 6, 7, 8, 9 và 10.  **- HS** quan sát SGK và thực hiện yêu cầu.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận.  **HS** cử đại diện thảo luận trước lớp.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức lên màn hình. | **Bài tập 3:**  **\* Hoàn thành bảng**   |  |  | | --- | --- | | **Bài học** | **Nói và nghe** | | *Bài 6. Chuyện kể về những người anh hùng* | Kể lại một truyền thuyết | | *Bài 7. Thế giới cổ tích* | Kể lại truyện cổ tích bằng lời một nhân vật | | *Bài 8. Khác biệt và gần gũi* | Trình bày ý kiến vể một hiện tượng (vấn đề) đời sống | | *Bài 9. Trái Đất - ngôi nhà chung* | Thảo luận về giải pháp khắc phục nạn ô nhiễm môi trường | | *Bài 10. Cuốn sách tôi yêu* | Giới thiệu sản phẩm minh hoạ sách, trình bày ý kiến về một vấn để trong đời sống được gợi ra từ cuốn sách đã đọc |   **\* So sánh mục đích của hoạt động nói ở bài 6, 7, 8, 9 và 10**  **- Giống:** Mục đích nói của tất cả các bài giống nhau ở chỗ: đểu muốn người nghe tiếp nhận chính xác, đẩy đủ nhất các thông tin cần truyền đạt.  - **Khác:**Được phân bố liên tục trong 10 bài học, hoạt động nói và nghe trong SGK *Ngữ văn 6* tập 2 chủ yếu tập trung vào các kiểu bài chính sau đây:  + Kể (có thể kết hợp miêu tả, trần thuật): kể lại một truyền thuyết (bài 6) và cổ tích (bài 7)   * Nghị luận (trình bày ý kiến, thảo luận):   + Trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) đời sống (bài 8, bài 9, bài 10). | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK và làm bài 2, bài 4 kết hợp với phiếu bài tập số 3 vào vở.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **- GV:**Yêu cầu HS hoàn thành phiếu bài tập số 3, bài 2, bài 4 vào vở.  **- HS**thực hiện yêu cầu khi về nhà. |  | |
|  | | |
| **II. LUYỆN TẬP** | | |
| **a) Mục tiêu**: Giúp HS  - Vận dụng toàn bộ những kiến thức đã học vào các bài tập  **b) Nội dung**:  - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, cho HS thảo luận nhóm.  - HS suy nghĩ cá nhân để trả lời, làm việc nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.  **c) Sản phẩm:** Câu trả lời và phiếu học tập đã hoàn thành của HS  **d) Tổ chức thực hiện** | | |
| **HĐ của thầy và trò** | | **Sản phẩm dự kiến** |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - Yêu cầu HS đọc SGK Hệ thống hóa các kiến thức đã học ở học kì 2.  Tổ chức trò chơi tôi là ai? Cử một bạn lên điều hành.  Ví dụ : Tôi là người đã giết chết chằn tinh, cứa công chúa dưới hang lên, tôi là ai ?  Trong câu chuyện nào ? Bạn có biết Thể loại truyện đó ?...  -kể lại câu chuyện bằng lời văn của bạn ?  - Yêu cầu học sinh viết một đoạn văn : Đóng vai nhân vật kể lại một phần truyện cổ tích.  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **HS** quan sát SGK, thảo luận nhóm và thực hiện bài tập. Dưới sự tổ chức, điều hành của bạn lớp trưởng và Gv  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trình bày kết quả thảo luận.  **HS** cử đại diện thảo luận trước lớp.  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  Nhận xét câu trả lời của HS và và chốt kiến thức ên màn hình | | -Trò chơi giúp học sinh củng cố kiến thức đã học cũng như các kĩ năng đọc, viết , nói , nghe.  - Học sinh kể lại câu chuyện. Tương tự vậy có thể kể lại các câu chuyện khác .  \_HS viết được một đoạn trong truyện cổ tích bất kì . sau đó trình bày trước lớp . |

IV. Củng cố dặn dò.

-Ôn tập lại các kiên thức đã học.

- Chẩn bị kiểm tra cuối kì II

Kí duyệt :